

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KỶ (1)

IV II

Giữa bề, khỏi Colombo, ngày 24 Mars.

Tàu tự Penang đi 2 giờ chiều ngày 19, đến 12 giờ trưa ngày 23 tới Colombo, chạy vừa đúng bốn ngày. Bốn ngày rông-rã ở trên tàu, nghe đã thấy chồn, nên tới nơi vội-vả lên bộ ngay. Từ đây mới bắt đầu được thưởng cái nóng của mặt trời nhiệt-đái. Thật là nóng như rang, nắng như lửa, cho nên người xứ này đen hơn củ sừng.

Tàu đến đây cũng như đến Penang, không vào áp bến, nghe đâu vì nước không đủ sâu, nên đứng ngoài xa, hành-khách muốn xuống bộ phải đi sà-lúp hay đi dò vào. Bến Colombo này, ở về phía tây-nam đảo Ceylan (Tích-lan), cũng là một nơi hải-cảng và một chốn thương-phụ to, ở giữa khoảng con đường giao-thông Đông-Á với Tây-Âu, các tàu lớn đi lại tất phải qua đó. Lúc tàu mới đến, đứng ngoài biển trông vào, cũng có một cái cảnh-tượng vĩ-đại, vì cái đê lớn nó bao bọc bên ngoài bến như một con trường-xà nằm quanh trên làn sóng biển. Nguyên cửa Colombo ở vào trung-độ con đường hằng-hải Ấn-độ-dương, vị-trí thật là tốt, nhưng địa-thể không phải là một nơi hiểm-yếu, đủ làm một chốn hải-cảng kín-đáo cho tàu bè đậu được. Phàm hải-cảng phải ở vào giữa một cái vũng bề sâu, chung quanh kín cả, chỉ có một cái cửa cho tàu đi

lại. Thành Colombo này ở ngay trên bờ biển, sóng rạt đến tận chân bến, những khi sóng gió không đủ làm chỗ ẩn-nấp cho các tàu bè. Bởi thế nên người Anh mới xây một cái đê dài bằng đá, chạy thẳng ra bề, bao lấy hai mặt, làm thành ở giữa như một cái vũng bề nhân-tạo cho tàu bè đậu được. Đó thật là một cái công-trình to lớn, mắt trông cũng đủ biết. Tàu đến thì vào đậu ở trong đường đê, đã có sẵn những cọc bằng đá và bằng sắt để bỏ neo, rồi sà-lúp và dò ra đón hành-khách vào bến. Hôm ấy, đậu ở trước cửa Colombo có một ohiếc chiến-hạm Anh cũng khá to, và nhiều các tàu biển khác nữa, hết thấy đều kéo cờ xí nhiều lắm, xanh đỏ trắng vàng, pháp-pha pháp-phới, coi rất ngoạn-mục. Tàu chúng tôi vào đến trước bến cũng kéo cờ như các tàu khác. Hỏi ra mới biết thành Colombo vừa làm lễ nghênh-tiếp Hoàng-Thái-tử nước Anh hiện-đương đi kinh-lược Ấn-độ. Vào đến thành-phố còn thấy những cửa khải-hoàn, những rạp diêm-binh, hãy còn mới mẻ cả, vì Thái-tử mới dời Colombo được mấy bữa, hiện ở Kandy, cách đây non một trăm cây-lô-mét.

Thành-phố Colombo lớn hơn Penang, hơn Singapore nhiều, và có một điều lạ khác hai nơi đó là suốt trong phố-phường không có một hiệu-khách nào,

(1) Xem Nam-Phong từ số 58.

bao nhiêu nghề-nghiệp buôn-bán ở tay người bản-xứ là người Chà hết thấy. Khách du-lich đã qua Singapore và Penang, an-trí rằng đâu có đất cắm dùi, tất có người khách ở, đến đây không thấy một chú Chiệc nào, không khỏi lấy làm lạ, và tự hỏi vì có sao. Vì có rằng trong thế-giới chỉ có hai giống người có cái sức sinh-hoạt mạnh ngang nhau, là giống Chi-na non bốn trăm triệu và giống Ấn-độ ngoại ba trăm triệu người. Hai giống người ấy không đủ sinh-hoạt ở đất nước mình, thường phải di-cư ra ngoài, làm các nghề-nghiệp, bất-cứ sang hèn, nghề gì kiếm ăn được thì thôi, dù kéo xe cũng được; cho nên những xứ nào người thổ-dân lười biếng hay nhu-nhược, không đủ giữ được lợi-quyền, tất thấy người Chà và người Chiệc đến lập-nghiệp nhiều lắm. Ở Singapore và Penang thời hai giống ấy chia nhau mà ăn hại người thổ-dân là người Mã-lai. Nhưng ở đây là xứ-sở của người Chà thì không còn dư-địa đâu cho người Chiệc ở nữa. Bởi thế nên trong suốt thành-phố Colombo không có một hiệu khách nào; nghe đâu chỉ có một vài tiệm hút thuốc phiện là của người khách mà thôi.

Người Chà ở Colombo lại những hơn là ở Penang và Singapore hề thấy khách lạ mặt thời sán đến tận nơi, kèm ngay bên cạnh, bám lấy không rời, duỗi không đi nữa; đưa thì mời đôi bạc, đưa thì chào đi xe, đưa thì gạ-gắm đi chơi, đưa thì năn-ni hút thuốc. Có mấy đứa cứ theo hoài đề mời vào tiệm, dùng thuốc phiện, nói rằng chánh-phủ Anh có lệnh cấm thuốc phiện, nhưng tiệm hẳn đã có phép riêng, xin mời cứ vào, không có ngại gì, vừa ngon, vừa rẻ! Nói vừa tiếng Anh, vừa tiếng Chà, lại pha mấy tiếng Pháp, dáng bộ gật-gù, coi thật khá-ố. Giống người Chà này thật là một giống đáng

ghét. Người đen như củ súng, mặt thì nhăn-nhăn nhở-nhở, anh nào cũng như bộ gạ-gắm muốn « xoáy » tiền của khách lạ. Không biết làm sao người Anh lại dung-túng những thói nhùng-nhiều như thế, vì những thói ấy đủ làm cho khách chán không muốn xuống bộ.

Tệ nhất là bọn Chà chở đò. Tàu không đỗ áp bến, và công-ti chỉ có một chiếc sà-lúp để chở khách tự tàu vào bến và từ bến ra tàu nhiều khi chờ đợi lâu lắm phải dùng đò. Bọn Chà chở đò chở đến nửa chừng đòi thêm tiền, không thời cứ nhùng-nhằng đứng đấy, khách sợ nhờ tàu nhiều khi đòi bao nhiêu cũng phải cho.

Tiền tiêu ở đây là tiền *roupies*, có quan tiền Pháp hay bạc giấy Đông-Pháp phải đổi ra *roupies*, mới tiêu được. Đổi như thế thì thiệt lắm, bọn Chà đòi bạc ăn tiền cấp nhiều quá. Theo thời-giá mỗi đồng *roupies* là ba quan, nhưng mười quan chỉ đổi được ba *roupies* mà thôi, mất hẳn một quan tiền cấp.

Chưa lên bến đã thấy một lũ Chà làm công của mấy hiệu ô-tô đưa giấy mời lên xe đi chơi phố. Chúng tôi thuê một cái xe 6 chỗ ngồi của hiệu *Colombo tourist office* đi dạo quanh phố-phường trong 3 giờ đồng-hồ, lại vào nghỉ mát uống nước trà ở nhà khách-sạn lớn trên núi Livinia, ở ngay trên bờ biển; cách Colombo bầy cây-lô-mét; cả thấy mỗi người 6 *roupies*, 6 người 36 *roupies* (hơn 20 đồng bạc ta).

Ở Colombo không có cái gì lạ, chỉ nhiều người, nhiều phố, nhưng cảnh-trí không đẹp bằng Penang. Duy có một giải bờ biển, sóng rạt mãi đến tận bên cạnh đường, chiều đến diều xe đi chơi mát trường cũng thú.

Nhân Hoàng-tử Anh sang chơi, thành Colombo có mở đấu-xảo các kỹ-nghệ của người bản-xứ, đặt thành như Hội chợ ở bên ta; mỗi người vào xem phải

mất một *roupie*, xem qua một lượt không thấy nghề gì là xuất-sắc lắm, tưởng cũng không hơn gì các kỹ-nghệ của ta.

Chúng tôi lại vào xem một cái chùa thờ Phật. Đạo Phật vốn phát-nguyên từ Ấn-độ, tức là đất Thiên-trúc đời xưa, vậy mà ngày nay trong suốt cõi Ấn-độ, không còn đâu thờ Phật nữa, duy có ở đảo Ceylan (Tích-lan) này mà thôi. Trong chùa có một cái tượng Phật nhập Nát-bàn to chật cả một gian chùa chung quanh treo những tranh vẽ về sự-tích Phật. Vào xem phải rút giấy bỏ mũ ở ngoài, và mỗi người cầm một cái hoa đề dâng trước Phật-đài. Cửa Phật là chỗ thanh-tĩnh từ-bi, thế mà cũng có một lũ Chà ngồi đấy để chực kiếm tiền của khách du-lich. Khách vào đến nơi, đưa nọ đất đi bên này, đưa kia lỏi đi bên nọ, chỉ trở huyền - thiên, nói-năng liú-lường, đến lúc ra là nhất-loạt ngửa tay xin tiền, cho một *roupie* không nghe, cho hai *roupie* cũng chưa bằng lòng. Giống buôn thánh bán thần, thật ở đâu cũng có!

Tối đến các cửa hàng trong thành-phố, thấp đèn điện sáng trưng, đứng ngoài bên trông vào, coi rất ngoạn-mục.

Đến 12 giờ đêm ngày 23, tàu cất neo chạy về *Djibouti*, chừng một tuần lễ nữa mới tới.

Giữa bề ngày 27 Mars

Quãng đường này là quãng đường dài nhất. Tàu đi tự Colombo đã hơn ba ngày còn chừng 4 ngày nữa mới tới *Djibouti*, càng chạy tàu càng lúc-lắc, tàu càng lúc-lắc, đầu càng lao-đao. Không say sóng lắm như mấy bữa đầu nhưng đầu nặng như đá, không thể ngồi mà viết lách hay đọc sách được. Viết mấy dòng này cũng phải nằm mà viết bằng bút chì. Cả ngày chỉ nằm dài, thật là buồn quá. Mong sao cho chóng tới nơi!

V

Giữa bề, ngày 28 Mars

Muốn biết ngày giờ dài là đường nào, phải đi tàu bề trong một tháng; ngồi trong tàu, chỉ trên trời, dưới nước, đặng đặng hằng ngày không trông thấy bờ, mỗi ngày coi dài bằng một tuần. Lại thêm tàu lúc-lắc, người lư-dừ, làm gì không được, đọc sách cũng chán, mới lại càng buồn nữa. Cứ ngày ấy sang ngày khác, ngày nào cũng như ngày nào, ăn rồi lại nằm, nằm rồi lại ăn, người nhần-nại đến thế nào cũng phải chán.

Chỉ thỉnh-thoảng trông thấy lũ cá bay, — gọi là cá bay, nhưng kỳ-thực không phải là cá bay, chính là những cá bề thường bị sóng đánh bắn lên như ta đánh thia-lia, — hay là gặp chiếc tàu khác đi ngang, là còn có chuyện vui một chút. Lại chiều chiều đến, lúc mặt trời lặn, lên trên boong mà chực xem « lục-quang-tuyến » (*les rayons verts*), cũng thấy trong tàu rộn rịp được một lát. Nhưng ai cũng chực xem lục-quang-tuyến, mà hồ-dễ đã ai trông thấy lục-quang-tuyến. Người ta thường truyền rằng giữa lúc mặt trời lặn xuống ở giữa bề, hể trên trời không mây mù gì, thì trông thấy trong loáng một giây đồng-hồ ở ngay chỗ mặt trời sụt xuống, một thứ ánh sáng riêng sắc xanh lục, gọi là « lục-quang-tuyến », và thứ quang-tuyến này chỉ thấy ở trong bề Ấn-độ-dương mà thôi. Song ít thấy lắm, vì không mấy khi là trời thực quang đặng, không có chút mây mù nào. Cho nên ai đã được trông thấy một lần, thời cho là một sự may-mắn không gì bằng, và tin rằng có ảnh-hưởng đến sự hạnh-phúc của mình. Ấy là người ta trương-truyền như thế, nhưng xét ra có lẽ cũng là một sự mơ-tưởng hay một sự quáng mắt mà thôi!

vì ai cũng nói lục-quang-tuyến, mà hỏi ra chưa ai trông thấy lục-quang-tuyến bao giờ. Ngày nào, cứ đến khoảng 6 giờ chiều mặt trời lặn, cả tàu ra ngóng trông mà tịch không có ai trông thấy, khi trời tạnh cũng như khi trời ám.

Ngày hôm qua thứ hai 27 Mars, trong tàu có mở một cuộc đàn ca, trước là mua vui trong quãng đường dài, sau là giúp vào những việc làm phúc cho các con bỏ cõi linh thủy. Cuộc này do mấy ông hành-khách hạng nhất khởi-xướng ra, mời quan chánh coi tàu là ông Carré làm chủ-tọa. Buổi chiều mở một cuộc rút số lấy đồ (*tombola*), tối thời các ông tây bà đầm kể đờn người hát, rồi sau nhẩy đầm vui-vẻ lắm. Hay nhất là lúc hai bà đầm hát bài Quốc - ca Đại - Pháp (*La Marseillaise*), một ông tây đánh đờn nhịp, cử-tọa đều đứng dậy hạ mũ nghe, đến những đoạn hay lại đồng-thanh hát nhịp theo, thật là cảm-động, tưởng như cái hồn oanh-liệt của Đại-Pháp truyền khắp cả những người đứng, đấy, dù là người quý-quốc hay người nước ngoài, ai nghe cũng thấy như hưng-khởi phấn-chấn tinh-thần lên. Ôi! mạnh thay là cái lòng ái-quốc!

29 Mars

Hôm qua, hôm nay, được hai ngày tốt quá: bề bình-tĩnh, tàu yên-lặng, lại có gió hiu-hiu mát, không ngờ gần đến Hồng-hải là nơi có tiếng nóng xưa nay mà lại được cái khí-hậu êm ái như thế này.

Bên mở tập nhật-ký để biên. Nhưng ngồi trong tàu giữa khoảng trời nước mênh-mông như thế này, còn có chuyện gì mà biên chép. Lại từ đầu đến giờ biên được tờ nào gửi về báo cả rồi, không biết còn có chuyện gì quên chưa chép không. Mà những tờ gửi về ấy, cũng không hay có tới nơi cả không, vì

những khi đổ tàu ở Singapore, Penang, Colombo, phải gửi vào nhà giầy-thép Anh để đợi có chiếc tàu nào chạy Đông-Pháp mới chuyển-giao, chắc không khỏi thất-lạc.

Nhớ kỹ lại, nghe đâu trong mấy tờ trước quên chưa nói đến các ông phái-viên Nam-kỳ cũng đi sang Đẩu-xảo một chuyến tàu này và xuống tàu từ Sài-gòn ngày 14 Mars. Số phái-viên Nam-kỳ đi Đẩu-xảo Marseille nhiều lắm, nghe đâu tới ngót ba-mươi ông, phần nhiều là những tay điều-chủ giàu có, tự xuất gia-si để đi chơi. Nhưng chuyến này đi cùng với chúng tôi chỉ có bốn ông, là : ông Lương Khắc-Ninh, thương-thụ ngũ-đẳng Bắc-đầu-bội-tinh, có chân Hội-đồng cố-vấn Nam-kỳ (*Conseil privé de Cochinchine*), ông vốn làm chủ mấy rạp hát ở Sài-gòn, có đem theo một bọn hát bội ba đào ba kép ; — ông Trương Minh-Giảng, tri-huyện, tòng-sự ở Phủ Thống-đốc Nam-kỳ ; — ông Võ Văn-Chiêu, điền-chủ, hiện làm cai-tổng, tòng Hòa-đồng-hạ, tỉnh Gò-công ; — Ông Võ Văn-Cang, điền-chủ, nguyên làm xã-trưởng làng Tân-niên-tây, tỉnh Gò-công, người còn thanh-niên, trước đã học qua một năm ở trường Cao-đẳng Pháp-chánh Hà-nội ; ông tự-xuất gia-si đem bà vợ và một đứa con gái đi theo, một nhà cùng du-lịch, tưởng cũng là một cái khoái-sự, ngoài Bắc ta chưa từng thấy bao giờ.

Bốn ông toàn là những người danh-giá trong Lục-châu, những khi lui tới chuyện-trò, cũng có nhiều điều thú.

VI

31 Mars

Hôm qua là 30 Mars, — Giữa mồng 3 tháng 3 ta, — 2 giờ rưỡi chiều, tàu đến Djibouti. Ngồi tàu đã hơn một tuần lễ, ai cũng thấy mỗi-một. Lại từ Sài-gòn đ

mấy cửa bể đậu (Singapore, Penang, Colombo), toàn là cửa bể của người Anh cả, nay mới đến một cửa của Đại-Pháp, nên ai cũng có cái hứng muốn xuống bộ.

Tàu không đỗ áp bến, đứng tận ngoài xa, có những thuyền của người thổ-dân ra đón khách vào bến.

Cửa Djibouti là một nơi hải-cảng của Đại-Pháp mới đặt được ba mươi năm nay ở ngay cửa bể Hồng-hải (*Mer Rouge*), đối với cửa Aden của người Anh. Cả một miền hải-tân này là nơi cùng-tịch, toàn-thị là sa-mạc hết, mà khí-hậu nóng như lửa đốt, cả năm không được mười ngày mưa. Trông xa chỉ cực-mục một vùng cát trắng, không có một cái cây, không có một ngọn cỏ. Thật là một nơi thiên-cùng thủy-tận. Thổ-dân lại là một giống dã-man hung-hãn, không có một chút văn-hóa gì. Thế mà qui-quốc trong khoảng hơn hai mươi năm gây dựng thành một nơi đô-hội cũng khá to, thế thì đủ biết người Đại-Pháp có cái công khai-thác, có cái tài kinh-doanh mạnh-bạo là dường nào. Đem Djibouti mà sánh với Colombo với Penang, với Singapore, thì không bằng thật. Nhưng phải biết rằng ba cửa bể của người Anh đó thành-lập đã lâu, lại ở vào những nơi đất tốt, người đông, của nhiều, cho nên dễ phát-đạt lên to. Cứ xem như cái cảnh-tượng một đảo Penang, khác nào như một cái rừng rậm xanh um toàn những cau cùng dừa cả. Nhà cửa của người ta như ú-ê ở dưới bóng mát cây xanh, mặt trời có trời-lọi, khí nóng có nồng-nàn, mà bóng cây gió bề làm cho sự sinh-hoạt vẫn có vẻ êm-dềm mát-mẻ. Đến như Djibouti này thì thật là một cõi đất cháy. Người ta nói rằng cách hai mươi năm nay, bấy giờ Djibouti đã có đường phố nhà-cửa rồi, trong suốt thành-phố không có một cây nào, chỉ trong dinh quan Thống-đốc có trồng một cây trà-là bằng sắt tấy

sơn xanh để hình-tượng loài thực-vật mà thôi !

Thế mà bây giờ không những trong dinh quan Thống-đốc có một cái vườn cũng khá xinh, mà trong đường-phố nhiều nơi đã trồng cây hai bên, có chỗ trồng rất một giống trúc-dào, hoa tươi đỏ ói. Coi đó thời đủ biết cái công-phu gây dựng khó nhọc là dường nào.

Bây giờ ở Djibouti các dinh-thự công-sở đã dựng lên xan-xát, nhà buôn cũng có giã ba nhà lớn, còn những tiệm buôn nhỏ phần nhiều của người Chà (*Indiens*) người Do-thái (*Juifs*), người Hi-lạp (*Grecs*) người Ả-rập (*Arabes*). Người bản-xứ là giống Somalis thì toàn làm những nghề đê-tiện như đánh xe gánh đều. Có người nói rằng giống này là giống hèn lẫm, chỉ ăn trộm, ăn cắp, làm biển, nói dối, không thể nào khai-hoá cho được ; đành là một giống bỏ đi, như giống Da-đỏ ở Bắc-Mĩ, giống thổ-dân ở Úc-châu vậy. Nhận kỹ đũa nào cũng gãy còm, không được mấy đũa mập-mạp, và trông những con trẻ mười đũa thì đến tám đũa sâu quảng ở hai ống chân. Thế mà lại hung-hãn nữa, hay làm giặc ăn cướp ; người ta nói mấy năm về trước phải đặt lính đi tuần luôn ở chung quanh Djibouti, người thường mà ra ngoài địa-phận mấy ngàn thước có khi bị giặc cướp bóc-lột. Không biết ngày nay đã khỏi những sự nhùng-nhiều ấy chưa.

Ở Djibouti này có một hạng con trẻ lặn tài lắm. Hễ tàu đến bến thì nó lặn từ trong bến ra, lượn chung quanh tàu, xin hành-khách cho tiền, rồi lặn xuống cho xem. Đứng trên tàu ném đồng su hay đồng hào xuống, nó liền lặn xuống đón lấy được đồng su đồng hào lên, mười lần không trượt lần nào, vì đồng tiền xuống không bao giờ mau bằng nó lặn. Lại có đũa lặn qua găm tàu, từ bên này

sang bên kia ; lại có đũa nhảy tự trên nóc tàu xuống ; nhanh-nhẹn dung-dị lạ-lùng, trông như một loài ếch loài cá chi, chứ không phải là giống người nữa.

Tàu đến bến, người thổ-dân thường đem đồ lên bán, như ốc tù-và, lông đà-điều (*autruche*). Mua bán ở đây có thứ tiền riêng của bán-xứ, nhưng dùng tiền phạt-lãng của Đại-Pháp cũng được.

Trong thành-phố, không có gì lạ mà xem, đi dạo qua độ một giờ đồng-hồ thì hết. Đi trong phố bằng một thứ xe ngựa, có mui, giá mỗi người mỗi giờ từ một đến hai phạt-lãng, tùy số người nhiều ít.

Lạ nhất là mấy phố của người bán-xứ và người Ả-rập ở, nhà làm đều không có mái, chỉ có gác sân ở trên, vì xứ này không có mưa mấy khi. Mấy hôm trước khi tàu đến, nghe như có mưa một chút, vì đường phố còn nơi có dấu bùn, và khí-hậu xem chừng có mát hơn những ngày thường.

Còn một chỗ nên xem nữa, là nơi « Chợ củi » (*Marché de bois*). Một xứ không có cây-cối như thế này, củi chắc

là một vật quý lắm. Người bán-xứ phải dùng lạc-đa (*chameaux*) đi kiếm củi những nơi xa đem về họp chợ bán. Củi cũng không thành thân củi, toàn là những cành cây khô, trông đánh cái lửa thì cháy vèo hết.

Ở Djibouti này còn một trò đề hiên các khách hiếu-kỳ : là trò đàn bà múa bụng, theo nhịp thanh-la trời bụng mà quay tít. Nhưng bọn đàn bà này toàn là những con gái điếm cả, khách hiếu-kỳ cũng phải nên cẩn-thận.

Tàu đỗ ở Djibouti có 8 giờ, từ 3 giờ chiều đến 11 giờ đêm, nửa đêm ngày 30 thời đã cắt neo chạy.

Qua eo bể Bab-el-Mandeb, thời vào Hồng-hải. Người ta thường nói vào đến đây thời nóng lắm, nhưng tôi thấy cũng không nóng hơn gì ở ngoài Ấn-độ-dương; có lẽ mùa này là đương mùa mát chăng.

Qua Hồng-hải phải mất bốn ngày, một ngày thứ năm qua sông Suez, rồi mới tới Port Saïd

(Còn nữa)

PHẠM-QUYNH

LƯỢC-KHAO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

III

DÂN-SỰ·THƯƠNG-SỰ·TỔ-TỤNG

Luật Dân-sự-thương-sự-tổ-tụng là luật định về thể-lệ thừa-kiện và thẩm-phán về việc dân-sự-thương-sự. Luật ấy tức cũng như để bổ-trợ cho Dân-luật (*Code Civil*) là vì thế này: Nguyên Dân-luật là định về các sự giao-tế của người đối với người, hoặc của người đối với tài-sản. Trong sự giao-tế ấy tất

phải có nghĩa-vụ hoặc quyền-lợi. Nếu người có nghĩa-vụ không chịu làm hoặc người có quyền-lợi bị ức-hiếp, thì tất phải đem thưa trước toà án, để bắt làm nghĩa-vụ hoặc đòi lại quyền-lợi. Nhưng người đương-sự đi thưa, cùng là toà án thẩm-phán tất phải theo một cái thủ-tục nhất-định, phải chiếu

(1) Xem *Nam-Phong* từ kỳ 57.

một cái thể-lệ thông-thường, thí-dụ về việc đấu-đơn khởi kiện, thử làm giải-hoà, hỏi chứng, lấy cung, vạng - án chấp-hành vân vân . . . phải thế nào cho hợp lệ. Ấy luật Dân-sự Thương-sự tổ-tụng làm ra là cốt qui-định về các việc ấy.

Luật « Dân-sự Thương-sự tổ-tụng » mới ở Bắc-kỳ làm ra trước hết là theo các định-lệnh quan Chưởng-ly ngày 17 tháng ba năm 1910 và ngày 7 tháng mười-hai năm 1912: mới đây nhân sự kinh-lịch thấy nhiều chỗ khuyết-điểm lại có thêm vào nhiều thủ-tục mới. Các thủ-tục trong luật ấy vẫn là bắt-chước luật Đại - Pháp, song không phải cứ bắt chước một cách câu-nệ đâu. Nghĩa là nhà làm luật lấy cái mẫu mực trong luật Đại-Pháp rồi tùy theo phong-tục, trình-độ dân ta mà sửa đổi lại thành ra một thứ luật mới nhiều chỗ lại hoàn-bị hơn luật Đại-Pháp. Nguyên luật Đại - Pháp hiện-hành bây giờ là một thứ luật làm ra đã hơn một trăm năm, nhiều chỗ còn chưa hợp với sự tiến-hóa hiện - thời. Chánh-phủ Đại-Pháp đã nghĩ ra nhiều cái qui-thức mới đem thí-nghiệm ở các thuộc-địa nhất là ở Maroc, thấy kết-quả một cách công-hiệu, mà xem các qui-thức ấy lại ám-hợp với luật cũ nước ta; bởi thế nhà làm luật bên Đông-Pháp này liền đem bổ-cứu thêm cho pháp-luật nước ta.

Luật mới ở Bắc-kỳ ta đây sánh với luật Đại-Pháp có nhiều điều rất giản-dị.

Luật tổ-tụng bên Pháp theo lối « dân-tố-qui-thức » (*systeme accusatorial*) nghĩa là thủ-tục để mặc tự-nhân phải làm. Chiếu theo cái qui-thức ấy thì người đương-sự khi đã khởi-ý tổ-tụng, phải tự làm lấy thủ-tục, rồi khi tòa án thụ-ly, người đương-sự phải tự mình biện-lấy các cách thăm-cứu cho tới khi kết án. Quan thăm-phán chỉ theo lời thỉnh-

cầu của người đương-sự, mà phán-thị mọi việc chớ tự mình không có phát-khởi việc gì; mặc hai bên tìm cách làm thế nào cho phát-minh sự thực, rồi quan thăm - phán cứ chiếu cái chứng-cứ của hai bên viện-dẫn mà phân - xử phải trái. Bởi vậy hề người đương-sự khờ dại thì thiệt. Cho nên luật Đại-Pháp không những theo cái tôn-chỉ « dân-tố-qui-thức » mà lại qui-định thêm rằng khi người đương-sự đi kiện không được tự mình làm lấy thủ-tục ở trước tòa án, phải nhờ một hạng người chuyên-môn gọi là trạng-sư (*avoué*) trạng-sư làm xong giấy má lại giao cho một hạng người gọi là biện-hộ-sĩ (*avocat*) đem ra cãi lẽ ở trước tòa án. luật bên Đại - Pháp phải định ra phiên-phức như thế là theo cái « dân-tố-qui-thức » sợ các tr-nhân không hiểu hết thủ-tục, nên phải giao cho người chuyên-trách để giữ cho hết lẽ khỏi lầm.

Luật mới ở Bắc-kỳ ta theo lối « quan-tố-qui-thức » (*Systeme inquisitorial*) nghĩa là thủ-tục để mặc quan thăm-phán phải làm. Chiếu theo cái qui-thức ấy thì người đương-sự có việc gì quan-hệ đến mình chỉ làm một lá đơn đem nộp quan thăm-phán; khi đã thụ-ly quan thăm-phán phải đốc-biện thủ-tục cho đến khi kết án. Người đương-sự chỉ hậu-thỉnh để mặc quan thăm-phán làm mọi thủ-tục cho phát-minh sự thực, cho đủ tang-chứng mà kết án.

Ở đệ tam-cấp còn có khi phải nhờ biện-hộ-trạng - sư (*Avocat-défenseur*, gọi là biện-hộ-trạng-sư, vì vừa làm giấy má, vừa ra cãi trước tòa, tức là kiêm cả chức *avoué* và chức *avocat* bên Pháp), chớ ở sơ-cấp, đệ-nhi-cấp, thì phải do người đương-sự thân-hành đến hầu kiện; nếu bận thì chỉ có thể ủy người thân-thuộc thích-thuộc hay là ủy người đồng-nguyên - cáo hoặc người đồng-bị-cáo thay mặt mà thôi, mà khi ấy lại phải có giấy ủy-quyền

của người đương-sự có chữ lý-trưởng hoặc phó-trưởng nhận-thực. Ngoài các người thay mặt ấy ra, luật không cho phép một hạng người nào, bất-cứ lấy danh-hiệu gì mà được đến trước tòa làm thầy cho người đương-sự. Vì nhà làm luật cũng biết rằng nếu cho phép người đương-sự được tự-do mượn người làm thầy kiện tất chỉ thêm tổn tiền cho người đương-sự; huống-chi chủ-ý nhà-nước Bảo-hộ cũng là bất-đắc-dĩ mà phải đặt ra nhiều luật-lệ, chớ nội là nước đã văn-minh, nước nào cũng cốt nhất là phải trọng đường luân-lý, qui đạo xử-hoà, có muốn chi đề cho dân sinh-sự đem nhau đến chốn tụng-đình, cũng là cái ý của cổ-nhân nói: « *Hình kỳ vô hình, tích dĩ chỉ tích* » vậy.

Chánh-phủ cũng vì cái tôn-chỉ ấy mà sửa lại luật là sở-dĩ đề theo cái trình-độ của dân ta, chứ không phải đặt thêm ra lắm khoa điều phiền-phức. Nay xem như từ khi thi-hành luật năm 1917 thấy các tỉnh bầm lên nói số việc giải-hòa mỗi ngày một tăng, số việc kết án mỗi ngày một giảm, thì Chánh-phủ suy nghiệm ra rằng đó là cái tang-chứng về sự ích-lợi của luật mới, mà liền tăng-bổ cho luật năm 1917 ấy là luật thí-nghiệm được hoàn-toàn.

Luật mới làm ra bây giờ tuy có dài thật, song xếp-đặt một cách gọn-ghe, qui-định một cách rõ-ràng, ai xem cũng hiểu.

Luật mới trọng nhất là cái tôn-chỉ bắt buộc các quan thẩm-phán nếu không tuân đúng thể-lệ luật định thì cho tiêu ngay cái thủ-tục làm sai, và có khi lại trừng-phạt theo quan-kỷ, mà nhất nhất việc gì ở tòa hạ-cấp đã làm rồi cũng phải do tòa Thượng-thẩm xét lại phân-minh. = Có người hỏi luật mới đã sửa đổi lại theo công-lý mà sao không bỏ cái lệ « câu-thúc thân-thê » đi ? Xin đáp lại rằng, vì theo tòa án Đại-Pháp

xử về việc án bản-xử cũng còn đề cái thủ-tục ấy, nên luật Bắc-kỳ cũng phải giữ lại lệ ấy cho hợp lẽ công-bằng; khi nào cái trình-độ dân bản-xử đã tiến-hóa, liệu không cần phải dùng cái thủ-tục ấy nữa, bấy giờ chính-phủ sẽ tuyên-bố đạo luật ngày 22 tháng bảy năm 1867 (là đạo luật đã bãi lệ câu-thúc thân-thê ở bên Pháp) khắp cõi Đông-Pháp thì tự-nhiên luật ta cũng phải bỏ lệ ấy.

Luật dân-sự-thương-sự mới ở Bắc-kỳ gồm có 373 điều chia làm bảy chương. Trong bài lược-khảo này, theo cách xếp-đặt riêng chia làm 4 chương:

10) Chương thứ nhất nói về cách-thức tố-tụng.

20) Chương thứ hai nói về cách-thức chấp-hành.

30) Chương thứ ba nói về thủ-tục linh-tinh.

40) Chương thứ tư nói về tổng-tắc trong luật.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nói về cách-thức tố-tụng

Người ta trong khi giao-tế với nhau vì ức-hiếp quyền-lợi của nhau, tất phải đem nhau lên chốn công-môn, nghĩa là lên quan thẩm-phán để xin phân-xử phải trái; quan thẩm-phán thấy người có việc đến khiếu, tất phải minh-cứu cho phát-hiện rõ ra sự-thực, để mà nghĩ án phân-xử cho hai bên. Cái thủ-tục ấy phải làm thế nào, đã có lệ định trong luật: Nào là trước hết do người đương-sự đầu đơn khởi kiện; nào là khi quan đã tiếp đơn phải đòi-gọi hai bên đến đối-tụng, để giải-hòa, để thẩm-cứu, để kết-án. Kết-án rồi, luật lại cho phép chống án. Trong khi tố-tụng lại có nhiều sự bất-thường xảy ra cũng gồm cả vào trong thủ-tục, gọi là thủ-tục phụ-đái. Bấy nhiêu công việc phải làm thế nào, đều định tường tất cả trong chương « cách thức tố-tụng ». Trong bài lược - khảo này chỉ có

thể nói qua về đại-ý mỗi thủ-tục mà thôi,

TIẾT THỨ I

Nói về đơn khởi kiện

Người nào có việc gì quan - hệ đến mình mới có quyền được đưa đơn thưa kiện, nghĩa là ai có bị ức-hiếp việc gì mới được đi kiện, còn người nào vô-cố bới việc đi kiện thì không được. Nếu người quan-hệ là vị-thành-dinh, thì tùy trường-hợp có thể nhờ người giám hộ, người trưởng - tộc hay là quan Chưởng-lý đứng kiện hộ (điều 3 và 4 Dân-sự-tổ-tụng).

Người có quyền được thưa kiện thì khởi-thủ phải làm đơn đem nộp quan thẩm-phán. Đơn khởi kiện phải làm theo cách-thức điều thứ 2. Đơn phải hoàn-toàn và nhất-định; và thuộc về mỗi việc chỉ được làm một lá đơn đem thưa trước tòa có quyền thẩm-phán mà thôi.

TIẾT THỨ II

Nói về cách đòi người đương-sự và thủ-tục giải-hòa

Cách đòi.—Người đương-sự đã đưa đơn, cho quan thẩm-phán thì do quan thẩm-phán phê-duyet vào đơn rồi sức đòi và định ngày cho hai bên đến hầu. — Thuộc về cách-thức làm giấy đòi phải tuân điều thứ 10, thứ 11, thứ 12 thứ 13 và thứ 14. Thuộc về cách-thức giao giấy đòi, thì hoặc giao cho đích-thân hoặc giao tại trú-quán người đương-sự, hoặc đem niêm-yết tại hương-hội-công-quán (xem điều thứ 15). — Người nguyên-cáo đã đưa đơn rồi, phải chực-hậu tòa án, nếu không thì phải bị xử-phạt; còn người bị-cáo nếu không đến hầu, thì phải bị xử khuyết-tịch (xem từ điều 16 đến điều 21 D. S. T. T.)(1).

Công-phán.— Trước khi quan thẩm-phán giải hòa, người nguyên-cáo được

khai sự thỉnh-cầu của mình, người bị-cáo được bày-tỏ sự biện-luận của mình.

Quan thẩm-phán sau khi nghe lời khai của hai bên rồi, nếu có thể giải-hòa được, thì lập tức chiếu theo mẫu trong luật làm tờ biên - bản giải - hòa, đọc cho hai bên nghe, rồi quan thẩm-phán cùng hai bên ký tên, nếu hai bên không biết ký tên, thì sẽ biên rằng không biết ký tên.

Nếu giải-hòa xong, thì việc kiện thế là giải-kết, nếu thử làm giải-hòa mà không xong, thì quan thẩm - phán đương-đương lấy khẩu-cung của hai bên. Tờ khẩu-cung ấy tức là bút-lục để kết-án, nên phải phân biệt như sau này: Nếu việc kiện thuộc về thẩm-quyền đệ-nhi-cấp, thì phải bảm lên đệ-nhi-cấp; nếu việc kiện thuộc về thẩm-quyền sơ-cấp, thì quan thẩm-phán sơ-cấp liệu việc kiện có thể giải-quyết được thì kết-án; nếu không thì phải dùng các phương-pháp thẩm-cứu sẽ nói ở trong tiết sau này, để phát-minh ra sự thực mà kết-án.

TIẾT THỨ III

Phương-pháp thẩm-cứu, ở sơ-cấp và đệ-nhi-cấp

Nếu tờ cung của hai bên cùng là giấy-má viện-dẫn, mà không định được lòng xác-tín thì quan thẩm - phán có thể dùng các phương-pháp thẩm-cứu khác, như giám-định, chứng - nghiệm, lý-khám, tra-tự - dạng, vân vân, các phương-pháp ấy hoặc do quan thẩm-phán tự làm lấy hoặc phái-ủy người công - chức thuộc hạt hay là uỷ-thác quan thẩm-phán biệt-hạt đứng làm.

TIẾT THỨ IV

Vấn-vấn

Án-vấn là một thứ công-vấn của tòa-án giải-quyết về một việc kiện. Trong án-vấn có hai phần: một là phần lý-do để kể đầu đuôi nguyên-

(1) Dân-sự-thương-sự-tổ-tụng.

nhân việc kiện ; hai là phần chủ-vấn tức là những lời của tòa-án nghĩ-xử về việc kiện. Án-thức phải làm thế nào đã có mẫu trong luật.

Mấy điều cốt-yếu về việc kết-án :

1^o Án bao giờ cũng phải do quan thẩm-phán tự làm.

2^o Án chỉ được nghĩ-xử đối với hai bên nguyên bị cùng là đối với những người tự ra can-thiệp và đòi ra dự-sự mà thôi.

3^o Án nói ở đây là án xử về dân-sự thương-sự không được cùng trong án ấy lại thêm khoản nghĩ - xử về hình-sự.

4^o Án nghĩ-xử thế nào phải đem tuyên đọc to tát rõ ràng trước phiên tòa công.

TIẾT THỨ V

Nói về phương-pháp kháng-tổ

Án đã xử rồi, nếu người đương-sự bị án không phục tình hoặc quan Chưởng-ly xét ra án xử không hợp luật thì có thể dùng phương-pháp chống án theo luật định : hoặc xin xử lại hoặc xin tiêu đi cho thỏa hợp với lẽ công-bằng ; các phương - pháp ấy tổng-danh là phương-pháp kháng-tổ, kê ra sau này :

A) Phương-pháp kháng-tổ thông-thường

1^o *Kháng - án.* — Người bị cáo đã bị đòi mà không đến hầu thì bị xử khuyết - tịch ; án khuyết - tịch đã xử rồi phải tổng - đạt cho người bị - nghĩ biết. Người bị - nghĩ đã biết có án thì được trong hạn 20 ngày để xin kháng án, nghĩa là xin tòa-án lại nghe cả lời phòng-ngự của mình mà xử lại việc kiện.

2^o *Kháng-cáo.* — Chỉ có án của tòa đệ-nhi-cấp chiếu điều thứ 13 luật Pháp-viện - biên-chế nghĩ-xử sơ-thẩm, mới

được kháng - cáo, nghĩa là người đương-sự bất-phục tình được xin tòa đệ-tam-cấp xử lại ; hạn được kháng-cáo là 15 ngày, nếu trễ quá hạn thì mất quyền kháng-cáo.

B) Phương pháp kháng-tổ dị-thường

1^o *Thu hồi nguyên án.* — Phạm án đương - tịch của các tòa Nam-án đã chung-thâm và án khuyết-tịch của các tòa sơ-cấp, đệ-nhi-cấp đã chung-thâm mà không được kháng-án nữa, thì có thể vì những duyên-cớ kể trong điều thứ 105 luật D. S. T. T. mà xin thu-hồi nghĩa là xin thu lại cái án ấy mà nghĩ-xử ra cái án khác ; hạn được thu-hồi là một tháng, cách tính hạn ấy tùy mỗi trường-hợp một khác, xem điều 106 D. S. T. T. thì biết rõ.

2^o *Thủ-tiêu nguyên-án.* — Phạm những án của tòa sơ-cấp đệ-nhi-cấp đã chung-thâm thì được vì những duyên cớ sau này : 1^o lạm-quyền, 2^o vi phạm quyền, 3^o trái - phép, mà xin thủ - tiêu, nghĩa là xin tòa tiêu cái án trước đi mà xử lại việc kiện ; hạn xin thủ-tiêu là 10 ngày, quá hạn không xin sẽ mất quyền xin thủ-tiêu.

3^o *Người đệ-tam xin tiêu án.* — Phạm quốc-dân An-nam người nào vì một cái án có thiệt hại đến quyền-lợi của mình hoặc quyền-lợi của người mình được chiếu luật thay mặt, thì tuy mình hay là người ấy không làm người đương-sự trong việc kiện đã kết - quả làm ra án ấy, nhưng cũng được ứng-dụng cái phương-pháp xin tiêu của người đệ-tam mà xin tiêu án ấy —. Nghĩa là người ngoài không dự gì đến việc kiện, mà thấy có phát ra một cái án trong có khoản gì hại đến quyền-lợi của mình thì được xin tòa án tiêu khoản ấy đi để chỉ bảo-toàn lấy quyền-lợi của mình mà thôi.

4^o *Giải-thích án văn.* — Khi nào có một cái án chung-thâm hay là có một cái án

không có thể được kháng-án, kháng-cáo, mà trong chủ-văn có một khoản không được rõ ràng, hoặc hiểu ra hai ý hay là có nhiều khoản trái nhau, hoặc lời lẽ không đủ, hoặc chữ nghĩa sai-lầm thì do các người đương-sự hoặc người đương-sự chết thì do người chịu-quyền được xin tòa án nguyên - thẩm giải-thích để định cái nghĩa chánh những chỗ nghi-ấn ; nhưng chỉ được giải-thích thuộc về án-lý hoặc chủ-văn của nguyên-án mà thôi. ngoài ra không được thêm khoản gì vào cả.

TIẾT THỨ VI

Nói về thủ-tục Phụ-đái.

Luật mới lại thêm một tiết « thủ-tục phụ-đái » nghĩa là thủ-tục phụ vào với việc kiện-chánh là việc chủ-sự. Vậy phạm Đương khi tố-tụng mà phát-sinh thêm ra việc gì có thể làm đình-chỉ, làm triển-hoãn hoặc làm thêm-phần việc kiện chánh ra thì nhất-thiết đều gọi là thủ-tục phụ-đái. Luật mới Bắc-kỳ định có mấy thủ-tục phụ-đái, đại-ý như sau này :

Bảo thủ phương pháp. (Từ điều 81 đến điều 87 D. S. T. T). — Khi đương làm thủ-tục về việc kiện chánh có một bên đương-sự vì cơ gì, mà sợ rằng vật bị kiện có thể bị táng-thất làm cho mình phải thiệt hại, thì bên đương-sự ấy có thể xin tòa án cho dùng phương-pháp bảo thủ để bảo-lồn lấy vật ấy cho đợi đến khi thành án nhất-định quyết-nghĩ vật ấy thuộc về của ai. Đại-khái gặp những khi như kiện về hoa mẫu, kiện về thừa-kế, hay là bất cứ kiện về động-sản, bất-động-sản gì có thể bị người đối-thủ làm táng-thất đi, thì người có lợi-quyền đều được xin dùng phương-pháp bảo-thủ là phương-pháp chỉ tạm-thời mà thôi.

Tự-minh-thôi-kiện. (Từ điều 88 đến điều 90 D. S. T. T). — Trong khi làm việc kiện chánh hay là việc kiện phụ-

đái, hay là kháng-cáo, không cứ lúc nào, người nguyên-cáo hoặc người kháng-cáo đều có quyền được khai với tòa án xin rút nguyên-đơn hoặc rút việc kháng-cáo của mình và tự-nguyện thôi kiện và đình-chỉ thủ-tục.

Đòi-ra-dự-sự. (Điều 91 D. S. T. T). — Không cứ ở trước tòa án nào, nếu việc kiện đương tiến-hành, có trực-tiếp quan-hệ đến người đệ-tam quốc-dân An-nam mà chưa bị-đòi thì quan thẩm - phán tòa án thụ-lý việc kiện hoặc bằng chức-vụ mình hoặc chiều lời xin của hai bên, phải sức đòi người ấy ra dự việc kiện ; khi đã bị đòi ra trước tòa án, người đệ - tam sẽ được hành-sử quyền-lợi, ứng-dụng phương-pháp của mình, như là đã bị đòi ra từ khi bắt đầu khởi kiện vậy.

Tự-ra-can-thiệp. — (Từ điều 92 đến điều 97 D. S. T. T). — Người nào tự liệu đối với việc kiện của tòa án đã thụ-lý, có lợi-quyền gì thì được xin ra khiếu-nại trước tòa, như thế gọi là « tự-ra-can-thiệp » ; về việc tự-ra-can-thiệp, tòa án sẽ thẩm-cứu cùng với việc kiện chánh và thường kết-nghĩ chung một án đối với tất cả mọi người quan-hệ.

Tuyên-thệ (Từ điều 98 đến điều 100 D. S. T. T.) — Không cứ lúc nào và trước tòa án nào, đương khi thừa-kiện, một bên đương-sự có thể đương-đường sách-sử bên đối - thủ tuyên - thệ về nguyên-nhân việc kiện có hay không và ước-định rằng sự tuyên-thệ ấy sẽ làm bằng-cứ cho việc kiện. — Lệ này đặt ra là theo phong-tục tôn-giáo ; khi nào không có giấy má gì làm bằng, thì người ta hay dùng lệ tuyên-thệ, — Người đã hết cách viện — dẫn sự thực, thì luật cũng cho được cầu đến tôn-giáo để làm chứng -minh.

Cáo-tố giả-mạo. — (Từ điều 101 đến điều 104 D. S. T. T.) — Đương khi thừa kiện về dân-sự thương-sự,

phạm người đương-sự nào xưng rằng cái giấy của người đối-thủ đối-dụng với mình là giả - mạo, thì có thể được « cáo-tố giả-mạo » nghĩa là xin tòa án cho phép theo thủ-tục hình-sự mà kiện người đối-thủ là phạm-tội giả-mạo hoặc phạm-tội về sự dùng giấy giả-mạo; gặp khi ấy nếu tòa án liệu nên cho phép, thì sẽ định một kỳ-hạn cho người muốn kiện giả-mạo được đầu đơn khởi kiện theo hình-sự, và sẽ phán-thị cho đình-hoãn về việc kiện dân-sự đợi đến khi xong thủ-tục về hình-sự và đã có án nghĩ về sự giả - mạo, rồi sẽ chiếu - biện về dân - sự.

CHƯƠNG THỨ HAI

Nói về cách-thức chấp-hành án-vụ

Chấp-hành là nghĩa thế nào đã nói trong bài lược-khảo thứ II về Pháp-viện-biên-chế, chương thứ ba (xem Nam-phong, số 58), nay chỉ nói rằng :

— Người chủ - nợ, đã được án-văn phán-định quyền-lợi cho mình cũng chưa đủ đâu, còn phải làm sao cho người mắc-nợ phải tuân làm nghĩa-vụ mới được. Bởi thế luật lại định ra các cách cưỡng-chế-chấp-hành để bắt buộc người mắc-nợ phải làm nghĩa-vụ. Cưỡng-chế chấp-hành có hai cách :

1^o Sai-áp tài-sản người mắc-nợ.

2^o Câu-thúc thân-thể người mắc-nợ.

Trước khi giải về các cách chấp-hành ấy, tưởng nên nói qua về mấy điều cốt-yếu về sự chấp-hành như sau này :

1^o Ai được phép xin chấp hành? Chính người chủ - nợ hay là người thay-mặt đứng-phép của người chủ-nợ, người thừa-kế cùng là người thụ-nhượng quyền-lợi của người chủ-nợ.

2^o Ai Phải bị cưỡng-chế-chấp-hành? Chính người mắc - nợ hay là người thừa-kế người ấy. Nhưng đối với người thừa-kế người mắc-nợ không

được dùng cách câu-thúc thân-thể.

3^o Khoản nợ nào được dùng phép cưỡng-chế chấp-hành? Khoản nợ đã có án-văn tính - toán hạn-lượng là bao nhiêu và phải đã đảo-hạn.

4^o Ai đứng làm việc chấp-hành? Lý-trưởng hoặc có thừa-phát-lại thì do thừa-phát-lại.

5^o Ngày giờ không được chấp-hành. - Những thì giờ không được làm sự tổng-đạt hoặc lục-tổng và chấp-hành như sau này : Mỗi ngày từ sau khi 6 giờ chiều đến trước khi 6 giờ sáng, ngày kỷ-niệm Đại-Pháp, ngày tết theo luật Đại-Pháp đã nhận, ngày chủ-nhật, lịch An-nam đầu năm từ mồng một đến mồng 7, mồng 5 tháng năm, ngày rằm tháng bảy, rằm tháng tám, ba ngày cuối cùng tháng chạp, ngày tết vạn-thọ Đại-nam Hoàng-đế; trừ khi nào nếu để chậm thì sinh nguy-hiểm mà do quan thẩm-phán đặc-chuẩn thì khác.

6^o Tòa án nào có quyền xử - tri về việc chấp - hành. — Ngoại các trường - hợp luật đã giao quyền riêng cho một tòa án nào thì không kể, còn cái quyền xử-tri về việc chấp-hành thì thuộc về tòa án đã kết nguyên-án; nếu án tuy bị kháng-cáo mà được xác-nhận thì quyền xử-tri cũng thuộc về tòa nguyên-thẩm. Nếu án bị kháng-cáo mà tòa kháng-cáo bác-khước toàn - bộ hoặc nhất - bộ, thì quyền xử-tri sự chấp-hành thuộc về tòa kháng-cáo tự xử-tri hay là ủy một tòa án khác đứng xử-tri. Nhưng không cứ trường-hợp nào nếu không có định riêng thì phạm sự gian-trước về thủ-tục chấp-hành, bao giờ cũng có quan thẩm-phán sơ-cấp sở-tại chỗ chấp-hành đứng giải-quyết coi như là sự khẩn-cấp thẩm-sát.

7^o Chấp-hành khởi-thủy phải như thế nào? — Phải do thừa-phát-lại hay là người hương-chức kiêm thừa-phát-lại tổng-đạt bản trích-lục hoặc bản toàn-

áo có chữ phê chuẩn chấp-hành cho người mắc-nợ biết và lại truyền-lệnh cho người ấy biết nếu không tuân án chấp-hành giả nợ cho thanh thì sẽ phải bị cưỡng-chế chấp-hành. Tổng-đạt và truyền-lệnh rồi, phải đợi hết hạn luật định mới đ rợc bắt đầu khởi sự cưỡng-chế-chấp-hành.

80 *Chấp-hành theo cách sai-áp thì nhưng tài-sản nào được sai-áp, những tài-sản nào không được sai-áp ?*

Chiếu theo điều 132 luật Dân-sự-tổ-tụng thì bao nhiêu tài-sản của người mắc nợ, vô luận là động-sản hay là bất-động-sản, hữu-hình-sản hay là vô-hình-sản, đều cho là vật bảo - chứng chung của các người chủ nợ.

Chiếu theo điều 133 luật dân-sự-tổ-tụng, thì các vật-hạng như sau này không được sai-áp:

10 Y-phục của người bị sai-áp đương mặc trong mình ;

20 Khi - cụ của thợ-thuyền để dùng về nghề thủ-công ;

30 Vật-liệu của người bị sai-áp cần cho mình và gia-quyển ăn dùng trong một tháng ;

40 Chăn giường màn gối của người bị sai-áp và gia-quyển người ấy dùng ;

50 Tài - sản cùng đồ dùng để làm hương-hỏa phụng thờ và phẫn-dưỡng-lão của người bị sai - áp, mà phần dưỡng-lão ấy thì tính bằng một phần chia của người con.

§ I — Các cách sai áp

Sai-áp động sản. — Là cách xin giữ lấy những đồ đạc của người mắc nợ để phát - mại lấy nợ. (muốn rõ nghĩa chữ động-sản, nên xem điều thứ 62 Bắc-kỳ-dân-luật quyền thứ nhất).

Sai-áp bất động-sản. — Là cách xin giữ lấy những ruộng đất nhà cửa của

người mắc - nợ để phát - mại lấy nợ, (muốn biết rõ nghĩa chữ bất-động-sản nên xem Bắc-kỳ-dân-luật quyền thứ nhất điều thứ 63)

Sai-áp hoa-lợi. — Là cách xin giữ lấy hoa màu nông-vụ của người mắc-nợ hiện còn ở trên mặt đất để phát-mại lấy nợ.

Sai-áp chế-chỉ. — Là khi người mắc-nợ có tiền bạc đồ-đạc kỹ ở trong tay người ngoài mà người chủ-nợ xin cấm người ngoài ấy không được giao lại tiền bạc, đồ đạc ấy cho người mắc-nợ, để rồi khi có cần sẽ chiếu lệ phát-mại lấy nợ.

Sai-áp bảo-lưu. — Là khi người thuê nhà hoặc người lĩnh-canb không giả tiền thuê mà người chủ-nợ xin giữ lấy đồ đạc, hoa-lợi của những người ấy để chiếu lệ phát-mại lấy nợ.

Sai-áp tiệt-chỉ. — Là khi thấy người mắc-nợ biệt-xã mang đồ vật đến làng sở-tại mà người chủ-nợ xin giữ lấy những đồ đạc ấy để chiếu lệ phát-mại lấy nợ.

Sai-áp sách-hoàn. — Khi người chủ sở-hữu bị thất - lạc hoặc bị thất-đạo một vật gì thấy vật ấy hiện ở trong tay một người nào, mà xin giữ lấy để sẽ chiếu lệ đòi lại ; làm như thế gọi là *sai-áp-sách-hoàn*.

§ II. — Câu-thức thân-thê

Câu-thức thân-thê là một cái phương-pháp phi-thường bắt giam người mắc-nợ có bụng xấu không giả nợ, để bắt ép người ấy phải làm theo khế-ước (Đ. 262 đoạn 1, D. S. T. T.). — Bụng xấu là nói người có thể giả được nợ mà cố liêu, chớ người nào vì sự bất-đắc-dĩ mà chưa giả được nợ thì cũng được xin triển-hoãn sự câu-thức.

Câu-thức là một cách cưỡng - chế chấp-hành bất-đắc-dĩ mới dùng đến ; bởi thế thường phải trước nên sai-áp

rồi có cần sẽ dùng cách câu-thức ; chứ không được đồng-thời vừa sai-áp vừa câu-thức.

CHƯƠNG THỨ BA

Nói về thủ-tục linh-tinh

Ngoài các thủ-tục thường dùng ra, lại có nhiều khi xảy ra những việc chỉ riêng cho một đoàn - thể, một hạng người cũng cần phải có qui-định riêng, bởi thế luật-mới lại định về mấy thủ-tục linh-tinh như sau này :

A) *Tự-nguyên-chuyển-dịch bất-động-sản của người vị-thành-đình.* — Người vị-thành-đình là người còn ít tuổi chưa đủ tư-cách biết giữ lấy quyền-lợi, cho nên trong đoàn-thể thừa-kế nào hễ có người vị-thành-đình bỏ - cõi thì gặp những khi muốn cầm bán bất-động-sản phải do người đứng can-sự (hoặc người mẹ góa hoặc người trưởng-tộc) làm đơn lên kêu quan thẩm-phán đệ-nhi-cấp để quan xét tình-trạng cho minh-bạch rồi quả có đích đáng mới cho phép.

B) *Thủ - tục về việc kiện quan-hệ với thôn - xã.* — Làng xã là một đoàn - thể công, đối với nhà nước, cũng như con đối với cha. Con làm việc gì phải xin phép cha, bởi thế làng xã đi kiện phải xin phép nhà nước. Vậy luật đặt ra hai thủ-tục sau này :

1^o *Làng-xã kiện tư-nhân hay là tư-nhân kiện làng-xã.* — Làng-xã muốn đi kiện phải tùy trường-hợp xin phép quan Công-sứ hoặc quan Thống-sứ; mà không những thế, lại khi người nào muốn kiện làng xã cũng phải làm giấy thuyết-minh trình quan Công-sứ, quan Công-sứ điều-định, nếu không xong, mới cho phép làng xã được ra tòa án kháng-biện.

2^o *Làng xã kiện làng xã.* — Phàm xã thôn đối với xã thôn thừa kiện về công-

diền công-thổ thì do quan hành-chánh chiếu theo pháp-lệnh hành-chánh mà nghĩ-xử. — Vì công-diền công-thổ là chỉ thuộc về quyền hành-chánh được phân-xử mà thôi.

C) *Cách-thức xin phát bản sao hoặc bản trích-lục về các văn-thư và xin tra-duyet các thư văn-kiện.* — Có hai trường hợp: một là khi người đương-sự muốn xin cấp phát bản sao hoặc bản trích-lục về văn-thư gì thì phải làm giấy xin quan thẩm-phán hoặc quan Chương-ly cho phép; hai là khi người nào muốn làm-thời ở trước phiên tòa tra-duyet một cái bút-lục về hình-sự thì phải có quan Chương-ly cho phép.

D) *Phân-sản và tư-pháp duyệt-y.* — Khi nào có việc chia của đã làm rồi, thì được xin tòa-án duyệt-y, làm bằng. Nếu vì sự chia của mà sinh ra có sự tranh-tụng, thì được xin tòa-án phân-xử (xem điều 319 đến điều 323 D. S. T. T.). — Đây là luật chỉ định về cách-thức chia của tức là về hình-thức mà thôi, chớ nên lẫn với sự thừa-kế tức là một vấn-đề về dân-quyền, vấn-đề ấy sẽ do Dân-luật (Code civil) qui-định.

E) *Phán-định thẩm-quyền.* — Nghĩa chữ thẩm-quyền thế nào, và có mấy thứ thẩm-quyền thì đã nói rõ ràng trong bài lược-khảo II (xem Nam-Phong số 58). Đây chỉ nói rằng khi nào có người đương-sự xưng rằng không thuộc về thẩm - quyền tòa Nam - án hay là khi nào hai tòa án đều tự nhận là có thẩm - quyền hoặc đều tự chối là không có thẩm-quyền về một việc gì, thì gặp những khi ấy phải do tòa thượng-cấp giải-quyết. Sự giải-quyết về thẩm-quyền như thế gọi là « phán-định thẩm-quyền ».

F) *Phê-chuẩn vào đơn và khôn-cấp thăm-sát.* — Gặp trường-hợp nào mà hiện-nhiên thấy một sự-vụ trong thủ-tục cần phải kịp hành-vi hay là phải

kíp đình - chỉ ; hoặc một cái phương-pháp thẩm-cứu, hoặc một cái phương-pháp bảo - thủ tài-sản cần phải kíp chấp-hành để cần cho đạt mục-dịch việc kiện sẽ làm về sau ; hoặc vì chấp hành cái định-lệnh tư - pháp mà sinh ra gian-trước gì cần phải kíp xử - trí, thì được xin quan thẩm - phán phê-chuẩn vào đơn nghĩa là để lấy chữ phê đó làm cái mệnh-lệnh mà chiếu-biên về khi lâm-thời, hay là xin quan thẩm-phán khẩn-cấp thẩm-sát, nghĩa là kíp phát cho một cái mệnh-lệnh để được tiện chiếu - biên về khi cần-cấp. — Nhưng « phê - chuẩn vào đơn » và « khẩn - cấp thẩm - sát » đều là phương-pháp *tạm-thời*, sau phải do án-văn đồng - thời quyết-định lại với việc kiện chánh, mới là nhất định.

G) *Chức-quyền đặc-biệt của tổng-chức và hương - chức*. — Luật định cho chánh phó tổng và hương - chức phải hiểu-đạo dân sở - thuộc mình được biết những quyền-lợi và nghĩa-vụ và lại phải giải hòa về những việc của nhân-dân đến thưa thuộc về địa-phận mình. Nếu giải - hòa xong thì phải làm biên-bản. Nhưng người đương-sự gặp khi có việc cũng được phép đến thưa ngay tòa án không cần phải trình trước với tổng-lý.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Nói về tổng-tắc

Tiết thứ I

Công khai Phiên tòa, án-thức hợp pháp, các thứ sổ-sách, cách bảo thủ bản-thảo án-dẫn và bản-tạo mệnh-lệnh.

Công khai phiên tòa. — Phạm phiên tòa của các tòa Nam-án thì phải công khai nghĩa là phải để cho công-chúng vào nghe. Trừ khi nào xử về những việc có thể hại đến phong-hóa hoặc hại đến sự trị-an của nhà nước, thì khi công-phán những việc ấy tòa-án sẽ truyền cấm không cho công-chúng

vào nghe, song không cứ có công-khai hoặc không công-khai đến khi kết án bao giờ cũng phải công-nhiên tuyên-độc trước phiên tòa công (Xem điều 352 D. S. T. T.).

Án-thức hợp-Phép. — Án-văn là một thứ công-văn rất quan-hệ không những phải có một cái tinh-thần đích đáng nghĩa là nghĩ-xử cho hợp lẽ công-bằng và đúng pháp-luật, mà lại phải có một cái hình-thức hợp lệ để giữ cho khỏi sự sai-lầm, gian-trá. Đại-khai án phải có viện lý-do, tuyên trước phiên tòa công ; bản-thảo án phải do quan chánh-án và viên lục-sự ký tên; chưa ký tên không được cấp phát bản toàn-số hoặc bản trích-lục văn vắn. (Xem điều 252 D. S. T. T.).

Các thứ sổ-sách. — Mỗi tòa sơ - cấp hoặc đệ-nhi-cấp phải giữ một quyển niên-bạ gọi là « *bạ thu đơn* » (điều 353 D. S. T. T.).

Mỗi phòng lục-sự các tòa án phải giữ các sổ sau này (điều 354 D.S.T.T)

- a) một bạ giải-hòa
- b) một bạ kháng-án,
- c) một bạ kháng-cáo (bạ này chỉ ở đệ-nhi-cấp mới phải giữ mà thôi).
- d) Một bạ biên sự dự-ký bạc-phạt của người đương-sự dự-ký, khi kháng tố, kháng-án
- e) Một bạ biên sự giao- nạp giá bán về tư-pháp phát-mại.

Ngoài các sổ này ra, nếu phòng lục-sự còn cần phải giữ sổ gì nữa sẽ do quan Nam-án-thủ-hiến chỉ-định.

Mỗi tòa án lại giữ một cái « án-bạ » để lược biên các án nghĩ xử trong mỗi phiên tòa (điều. 355 D. S. T. T.)

Mỗi phòng lục-sự lại giữ một bản « đình ký cáo - bạ » là các giấy - má biên về công-việc đã làm trước phiên tòa (điều. 357 D, S. T. T.)

Luật D. S. T. T. muốn giữ cho hết

kể lại định trong điều 358 rằng khi các người đương-sự đem trình, gửi giấy-má gì ở phòng lục-sự có thể được xin viên lục-sự cấp giấy biên-nbận làm bằng.

Cách bảo-thủ các án-vấn. — Bao nhiêu những án-vấn, định-lệnh của toà án phải chiếu thứ-tự nhật-phụ (nghĩa là ngày nào trước xếp trước) mà đóng thành nguyệt-sách; nhiều nguyệt-sách gộp lại đóng thành niên sách để lưu tại phòng lục-sự. Khi nào người đương-sự có xin sao lục, thì chiếu đó chép ra mà cấp-phát cho người ta. (điều 359 D. S. T. T.)

TIẾT THỨ II

Cách phát bản trích-lục hoặc bản toàn-sao các án — Ngày nghỉ theo pháp luật — *Sự quan Chưởng-lý giám-thị về việc chấp-hành án-vụ.*

Cách phát bản trích-lục hoặc bản toàn-sao các án. — Chấp-hành việc án, thuộc về người và động-sản, thì bằng ở bản trích-lục, nghĩa là bản sao chỉ trích lược những chỗ cốt-yếu mà thôi; thuộc về các án-vụ khác, chỉ bằng ở bản toàn-sao, nghĩa là bản sao đúng y nguyên-văn với bản chánh. Lệ ấy cũng không nhất-định, người có việc muốn cần-thận cứ xin bản toàn-sao cũng được, nhưng phải chịu thêm tiền lệ-phí (xem điều 360 D. S. T. T.)

Ngày nghỉ theo pháp-luật. — Luật định ra mấy ngày giờ sau này không được tổng-dặt, và chấp-hành là ý trọng về tôn-giáo và sự tự-do của người ta :

Mỗi ngày từ sau khi 6 giờ chiều đến trước khi 6 giờ sáng, ngày kỷ-niệm Đại-Pháp, ngày tết theo luật Đại-Pháp đã nhận, ngày chủ-nhật, lịch An-nam đầu năm từ mồng một đến mồng 7, mồng 5 tháng năm, ngày rằm tháng bảy, rằm tháng tám, 3 ngày cuối cùng tháng chạp, ngày tết vạn-thọ Đại-nam

Hoàng-đế; trừ khi nào nếu đề chậm thì sinh nguy-hiểm mà do quan thẩm-phán đặc-chuẩn thì khác.

Sự quan Chưởng-lý giám-thị về việc chấp-hành-án vụ. — Điều 362 định rằng: quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội có quyền giám-thị về sự chấp-hành các định-lệnh của các tòa án nghĩ-xử về việc nam-án ở Bắc-kỳ. Khi nào viên-chức nhận sự chấp-hành lười biếng không chấp-hành, hoặc không chịu nhận chấp-hành, mà xét ra không phải là vi gian-trước gì thuộc về quyền quan thẩm-phán hoặc tòa-án giải-quyết, thì quan Chưởng-lý được chiếu lời xin của người đương-sự quan-hệ mà tự ra can-thiệp sức viên-chức ấy phải chấp-hành.

TIẾT THỨ III

Sự đàn áp ở phiên tòa. — Các quan thẩm-phán là thay mặt xã-hội quốc-gia bởi thế khi ra phiên tòa là chỗ cửa công xử kiện thì ai cũng phải kính trọng, tức là kính trọng công-quyền công-pháp, ai đến bâng-thính nghĩa là đến nghe xử kiện mà bất kính phải đuổi ra, ai phạm tội thì phải bị bắt. Vì vậy trước phiên tòa hoặc ở trước mặt quan thẩm-phán làm việc công phải có uy-nghiêm phải có trật tự, luật phải đặt thể lệ để duy-trì về việc đó gọi là về việc đàn-áp phiên tòa.

TIẾT THỨ IV

Sự tài-chế về qui-tắc trong luật. — Luật dặt ra thủ-tục nọ phải làm thế nọ kỳ hạn kia phải theo thế kia, là cốt để phòng hết cách gian-phi mà giữ lấy đạo công bằng, vì thế nên luật đã định ra điều gì thì phải tuân theo, nếu làm trái thì cái hành-vi trái phép ấy cho là vô-hiệu. Lại như tòa án đã phán xử thành án rồi mà người nào không bằng lòng thì phải dùng các phép luật định mà xin chống án; nhược bằng không theo luật mà làm càn rỡ và vô nghĩa lý

để chống lại, thì sẽ có tội. — Vì vậy trong luật phải qui-định rõ ràng cho người ta biết về các sự đã nói ở trên, qui-định ấy gọi là sự « tài-chế ».

TIẾT THỨ V

*Sự thi-hành luật dân-sự thương-sự
tổ-tụng và bản lệ-phí-giá-mục.*

Luật mới đến mồng một tháng bảy tây này giờ đi thi bắt đầu thi-hành. Không những là án - vụ mới phải

theo luật mới mà cả án-vụ nào đến ngày ấy xử chưa xong thì từ đấy giờ đi cũng phải theo luật mới. Còn bản lệ-phí-giá-mục về dân-sự cũng như bản lệ-phí-giá-mục về hình-sự, (tức là nghị-định định về các tiền phí-tồn về việc tố-tụng), thì đã do nghị-định ngày 13 tháng tư năm 1922 tuyên bố để đến mồng một tháng bảy này sẽ đồng-thời thi-hành với luật mới.

(Còn nữa)

H. T.

TIẾNG AN-NAM CÓ NGHÈO KHÔNG?

On dit d'un malheureux taureau: Que serait-il, s'il connaissait sa force? Et moi, je dis de l'homme: Que serait-il s'il connaissait la force que lui donne le langage?

PESTALOZZI

(Comment Gertrude instruit ses enfants. Traduction Dr. Eugène Darin).

Người ta bàn về một con bò mộng khôn nạn mà rằng: Nếu con vật kia nó biết cái mãnh-lực của nó thì nó sẽ như thế nào? Còn tôi bàn về người thì tôi nói rằng: Nếu người ta biết cái mãnh-lực tiếng nói của mình thì sẽ như thế nào?

* *

Quốc-văn đang thời ấu-trĩ, cách đặt câu, dùng chữ cũng tùy người cầm bút-viết văn tự đặt, tự chọn, không có nhất-định gì cả, nên ít lâu nay nhiều bậc cao-minh trong nước sốt-sắng bàn về tiếng An-nam, phần nhiều người thường than tiếng nước mình nghèo lắm! Những bài ấy không phải là không có giá-trị, song bàn về tiếng An-nam thì thiết-tưởng phải khảo cho đích-xác những thời-kỳ (époques) mà tiếng An-nam đã trải qua, rồi nói cho rõ ràng bây giờ nên định cách đặt câu (syntaxe) thế nào cho hợp mẹo, và những chữ về triết-học (termes philosophiques), về khoa-học (termes scientifiques), về kỹ-nghệ (termes techniques), phải theo đúng nào cho chánh-đáng. Như thế mới phải là bàn về tiếng An-nam, chứ

cứ nói mập-mờ nên làm thế này, thế nọ thì không phải là bàn về tiếng An-nam vậy. Bàn về tiếng An-nam thật là một cái vấn-đề rất quan-trọng khó khăn, luận-giả đây chưa bàn đến, trong bài này chỉ xin nói qua về vấn-đề « tiếng An-nam có nghèo không » thôi.

« Ôi! tiếng An-nam nghèo lắm! » đó là một câu đầu lưỡi của một hạng người không chịu suy-xét, nhắm mắt nói liều. Thật vậy, họ có biết đầu trình-độ dân-trí nước nào cao thì tiếng nước ấy được phong-phú hơn tiếng nước nào mà trình-độ dân-trí hãy còn kém thấp. Nói nghèo là so-sánh tiếng nước nọ với tiếng nước kia mà nói, nhưng nói thế vị-tất đã là xác-đáng vậy.

Nếu có người lại cứ khăng khăng

rãi rằng tiếng An-nam nghèo thì luận giả này dám cả quyết mà nói rằng tiếng Pha-lăng-sa đã được nhiều nước văn-minh trên hoàn-cầu công-nhận là một thứ tiếng phong-phú nhất cũng vì-tất-khỏi phải mang cái tiếng « nghèo » như tiếng An-nam ta. Kia như những chữ la-tanh (latin) cùng chữ gờ-rét (grec) mà người Pha-lăng-sa đã mượn để hóa thành chữ nước mình rất nhiều thì không kể. Còn những chữ sau này, nếu quả tiếng Pha-lăng-sa nói là không nghèo sao mãi đến thế-kỷ thứ XIII, thứ XVI, thứ XVII, thứ XVIII, người Pha-lăng-sa mới biết mà dùng :

(những chữ nhập-tịch tiếng pha-lăng-sa
hồi thế-kỷ thứ XIII)

Alcali, — alcool, — algèbre, — hasard, — magasin, — amiral, — café, — châte, — chiffre, — échec, — gazelle, — girafe, — matelas, — nacre, — orange, — safran, — sultan, — taffetas, — turban — zéro, etc

(những chữ nhập-tịch tiếng pha-lăng-sa
hồi thế-kỷ thứ XVI)

Affront, — alerte, — arlequin, — arquebuse, — balustre, — banque, — barricade, — bastion, — bilan, — bombe, — bourrasque, — boussole, — brava-de, — cabinet, — caporal, — carafe, — caricature, — cartouche — charlatan, — citadelle, — colonel, — escrime, — fantassin, — fresque, — lassi, etc

(Những chữ nhập-tịch tiếng Pha-lăng-sa hồi thế-kỷ thứ XVII)

abricot, — alcôve, — alezan, — anchois, — camarade, — casque, — caramel, — chocolat, — cigare, — épagueul, — guitare, — hamac, — jonquille, — mérinos, — parade, — etc . . .

(Những chữ nhập-tịch tiếng Pha-lăng-sa hồi thế-kỷ thứ XVIII)

balle, — bière, — blocus, — boulevard, — cauchemar, — espiègle, — gangue, — halte, — havresac, — houx, — képi, — obus, — rosse, — sabre, — valser, etc . . .

Những chữ mà người Pha-lăng-sa biết về hồi thế-kỷ thứ XIII là vì lúc đó người Pha-lăng-sa sang bên Đông-phương buôn-bán ; về hồi thế-kỷ thứ XVI là vì lúc đó nước Pha-lăng-sa giao-chiến với nước I-ta-li (Italie) ; về hồi thế-kỷ thứ XVII là vì lúc đó thế-lực nước Ét - pa-nơ (Espagne) tràn sang nước Pha-lăng-sa đang khi vua Louis XIII tại-vị ; về hồi thế-kỷ thứ XVII là vì lúc đó nước Pha-lăng-sa giao-chiến với nước Ang-lơ-mang. (Allemagne).

Lại nếu người Pha-lăng-sa không thông-thương với người Ang - lê, với người A-mê-ri-ch, với người A-di thì sao có những chữ này :

(Những chữ của Ang-lê nhập-tịch tiếng pha-lăng-sa)

bol, — break, — budget, — cabine, — clorvo, — club, — comfortable, — dock, — jury, — lingot, — moire, — pamphlet, — paquet, — rail, — sport, — tilbury, — verdict, — wist, — yacht etc . . .

(Những chữ của A-di nhập-tịch tiếng Pha-lăng-sa)

bambou, — banane, — bralme, — canque, — casoar, — cornac, — datura, — jasmin, — jungle, — lama, — lilas, — orang-outang, — thé, — paria, — palacquin, etc

(Những chữ của A-mê-ri-ch nhập-tịch tiếng Pha-lăng-sa)

acajou, — cacao, — caïman, — canot, — caoutchouc, — colibri, — conclor, — jaguar, — ouragan, — palissandre, —

quinquina, — sapajou — tapioca, — tomate, etc. . .

Xem như vậy thì biết tiếng một nước nhiều hay ít là theo trình-độ dân-trí nước ấy và phát-khởi ra sau khi sự-vật đã hiện-hình. Người Pha-lăng-sa trước chưa biết những chữ kia là vì mắt chưa trông thấy những vật ấy. Người An-nam trước khi nhà nước Pha-lăng-sa sang Bảo-hộ thì chưa có tiếng sà-phòng (savon), nhà ga (gare), rượu bia (bière), cậu bồi (boy) vân vân... Thế thì rõ không tiếng nước nào nghèo cả, trình-độ dân-trí trong nước cao đến đâu thì tiếng trong nước nhiều đến đấy. Nói nghèo là so sánh tiếng nước mình với tiếng nước khác mà nói đấy thôi. Trình-độ dân-trí ta về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ kém người Pha - lăng - sa nên tiếng An - nam về những khoa ấy không có. Người Nam ta sớ-dĩ không có những tiếng về các khoa ấy là vì trí người Nam ta chưa nghĩ đến, mắt người Nam ta chưa trông thấy những sự-vật ấy vậy.

Bây giờ ta nhờ được sự truyền-bá văn-minh của quý Bảo-hộ nên trình-độ dân-trí trong quốc-dân ta ngày nay đã cao hơn trước nhiều vì ta đã đọc, đã biết những chữ về các khoa ấy. Vậy ta phải mượn chữ nước nào mà dịch những chữ ấy ra tiếng nước ta cho tiện. Không nói thì chắc người học-thức trong nước cũng đã thừa biết rằng phi không mượn chữ Tàu quyết là không xong. Bởi những lẽ gì mà những chữ về các khoa ấy phải mượn chữ Tàu để dịch ra tiếng ta thì đã có nhiều bài đại-luận của các bậc cao-minh bàn đến rồi, luận-giả không phải nói thêm chi cho dài lời vô ích.

Cái vấn-đề mượn chữ Tàu dịch những chữ về triết-học, khoa-học, kỹ-nghệ ra tiếng An-nam thì rất xác-đáng lắm rồi, không còn ai dám phản-đối điều gì nữa. Còn cái vấn-đề dịch những danh-từ về địa-dư (termes géographi-

ques) cùng tên danh-nhân các nước châu O-rốp (Europe) và châu A-mê-ri-ch (Amérique) ta cũng theo chữ Tàu dịch sẵn thì thật là làm to vậy. Cái vấn-đề này cũng đã có người bàn đến rồi, nhưng nói không được thấu-triệt, nên đến nay trên các báo-chương nước nhà vẫn còn thấy những chữ ấy dịch theo Tàu nhiều lắm. Tiếng ta có phải nghèo đến nỗi không dịch được những chữ ấy đâu mà ta lại đang tâm làm mất cái giá tiếng An-nam ta đi như thế! — Nói đến đây luận-giả lại nhớ đến lời một người qui-quốc nói chuyện về văn An-nam một cách rất xác-đáng. Ông nói : « Văn An-nam cũng chẳng bao lâu nữa sẽ thành một nền văn có giá-trị. Mà cái lúc đó cũng chẳng xa đâu. Văn An-nam tiến-bộ thật là chóng lắm. Xem như những bài trong các báo về rằm sáu năm trước đây với những bài bây giờ thì đủ rõ vậy. Nhưng trong nền văn An-nam tôi nhận được một điều, nếu không mau sửa đi thì rất là hại cho sự tiến-bộ văn An-nam lắm đấy. — Cái điều ấy là sự mượn chữ Tàu mà dịch những danh-từ về địa-dư và tên người các nước châu O-rốp và châu A-mê-ri-ch. Cái tệ này sinh ra là bởi cái sự không suy-xét của mấy ông nhà nho An-nam xem sách Tàu, thấy Tàu họ dịch cũng nhắm mắt theo liều, chẳng biết nghĩa-lý gì cả, nên nay những chữ ấy đã in sâu vào óc người An-nam lắm rồi. Tôi thiết-tưởng sửa lại cũng khó lắm mà đề vậy thì rất hại cho tiếng An-nam. »

Lời chân - trọng thay ! Một người qui - quốc mà thâm - hiểu tình-thế tiếng An-nam như thế, mà biết yêu tiếng An-nam như thế tưởng cũng là hiếm lắm ! — Người ấy là ai ? — là quan sáng-lập ra cái tạp-chí này. Không những ngài thâm-hiểu tiếng An-nam lại thông Hán-tự và biết nhiều thứ tiếng nữa.

Xét cho kỹ, nghĩ cho thâm thì lời nói đó không phải là ngoa mà rất là xác - đáng. Thật thế, tên người ta cùng tên các nước là rất quan-hệ mà mình đọc, mình viết sai đi không những không có nghĩa-lý gì mà lại rất là vô-lẽ nữa. Tỉ như tên anh là Giáp mà người ta lại gọi anh là At thì tha-hồ cho họ họ, họ hét cái tên At chắc anh cũng không thừa. Mà nếu anh biết họ gọi anh thì chắc là anh chỉ mỉm cười mà đáp lại thôi. Lại ví một người trong nước kia phát-minh được điều gì mới lạ, có ích cho nhân-loại vô cùng. Cái công ấy, cái tài ấy đáng ca-tụng đề lưu-truyền về hậu - thế. Chính cái tên người thiên-tài ấy ta không ca-tụng, lại ca-tụng cái tên vu-vơ nào ấy. Như vậy thì không những cái tên quý-hóa đáng ghi kia không được lưu-truyền về đời sau mà cái tên vu-vơ kia nào biết là ai. Người hậu-tiến có bụng liên-tài muốn biết lịch-sử người thiên-tài kia thì biết tìm đâu cho thấy. Thôi chẳng phải dài lời chi nữa lấy một cái thí-dụ nhỏ sau này mà chứng, tưởng cũng đủ vậy: Ông Christophe-Colomb là người tìm được châu A-mê-ri-chi (Amérique) mà ta lại đọc, lại viết là: Ông Kha-luân-bổ tìm được Mĩ-châu. Vậy thử hỏi: ông Kha-luân-bổ là ông nào? người ở đâu? và Mĩ-châu là châu nào? đất nào? Tất cả các nước trên hoàn cầu này đọc cái tên người thiên-tài kia cùng cái tên đất kia đều giống nhau, có khác là chỉ chệch đi một ít mà thôi. Đến như ta thì ta đọc sai lạc hẳn. Như vậy thì nếu tiên-sinh có linh-thiên sang đến chốn đất này mà ta có bụng liên-tài tiên-sinh, ca-tụng mãi cái tên « Kha-luân-bổ » thì chắc tiên-sinh cũng không biết ta có lòng tôn-kính tiên-sinh đâu. Vì hỡi tiên-sinh là Christophe-colomb (Rit tốp cô-lôm) chứ có phải là « Kha-luân-bổ » đâu mà người mình cứ ca-tụng vu-vơ như thế!

Vậy đồng-bang ta ai là người thật có lòng thương tiếng An-nam, ai là người thật có bụng yêu tiếng mẹ-đẻ thì nên cùng nhau đem những kiến-vấn rộng rãi, những tư tưởng thiết thời, ta phá cho tan cái « màn lằm u ám » kia đi. Tiếng An-nam ta thật là may lắm vậy.

Xem như thế thì đủ biết tên nước, tên người là quan-trọng biết bao! Thế mà người mình cứ nhắm mắt theo liều, tên người ta một đấng thì mình đọc chẳng ra một nẻo. Ông Homère thì theo Tàu dịch là ông Hà-mã; ông Christophe-colomb thì theo Tàu dịch là ông Kha-Luân-Bổ; ông Moutesquieu thì theo Tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cư; ông J. j. Rousseau thì theo Tàu dịch là Lư - thoa; ông Darwin thì theo Tàu dịch là Đạt-nhĩ-văn; ông Spencer thì theo Tàu dịch là Ti-tân-tắc; ông Bismark thì theo Tàu dịch là Ti-ti-mạnh; ông Alexandre le Grand thì theo Tàu dịch là Á-lich-sơn-đại; ông Bèotie thì theo Tàu dịch là Bối-âu-tây; ông Luther thì theo Tàu dịch là ông Lộ-đắc, vân vân.

Như thế thì giả-sử chư tiên-sinh có linh-thiên sang đến chốn trời Nam này, nghe thấy những người đọc danh-hiệu, viết danh-hiệu chư tiên-sinh một cách lổ-lãng như thế thì chắc chư tiên-sinh cũng phải mỉm cười một cách khinh-bĩ mà thôi. Tiếng An-nam ta có phải là không viết được những chữ ấy cho đúng chính-âm đâu, mà người An-nam mình theo liều như thế! chữ Homère sao chẳng đọc, chẳng viết là Ô-me mà lại đọc, lại viết là Hà-mã? chữ Christophe-Colomb sao chẳng đọc, chẳng viết là Xit-tốp-cô-lôm mà lại đọc, lại viết là Kha-luân-bổ? — chữ Montesquieusao chẳng đọc, chẳng viết là Mông-tét-ki-ơ mà lại đọc, lại viết là Mạnh-đức-tư-cư? — Chữ J. j. Rousseau sao chẳng đọc, chẳng viết là Rít-sô mà lại đọc, lại viết là Lư-thao? — Chữ Darwai

sao chẳng đọc, chẳng viết là *Đa-vinh*, mà lại đọc lại viết là ông Đạ nhĩ-văn ? — Chữ Spencer sao chẳng đọc, chẳng viết là *Băng-se*, mà lại đọc, lại viết là ông Ti-tân-tắc ? Chữ Bismark sao chẳng đọc, chẳng viết là *Bit-ma*, mà lại đọc, lại viết là ông Tỉ-ti-mạch ? — Chữ Alexandre le Grand sao chẳng đọc, chẳng viết là *A-iết-sãng-lơ-gờ-răng* mà lại đọc, lại viết là ông Á-lich-sơn-đại ? — Chữ Béotie sao chẳng đọc, chẳng viết là *Bê-ô-ti*, mà lại đọc, lại viết là ông Bối-âu-tây ? — Chữ Luther sao chẳng đọc, chẳng viết là *Luy-te*, mà lại đọc, lại viết là ông Lộ-đắc ? vân vân. . . .

Dịch thể này là chỉ lấy văn chính mà dịch tuy không được đúng chính-âm lắm nhưng thiết-tưởng còn hơn là theo chữ Tàu mà dịch vậy. Thật thế, giá thử ta nói đến danh-hiệu ông Ô-me (Homère) hay là danh-hiệu ông Rit-tốp-cô-lôm (Christophe-Colomb) với người nước nào châu O-rốp (Europe) hoặc châu A-mê-rích (Amérique) thì chắc người ấy cũng biết là ta nói đến tên ông Homère, tên ông Christophe-Colomb. Chứ như ta nói tên ông Hà-mã, ông Kha-luân-bố thì đến chính hai tiên-sinh có còn sống đến ngày nay, nghe thấy thế cũng không biết là ta nói đến danh-hiệu chư tiên-sinh. Vì sao ? Vì rằng tiếng Pha-lăng-sa là một thứ tiếng ngoại-giao (langue diplomatique) lan hầu khắp hoàn-cầu, các nước làm hòa-ước vạn-quốc cũng dùng chữ Pha-lăng-sa. Còn Tàu dịch những chữ ấy cũng đã sai chính-âm ít nhiều, ta theo họ lại lạc hẳn chính-âm. Xem như thế thì lời nói kia tưởng cũng không phải là ngoa vậy.

Có người nói : Dịch những chữ ấy thì phải dịch cho đúng chính-âm không thì thôi, chứ dịch như thế thà rằng theo Tàu họ dịch sẵn rồi, nghe còn êm tai hơn. — Vẫn biết muốn dịch chữ nước nào phải theo nguyên âm chữ nước ấy mới có thể đúng được. Nhưng phải

biết rằng đến chữ Pha-lăng-sa là một thứ chữ phong-phú nhất hoàn-cầu dịch những danh-từ về địa-dư cùng tên người các nước khác cũng không được đúng hẳn chính âm nữa là ta. Tỉ như kinh-dô nước Ang-lê (Angleterre) chính thổ-âm đọc là London mà người Pha-lăng-sa viết và đọc là Londres thì đủ rõ. Vả lại, tiếng Pha-lăng-sa là một thứ tiếng liên-vận (langue polysyllabique) mà tiếng An-nam ta lại là một thứ tiếng độc-vận (langue monosyllabique) thì tài nào ta dịch cho hết được các chữ phụ.

Có người nói : « Tiếng Pha-lăng-sa đã là một thứ tiếng liên-vận mà tiếng An-nam ta là một thứ tiếng độc-vận, ta dịch những chữ ấy theo văn Pha-lăng-sa thì chùng-chẳng khó nghe lắm. Tiếng ta với tiếng Tàu vẫn có liên-can với nhau đã lâu, ta dịch những chữ ấy theo chữ Tàu thì thật dễ nghe và rất hợp với âm-điệu tiếng nước mình. Vậy tội gì ta lại phiền mất công vô-ích. Ta theo Tàu dịch sẵn rồi còn hơn. » Lời nói đó không phải là không có lý, song nói « Ta theo Tàu dịch sẵn rồi còn hơn » thì rất không nên. Vẫn biết ta dịch những chữ ấy theo Tàu đã dịch sẵn đọc ra tiếng ta dễ nghe hơn ta dịch theo văn Pha-lăng-sa. Song lại phải biết rằng Tàu họ dịch những chữ ấy cũng là theo văn Pha-lăng-sa (prononciation française) hoặc theo văn Ang-lê (prononciation Anglaise) cũng đã chẹo đi ít nhiều rồi. Tỉ như chữ Europe họ dịch, họ đọc là : Ao la pá, (歐羅巴) mà ta theo họ đọc là : Âu-la-ba ; chữ Asia họ dịch, họ đọc là Á-sái-á (亞細亞) mà ta theo họ đọc là : Á-tế-á ; chữ Amérique họ dịch, họ đọc là Á-mei-li-kiá (亞墨利加) mà ta theo họ đọc là : Á-mặc-lợi-gia, vân vân. Xem như vậy thì tội gì ta theo họ, vì theo họ đã sai lạc chính-âm rất xa và vẫn phải mang tiếng theo đuôi mà không đúng.

Có người nói : « Trong những bài

luận-thuyết thì những chữ ấy mới cần dịch theo văn Pha-lăng-sa. Còn trong những bài khác như tiêu-thuyết, văn-thơ những chữ ấy dịch theo Tàu cho dễ nghe cũng được. » Lời bàn như thế thì rất mập-mờ người viết văn biết theo đảng nào cho phải và nền quốc-văn ta biết bao giờ mới có cái cơ-sở vững vàng. — Nhưng nói cho bớt nghiêm-khắc là chỉ có mấy chữ này: Âu-châu, Á-châu, Mĩ-châu, Phi-châu, Úc-châu, nước Pháp, nước Anh, nước Đức, nước Ý, nước Bồ-Đào-nhà, nước I-phanho, nước Áo, nước Hoa-kỳ, nước Nga ta đọc đã quen lắm rồi, ta không thể nhất-đán mà sửa ngay lại được. Ta phải dần dần mà sửa những chữ ấy lại cho đúng hơn, chứ ta đừng nên dễ vậy mà bảo rằng những chữ ấy đã hầu như tiếng An-nam rồi, dễ vậy cũng chẳng can chi mà sửa lại thì thật là khó lắm. Vẫn biết những chữ ấy ta đọc đã quen lắm rồi nhưng thiết-tưởng ở đời này có chi là không có việc gì khó cả. Vậy chỉ sợ ta không chịu sửa thôi, chứ nếu ta cố chí sửa lại tưởng cũng chẳng khó đâu. Thật thế, như khi ta viết văn nếu ta phải dùng chữ nào trong những chữ vừa nói. Ta xem nếu chữ ấy có thể dịch theo văn Pha-lăng-sa mà không khó đọc thì ta nên dịch, không dùng chữ mượn của Tàu nữa. Như vậy tưởng cũng chẳng bao lâu mà mấy chữ mượn của Tàu kia sẽ phải tiêu-diệt vậy.

Còn những danh-từ về tên người các nước châu O-rốp, châu A-mê-ri-ch mà ta theo Tàu dù đọc đã quen tai đến thế nào thì nay ta cũng nên bỏ cả vì tên người ta là rất hệ-trọng chứ không phải là thường.

Trên đã nói vì những lẽ gì mà những chữ về địa-dư cùng danh-nhân các nước châu O-rốp và châu A-mê-ri-ch ta dịch theo chữ Tàu là lầm rồi.

Còn một cái vấn-đề này nữa tưởng cũng nên bàn nốt. Cái vấn-đề ấy là cái vấn-đề danh-từ chỉ tên ngũ-đại-dương. Tên ngũ đại - dương là tên chung cho cả hoàn-cầu chứ không thuộc riêng nước nào.

Vậy mấy cái tên ấy ta theo Tàu đã lâu dễ như cũ tưởng cũng không hại chi. Vì sao? Vì rằng những chữ đó người các nước theo phương-hướng và thổ-ngôi mỗi nơi mà đặt ra. Tỉ như chữ Océan pacifique theo người Pha-lăng-sa nghĩa là cái bể lớn bình-tĩnh, ít có giông bão; người Ang-lê gọi là Pacific Océan cũng là nghĩa thế; Tàu theo nghĩa ấy mà dịch là 太平洋; Ta theo Tàu đọc là: Thái-bình-dương cũng là nghĩa ấy. — Chữ Océan Atlantique theo người Pha-lăng-sa nghĩa là cái bể lớn ở về phương tây; người Ang-lê đọc là: Atlantic Océan cũng là nghĩa thế. Tàu theo nghĩa ấy mà dịch là 大西洋. Ta theo Tàu đọc là: Đại-Tây-dương cũng là nghĩa ấy. — Chữ Océan Indien theo người Pha-lăng-sa nghĩa là cái bể lớn ở về nước Ấn-độ (Inde); người Ang-lê gọi là: Indian océan cũng là nghĩa thế; Tàu theo nghĩa ấy dịch là: 印度洋; Ta theo Tàu đọc là: Ấn-độ-dương cũng là nghĩa ấy. — Chữ Océan glacial du Nord theo người Pha-lăng-sa nghĩa là cái bể lớn có băng tuyết ở về bắc-cực; người Ang-lê gọi là: North glacial Océan cũng là nghĩa thế; Tàu theo nghĩa ấy dịch là 北水洋; Ta theo Tàu đọc là: Bắc-băng-dương cũng là nghĩa ấy. — Chữ Océan glacial du Sud theo người Pha-lăng-sa nghĩa là: cái bể lớn có băng tuyết ở về Nam-cực người Ang-lê gọi là: South glacial océan cũng là nghĩa thế; Tàu theo nghĩa ấy dịch là: 南水洋. Ta theo Tàu đọc là Nam-băng-dương cũng là nghĩa ấy (1)

(1) Trong bài này dùng chữ Pha-lăng-sa và chữ Ang-lê làm thí-dụ là vì hai thứ chữ này thông-dụng nhất hoàn-cầu.

Còn những tên nước cùng tên danh-nhân các nước bên Đông-phương, ta theo chữ Tàu đọc đã quen, như nước Nhật, nước Ấn-độ, nước Diến-điện, nước Lào, vân vân tưởng cũng nên để nguyên như cũ.

Trước khi so-sánh mấy thứ chữ để phát-minh cái « lầm to » của ta và để giúp những người biết chữ nho mà không biết chữ Pha-lăng-sa có thể theo những chữ dịch sẵn mà dùng cho tiện, thì luận-giả thiết-tưởng cũng nên viết ra

đây mấy chữ mà tiếng Pha-lăng-sa dịch không đúng hẳn chính-âm để ta rõ. Như chữ Deutschland người Pha-lăng-sa gọi là : Allemagne ; chữ The Bristich Empire người Pha-lăng-sa gọi là : Angleterre ; chữ The United States người Pha-lăng-sa gọi là : Etats-Unis. Còn những chữ khác có khác văn Pha-lăng-sa là chỉ chệch đi một ít thôi chứ không phải sai lạc hẳn chính-âm như nhiều người nước ta vẫn tưởng lầm. Những chữ so-sánh liệt-biểu như sau này :

Tên mấy nước lớn và kinh-đô những nước ấy thuộc châu O'-rốp (Europe)

(Mấy thứ chữ so-sánh sau này để ta xem mà biết rằng các nước trên hoàn-cầu đọc và viết những danh-từ về địa-dư (termes géographiques) chỉ chệch đi một ít thôi, đến người Tàu cũng thế, và nhân tiện để giúp những người nho học không biết tiếng Phờ-răng-xe có thể theo những chữ dịch sẵn ở trong biểu này mà dùng).

Chữ Phờ-răng-xe	Chữ Ang-lê	Chữ Tàu dịch	Tiếng Tàu đọc	Tiếng An-nam đọc theo Tàu	Tiếng An-nam đọc theo văn Phờ-răng-xe
France	France	法蘭西	Fa-lang-si	Pháp-lan-tây	Phờ-răng-xô
Paris	Paris	巴黎	Ba-li	Ba-lê	Ba-ri
Angleterre	England	英吉利	Ying-ki-li	Anh-cát-lợi	Ang-lê
Londres	London	倫敦	Louen-louên	Luân-đôn	Lông-đông
Allemagne	Germany (Deutsche)	德意志	Teu-y-tche	Đức-y-chi	An-lơ-mãng
Berlin	Berlin	柏林	Pê-ling	Bá-linh	Be-o-lanh
Luxembourg	Luxemburg	璣森堡	Lu-san-pao	Lư-xâm-bảo	Luy-sâm-bua
Danemark	Denmark	丹麥	Tan-mai	Đan-mạch	Đan-ma-cơ
Copenhagen	Kopenhagen	哥平哈經	Ko-p'ing	Kha bình hạp kinh	Cô-bằng-ha-gờ
Belgique	Belgium	比利時	Pi-li-che	Tỉ-lợi-thời	Ben-dich
Bruxelles	Brussels	不魯捨拉	Pou-lou-chê-la	Bất-lỗ-xá-lạp	Bờ-rút-sen
Hollande	Holland	荷蘭	Hô-lan	Hà-lan	Hôn-lăng
La Haye	S'gravenhage	海牙	Hai-wa	Hải-nha	La-hay
Suède	Sweden	瑞典	Jouei-tiên	Thụy-điền	Suy-ét
Stockholm	Stockholm	斯德哥爾摩	Ssũ-tê-ko-êrh-ma	Tư đức khanh ma	Tốc-hôn
Norvège	Norway	挪威	Na-Wei	Na-uy	No-ve
Christinia	Kristiania	克里斯底安	K'ô-li seu-ti-an	Khắc-lý-tư-đề-an	Rit-ti-ni-a
Russie	Russia	俄羅斯	Ngo-louo-seu	Nga-la-tư	Rút-si
Saint-Petersbourg	S. Petersbourg	聖彼得堡	Tcheng-pi-te-pao	Thánh-bỉ-đức-bảo	Sánh-bê-tách-bua
Autriche	Austria	奧地利亞	Teou-ti-li-a	Úc-địa-lợi-á	Ô-tờ-ri-ch
Hongrie	Hungary	匈牙利	Hsumg-ya-li-a	Hung-gia-lợi	Hông-gờ-ri
Vienne	Vienna	維也納	Wei-ye-na	Duy-dã-nạp	Viên-na
Turquie	Turkey	土耳其	T'ou-eul-k'i	Thổ-nhĩ-ký	Tuya-ki

Chữ Phò-răng-xe	Chữ Ang-lê	Chữ Tàu dịch	Tiếng Tàu đọc	Tiếng An-nam đọc theo Tàu	Tiếng An-nam đọc theo vần Phò-răng-xe
Constantinople	Constantinople	君士坦丁	Kim-se-t'an-ting	Quân-sĩ-thần-đỉnh	Công-tăng-ti-nổp
Roumanie	Roumania	羅馬尼亞	Loua-ma-ni-a	La-mã-ni-á	Ru-ma-ni
Bucarest	Bucharest	布夏勒	Pou-kia-lei	Bổ-giát-lạc	Buy-ca-rét
Bulgarie	Bulgaria	保加利亞	Pao-kia-li-a	Bảo-gia-lợi-á	Buyn-ga-ri
Sofia	Sofia	所非	Souo-foi	Sổ-phi	Sổ-phi-a
Serbie	Servia	塞爾維亞	Sai-eul-mei-a	Tắc-nhĩ-duy-á	Se-bi
Belgrade	Belgral	伯爾格來得	Pê-eul-ko-lai-te	Bá-nhĩ cách lai đắc	Ben-gát
Albanie	Albania	愛爾巴尼亞	Ai-eul-pa-ni-a	Ái-nhĩ-ba-ni-á	An-ba-ni
Durazzo	Durazzo	都拉索	Tou-la-sou	Đô-lạp-sách	Đuy-ra-dô
Grèce	Grecee	希臘	Hi-la	Hĩ-lạp	Gờ-rét
Athènes	Athènes	雅典	Ya-tiên	Nhã-điền	A-ten
Italie	Italia	意大利	Y-ta-li	Ý-đại-lợi	I-ta-li
Rome	Roma	羅馬	Lo-ma	La-mã	Rôm
Suisse	Switzerland	瑞士	Jui-seu	Thụy-sĩ	Suyt
Berne	Berne	伯爾尼	Pê-eul-ni	Ba-nhĩ-ni	Bec-nờ

Tên mấy nước lớn châu A-mê-rích (Amérique)

Chữ Phò-răng-xe	Chữ Ang-lê	Chữ Tàu dịch	Tiếng Tàu đọc	Tiếng An-nam theo Tàu đọc	Tiếng An-nam theo vần Phò-răng-xe đọc
Etats-Unis	The United States	美利堅	Mei-li-chiên	Mỹ-lợi-kiên	Ê-ta-uy-ni
Mexique	Mexico	墨西哥	Mo-hsi-ko	Mặc-tây-kha	Mếch-sích
San Domingue	San domingo	三多明各	San-to-ming-ko	Tam-đa-minh-các	San-đô-manh
Cuba	Cuba	古巴	Ku-ba	Cô-ba	Cuy-ba
Haiti	Hayti	海地	Hai-ti	Hải-địa	Hai-ti
Colombie	Colombia	可倫比亞	K'o-lun-pi-a	Kha-lân-tỉ-á	Cô-lôm-bi
Panama	Panama	巴拿瑪	Ba-na-ma	Ba-nã-mã	Pa-na-ma
Ecuador	Ecuador	厄瓜多爾	O-kwa-to-êrh	Ách-quan-đa-nhĩ	Ê-cuy-a-đo
Pérou	Péru	秘魯	Pi-lu	Bi-lỗ	Pê-ru
Chili	Chili	智利	Chieh-li	Tri-lợi	Chi-li
Brésil	Brazil	巴西	Ba-hsi	Ba-tây	Bờ-rê-đin
Bolivie	Bolivia	玻利非亞	Po-li-fei-a	Pha-lợi-phi-á	Bô-li-vi
Argentine	Argentina	哥根廷	A-kên-t'ing	A căn-đỉnh	A-đăng-tin

Ta cứ xem mấy thứ chữ trên này thì đủ rõ ta không biết cái « *mãnh lực* » của tiếng nói mẹ đẻ ta, vì tiếng ta dịch những chữ về địa-dư cùng tên danh-nhân châu O-rốp và châu A-mê-rích

đúng hơn Tàu dịch nhiều mà ta không biết dùng, ta lại còn theo họ. Ta không biết dùng tiếng nói ta, ta không biết cái « *mãnh lực* » của tiếng nói ta, là ta làm mất cái « *giá* » của tiếng mẹ đẻ

ta, là ta làm nhục « quốc-hồn » ta đấy. Các bậc cao-minh trong nước nghĩ sao? Các ngài lại chẳng nên đem cái tài hùng-biến mà phá tan cái « *min l'âm u-ám* » kia đi ư? Các ngài lại chẳng nên đem cái học-thức uyên-thâm mà tán-thành vào mấy lời sơ-lược này ư? Vắn-

mệnh quốc-văn sau này hay dở thế nào, bọn quân tiên-phong ngày nay chịu một phần trách-nhiệm to lắm đấy. Vậy thì nòi bút của người viết văn kim-thời chẳng nên cẩn thận lắm ru! (1)

Vũ Công-Nghi

Lời kính-cáo của toà biên-tập tạp-chí Nam-Phong

Nam-Phong là một tạp-chí các ngài đã công-nhận là có giá-trị ở nước Nam, các bạn đọc Nam-Phong phần nhiều là có học-thức rộng. Vì vậy bản-chí mong rằng từ nay trở đi ngài nào có lòng yêu bản-chí gửi đăng bài gì mà trong có những danh-từ về địa-dư (termes géographiques) hoặc tên người (noms de personnes) thuộc về châu Âu-róp (Europe) cũn g chấ: A. mề-rich A. nờ-ri-que) xin theo văn Phờ-răng-xe (Prononciation française) mà viết, để khỏi sai lạc; ngài nào các danh-từ ấy từ bản-chí lấy làm cảm tạ.

Một bộ tiểu-thuyết tây rất hay

Một bộ tiểu thuyết tây mà tả đủ : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, hiếu, tình.

Một bộ tiểu-thuyết tây mà người Phờ-răng-xe cho là xem đi, xem lại cũng không biết chán, càng đọc kỹ càng thấy hay, càng chịu xem càng thấy thích.

Một bộ tiểu-thuyết tây mà mấy nhà chớp ảnh (cinéma) lớn nhất hoàn-cầu phải lấy thành phim (film).

Một bộ tiểu-thuyết tây mà hợp với phong tục bên A-Đông ta, mà hợp với tính ham xem tiểu-thuyết của người mình.

Một bộ tiểu-thuyết như vậy thì thật là hiếm, hiếm lắm!

Vậy bộ tiểu-thuyết ấy của ai? Nhan đề là gì?

Bộ tiểu-thuyết ấy là một pho sách kiệt-tác của Alexandre Dumas tiên-sinh soạn, nhan đề là « Bá-tước Mông-xích-tô » (Comte de Monte Cristo)

Tay bộ tiểu-thuyết hay như thế, lý thú như thế, mà nếu lời văn dịch không được chải-chuốt đậm-dà thì không như là chuyện kém hay mà có lẽ người xem sinh chán.

Bộ tiểu-thuyết này dịch ra quốc-văn in thành sách bán, giá cũng rất hạ, độ hơn một hào một quyển mà xem trong khoảng hai giờ đồng hồ mới xong. Bán hết quyển thứ nhất lại in quyển tiếp theo, cứ tuần tự in dần cho kỳ hết bộ.

Vậy vị nào muốn mua buôn hoặc ở xa muốn xem chuyện « Bá-tước Mông-Xích-ô » xin viết giấy cho dịch-giả biết trước.

Xin đề :

M. Vũ Công-Nghi

Rédacteur au Nam-Phong 124 Rue du coton
Hanoi

(1) Trong bài này những chữ in là *Pha-lăng-sa* xin đọc giả sửa mà đọc là người *Phờ-răng-xe* hay là nước *Phờ-răng-xê* cho đúng.

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

IV

TIẾT THỨ 38

Thời-kỳ thứ hai. — Là từ đời Vua Trung-tôn đến đời Vua Đức-tôn đời Đường. Trước kia Tử Ngang 子昂 bắt đầu làm ra thể thơ cổ-phong, và làm văn cũng muốn bỏ bớt lối điêu-trác mà làm cho cổ-phác. Lúc bấy giờ lại có Bắc-kinh tam-kiệt là Phú Gia-Mô 富嘉謨, Ngô Thiếu-Vi 吳少微, Cốc Y 谷倚 ba người ấy đều ruồng bỏ lối văn phù-bạc bỉ-lái, truy-nguyên kinh-thuật làm ra lời văn nhã-hậu hùng-mại, nhiều người đua theo gọi là thể văn họ Ngô họ Phú, từ bấy giờ mới biến mất cái văn-phong của Từ-Dữn đi. Từ năm Cảnh-long trở về sau, lại có Yên-quốc-công Trương-Duyệt 張說, Hứa-quốc-công Tô Đĩnh 蘇頲, đều coi về văn chế-cáo, thời ấy đều khen là *Yên Hứa đại-thủ-bút*, Văn Hứa thời mãn-thiệm, văn Yên thời tinh-tráng, thể-tài đều hấp-thủ cái tinh-tú văn Lục-triều, khi-tức thời truy-tung lối văn đời Lưỡng-Hán, đồng-thời ấy lại có Trương Cửu-Linh 張九齡, Hàn-Hưu 韓休, văn-chương cũng cao-nhã thanh-thú, không kém gì Yên, Hứa. Sau lại có Tiêu Lý 蕭李, Đinh Sĩ 鄧士, văn chương cũng có cốt rể xâu xa, sáng sủa rộng rãi; thời bấy giờ họ Tiêu đã nức tiếng, song văn từ-hoa thái-quá, thiếu mất khí-phách hùng-kiệt, không được bằng Đinh-Sĩ. Sau Tiêu Lý lại có Dương Cồn sở-trường về văn-thư, Viêm-Thiện thời khéo làm những lời chiếu-chỉ, văn-thái hùng-hồn, có thể nối theo được Yên, Hứa. Thời ấy lại có Lục Chí 陸贄, đương lúc năm Hưng-nguyên, con về việc từ-hàn chế-cáo, nghị-luận phò-bày, đều làm theo lối văn biên ngẫu

cả, xưa nay chưa có như thế bao giờ, dấu rằng lời lẽ huy-hoa, hoà-hiệp với cung-thương, song trong những đoạn đối nhau, mà khi-mạch vẫn lưu-loát, vẫn đời Đường đến đó lại sắp biến ra một lối khác.

TIẾT THỨ 39

Đường thi cực thịnh. — Đời Đường có nghề thơ là đặc-sắc hơn. Minh Cao Đinh-Lê đã chia những hồi Đường-thi biến thiên làm bốn thời-kỳ: Tự hồi mới khai - quốc cho đến năm Khai-nguyên là thời-kỳ *Sơ-Đường*; tự năm Khai-nguyên đến năm Đại-lich là thời-kỳ *Thịnh - Đường*; từ năm Đại-lich đến năm Thái-hoà là thời-kỳ *Trung-Đường*; tự năm Thái-hoà trở về sau là thời-kỳ *Văn-Đường*. Thơ đời Sơ-Đường đã nói qua rồi, phong-khi đời Thịnh-Đường thời thực bởi vua Huyền-tôn khai-sáng ra, xem như những bài thơ buổi sớm đi qua Bờ-quan, và bài thơ hạnh Thục, thời khi-lực thực là hùng-kiện, mà phong-cốt thời nghiêm-chỉnh; lúc ấy lại có những bài thơ cổ-phong thất-ngôn của Trương Duyệt, và bài cổ-phong ngũ-ngôn của Trương Cửu - Linh, lời thơ cũng trầm-hùng thanh-khiết, có thể phù được chính-thanh; lại còn bài thơ Khúc-giang cảm-ngộ nữa cũng là tuyệt-tác khởi-xương cho đời sau, vì thế những lối thơ phong-nhã mới hưng khởi lên, lúc ấy có những người hay thơ là Vương Duy 王維, Mạnh Hiệu-Nhiên 孟浩然, Lý Hán 李頎, Sầm Xâm 岑參, Cao Thích 高適, Vương Xương-Linh 王昌齡, Trừ Quang - Hi 儲光羲,

(1) Dịch theo quyển *Trung-quốc văn-học-sử* của ông Vương Mộng Tằng 王夢曾, xem Nam-phong ở số 56.

trước sau nối nhau làm ra điệu thơ như hòa hiệp tiếng đàn tiếng sáo, đến khi họ Lý họ Đỗ dấy lên, lại càng phát-dương cổ-vũ, cực kỳ tinh-hoa, đều là phảng-phất giọng thơ phong-táo, tổ-thuật nền thơ Tấn Ngụy, ngũ-ngôn cổ-thi thời có thơ Vương Duy, Mạnh Hiệu-Nhiên, Trừ Quang-Hi, đều là học lối thơ Đào Tiềm cả, nhưng thơ họ Vương thời thanh-tạo dậm-dà; thơ họ Mạnh thời nhàn-dật phóng-khoảng; thơ Lý Hân thời học họ Nguyễn cùng với Vương Xương - Linh cũng cùng một tôn-phái, nhưng mà lại có phần khoáng-dạt. Thơ Đỗ Thiếu-Lãng thời không hẳn theo một phái nào, tài-lực tung - hoành không thể bàn nhất-khái được. Lối thơ thất-ngôn cổ-thê của họ Vương, họ Lý, họ Cao, họ Sầm thời êm ái mà tiêm-tế hợp phép, nhưng thơ Lý Hân lại có phần phóng-tứ; thơ Đỗ Thiếu-Lãng lại thêm giọng trầm-hùng. Lối thơ ngũ-ngôn-luật của Vương Duy, Mạnh Hiệu-Nhiên thời có ý du - nhiên tự - đắc; thơ Lý Thái - Bạch thời mỉ - lệ mà lại có tứ kỳ - dật khoáng-dạt; thơ Đỗ Thiếu-Lãng thời trong 40 chữ mà lại có ý-tứ rộng bao-hàm cả vạn-trượng. Thơ thất-ngôn-luật của Hữu-thừa thời thực là hơn cả thời ấy, mà thơ của Đông-xuyên thời thung-dung đại-nhã, thơ Sầm-Xâm cũng có thể đồng-điệu được. Lý Thái-Bạch thời hay vận câu cổ-thê lẫn với thơ luật-thê thời không phải lối, Đỗ Thiếu-Lãng cũng không khỏi cái lối ấy, nhưng không làm điên-đảo quá như Lý Thái-Bạch, cho nên thơ họ Lý hay tri-sinh cả cổ-kim. bao-hàm cả thiên-địa. Thơ họ Đỗ hơn người về những thể trường-luật độ vài mươi vần hay trăm vần thời lại càng hay lắm, chuyên-vận biến-hóa như long-xà, quán-xuyến cổ-kim như một sợi tơ, thực là kỳ-tuyệt ít có. Thơ ngũ-ngôn tuyệt-cú của Hữu-thừa với Lý Thái-Bạch thời đều là kiệt-tác cả. Thơ

thất-ngôn tuyệt-cú của Vương Long-Tiêu, Lý Cung-phụng thời thực là thần-phẩm. Thơ Hữu-thừa thời có giọng thê-thiết, thơ Cao Xâm thời có giọng kích-ngang, họ Đỗ về những giọng thơ ấy thời kém, cũng như Thái-Bạch kém về lối thơ thất ngôn-luật; trở lên là những thơ về đời Thịnh-Đường. Từ năm Đại-lich trở về sau, phong-khí biến dần mãi đi, hồi ấy có mười người tài-tử là: Vi Ứng-Vật, Lưu Trường-Khanh, cùng với Lưu-Luân, Cát-Trung-Phu, Hàn-Hủ, Tiền-Khởi, Tư Không-Thự, Miêu-Phát, Thôi-Đông, Cảnh-Vĩ, Hạ-Hầu Thâm, Lý-Đoan, mười người tài-tử ấy chỉ đều rèn rũa từng câu từng chữ, cầu đặt cho khéo cho đẹp, chớ giọng thơ không có khí hùng-hồn trọng-hậu, song vẫn hãy còn cái thê-cách thơ đời Thịnh-Đường. Thơ Vi Ứng - Vật thời muốn bắt-chước như thơ Đào-Tiềm; thơ họ Tiền họ Lưu thời mô-phỏng họ Vương họ Mạnh, dấu kém phần hồn-hậu nhưng mà còn có chiều thanh-nhã, các thi-gia kia cũng đại-loại như thế cả, đó là về đời Trung-Đường cũng còn thừa cái dư-phong đời Thịnh-Đường vậy.

TIẾT THỨ 40

Thời kỳ thứ ba. — Là từ đời Vua Đức-tôn đến đời Ngũ-quí. Lối cổ-văn đời Đường từ Trần Tử-Ngang trở về sau cũng có nhiều nhà tác-giả; đến đời vua Túc-tôn, Đại-tôn thời có Nguyên Kết 元結 khởi lên mới tiên-trừ được lối văn phiến-tạp; đến Hàn Dũ 韓愈 khởi lên thời lối cổ-văn mới thành. Hàn Dũ hay làm theo lối văn lục-kim, có làm ra thiên Nguyên-tính 原性 thiên Nguyên-đạo 原道, thực là khai ra cái văn-phái lý-thắng đời nhà Tống sau này. Tô Minh-Doãn có khen văn Hàn Dũ như là trảng-giang đại-hải, đầy rẫy chứa chan, như là giao-long biến-hiện mà vẫn không lộ, khiến cho người tự trông thấy cái bóng xa xa, cái sắc xanh

xanh, mà sinh khiếp sợ không dám đến gần. Hàn-Dũ lại thích lối văn đời Hán đời Ngụy mà nhất là hay bắt chước văn Dương Hùng, bài *Tiến-học giải* tức là thoát-thai bài *Giải-chào*; bài văn *lông-cùng* tức là biến-tướng bài phú *Trục-bần*, mà lại có phần nghiêm-chỉnh hơn văn Dương-Hùng, nên đời có lời khen văn Hàn Dũ hay chấn-khởi được đôi-phong tám đời là vì thế. Khi ấy cùng với Hàn-Dũ tề danh là Liễu Tôn-Nguyên 柳宗元; Tô Nguyên lúc trước cũng hay làm lối văn biến-lệ, đến khi phải biến ra Văn-châu, mới bắt chước Hàn-Dũ mà làm lối cổ-văn, sở-trường về lối văn kỳ sơn-thủy, tả nhân-vật, luận văn-chương, nhưng cũng không địch bằng Hàn-Dũ được. Học trò Hàn-Dũ lại có Hoàng-Phủ-Thực 皇甫湜, Lý-Tường 李翱, Tường thời truyền cái lối văn chính của họ Hàn, Thực thời truyền cái lối văn kỳ của họ Hàn; văn Hoàng Phủ-Thực truyền đến Lai Vô-Trạch, rồi lại truyền đến Tôn - Tiều; văn Lý-Tường thời người đời Bắc-Tống lấy làm tôi-sùng lắm. Đương khi họ Hàn họ Liễu thịnh-xương lối cổ-văn, thời có Linh-Hồ Sở 令狐楚, Lý Đức-Dụ 李德裕, sở-trường về lối văn tiên-tấu chế-cáo, văn họ Linh-Hồ thời chỉ lấy ý làm cốt, lấy khí làm dụng, lời văn tri-sính, thoát bỏ hết những lối câu-nệ đối nhau. Văn Lý Đức-Dụ thời tinh-thâm chỉnh-khiết, có cái khí-anh-vĩ cũng như người. Lý Thương-Ẩn 李商隱 khi nhỏ thích lối cổ-văn, sau theo Linh-Hồ Sở học làm lối văn biểu chương kim - thể lại càng giỏi về những bài lối - văn, tế - văn. Khi ấy lại có Ôn Đình - Quân, Đoàn Thành-Thức đều tài về những lối văn ấy, có đến 36 thể văn. Song văn của Thương-Ẩn thời uyển-trang-nhã biệt ra một cách riêng, hiệp thanh-âm không có một tiếng nào khuất-khúc,

dàn chữ đối cũng không có một lời nào thiên-lệnh, nên mới biến ra những lời văn cảm-tú đẹp đẽ như văn của Từ-Di, Tạ Đình-Hiệu; từ bấy giờ lối cổ-văn của họ Hàn họ Liễu về cuối đời Đường không còn mấy người học tập đến nữa.

TIỆT THỨ 41

Thề-cách thơ suy dần. - Từ năm Đức-thuận trở về sau, thề-cách thơ biến-dần mãi đi, lối thơ của mười người tài-tử thời sơ-sai quá làm biến mất lối thơ trang - nghiêm của họ Lý họ Đỗ đi, đến Hàn Dũ lại thêm lối thơ kinh-bãi, Lý Hạ lại pha giọng thơ kỳ-quyệt; thơ Giao Đảo thời gian-sáp, thơ Nguyên-Bạch thời nông nổi, không còn cái sắc thơ phác-mậu, cái khí thơ hồn-hậu như thơ của họ Lý họ Đỗ khi xưa. Song cũng hay mở riêng ra một lối chớ không y-bặng vào lối thơ nào, như là những câu thơ liên-cú của Hàn Mạnh, những bài thơ họa văn và bài tân-nhạc-phủ của Nguyên-Bạch, đều là hay cả, đó là thơ Trung-Đường, chớ không như thơ đời Văn-Đường phải bắt-chước theo mới làm thành ra một thi-gia được. Đến như luật-thi của Lưu Mộng-Đắc, thời bắt chước Văn-Phòng; thơ tứ tuyệt của Lý-Ích thời thoát-thai của Long-Tiêu, thơ Liễu Tử-Hậu thời gốc tự Trần Tử-Ngang, mà lời thơ cũng xương-kính có thể lưu-truyền được. Từ năm Thái-hòa trở về sau, nghề làm thơ mới kém dần mãi đi, Hứa Hồn, Triệu Hồ chỉ chuyên đẽo gọt từng câu; Nhật Hưu, Qui Mông chỉ ngâm-ngã những bài vịnh-vật; lại còn những bài thơ ghép đôi tiếng, ngâm đôi vần, hoặc dùng tên vị thuốc, tên huyện, tên cỏ-nhân, để gộp vào trong câu thơ, như là trò trẻ vạy. Đến Lưu Giá khởi lên, lại đặt ra lối thơ điệp hai chữ, chỉ cầu cho tiêm-xảo, so với thơ đời Tề đời Lương lại càng kém lắm. Lúc ấy chỉ có Lý Thương-Ẩn, Đỗ Mục-Chi hai người là hay học được lối thơ Đỗ Phủ; thơ Thương-Ẩn thời những bài ngũ-thất-ngôn kim-thê và những

bài tràng-thiên, thời cũng có cái thần-khí cốt-cách lối thơ Đỗ-Phủ; chỉ có những bài ca-hành điệu cổ thời không bằng. Cùng với Thương Ân tên-danh thời có Ôn Đình Quân 溫廷筠 làm ra những hài nhạc-phủ ca-hành có phần hơn Thương Ân, chỉ có thơ cận-thê thì còn kém xa; bởi vì Thương Ân học lối thơ Đỗ Phủ, Đình Quân học lối thơ Lý-Bạch. Thơ Đỗ Mục-Chi thời lời cũng

cáp, điệu hương-lượng, đó là lấy giọng thơ tuần-tiên để kiêu-chính những lời thơ yếu ớt đời ấy, cũng là sở-đặc về lối thơ Đỗ Phủ. Đời Ngũ-dại thời ở Thục có Vi Trang, ở Ngô - Việt có La Âu, làm thơ cũng có khi cốt, song cũng còn thiên - lộ lắm.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

BÀN VỀ HƯƠNG-CHÍNH XỨ BẮC-KỲ

Trong bài bàn về thổ-địa nhân-dân tôi đã từng nói : muốn cho những cây hoa chính-trị mới đua nở trong các cái vườn xã-dân được kết nên giai-quả, thì trước hết phải tài-bồi bổ-duỡng từ rễ từ gốc là thổ-địa nhân-dân. Nay cái gốc rễ ấy đã tìm được màu được đất để bồi-bổ rồi, và đã có thể hi-vọng được rằng một ngày kia cái công-viên xã-hội ta sẽ có quả đủ lấy mà cung cho bọn thiếu-tuần, hậu-sinh đi đến cái thế-giới đẹp hơn là cái thế-giới toàn những người học-thức. Nhưng mà còn phải gìn-giữ cho chắc, không thì cái vườn hoa chính-sách tốt-đẹp ấy lại chỉ làm mồi cho những ong những bướm nó chen - chúc đến mà châm - chích nhấm-bút mất phần mất màu mà thành ra đui rụng hết. Nói cho phải là tuy Nhà-nước dựng cho một nền chánh-sách tuyệt-khéo tuyệt hay, song vì cái giác-quan của mỗi người còn nhỏ hẹp, cái thói-tục trong xã-hội nó nặng-nề, mà hoá ra không trông rõ, không làm đúng với cái kiểu-mẫu của Nhà-nước vẽ cho.

Vậy thử xét các làng đã cái-lương, xem hiện xây-đắp cái cột chính-trị khuyah-hương ra mặt nào; rồi nhân thế chống ngay cho khổ đến nỗi khuyah-

phúc mà sinh nguy-hiềm cho nhân-dân nấp ở dưới bóng cột hương-chính ấy.

I Hội-đồng Hương-chức

Cứ như các làng bầu - cử những người dự vào hội-đồng hương-chức hội-đồng tộc-biêu, thì không được xứng đáng chút nào; nghĩa là kén người chưa được hoàn-toàn. Trước hết hãy xin nói hai hạng người dở: một là hạng kỹ-cựu (sung vào hội-đồng hương-chức) kể cái lý - lịch từ lúc ra làm, thì hầu hết mọi người đều đem gia-tài đổi lấy danh-phận, mà cái mục-dịch của cái danh-phận ấy chỉ là khẩu xôi miếng thịt ở chốn đình-trung, cái mục-dịch của họ như thế thì ai cũng biết rồi; song muốn nói rõ là để chứng rằng vì họ đem cơ - nghiệp đổi lấy cái danh-phận khẩu thịt năm xôi, nên sau khi thành-hiệu rồi mới phải dùng hết cách mà cầu-cáo đào-khoét để lập cho đầy cái hố thiệt-thời là cái cơ-nghiệp dùng làm binh - phí trong lúc cạnh - tranh, thành-thử trong tâm-huyết đã bị giống trùng những - nhiều gian - tham nó chiếm-cứ làm nơi sinh-trưởng; nay gặp được thứ thuốc quý cái - lương, thì hình như đem bỏ thêm cho nó mau sinh-trưởng vậy. Bởi vì cái-lương thì mới tồ-chức quyền-lợi vào một hội-

đồng, toại-thành cái kho tài-lợi dành cho một số ít người ngồi hưởng, mà không còn phải lo-ky gì, vì chính bởi quyền trên ăn-tử. Hai là bọn mua nhiều mua xã và vãn (phần nhiều sung vào hội-đồng tộc-biểu) thì nhất-sinh chỉ có một mặt thu-hấp lấy huyết-bản của người ta về mà làm giàu, rồi mới rủng-mỡ bỏ tiền ra mua lấy phẩm-tước trong chốn « tiểu-triều - đình » như phượng-ngôn đã dạy — thờ miếng thịt khâu-xôi hơn là thần-thánh, coi cái góc chiếu bậc sà như cả giang-sơn, mà cái nhân-giới thì lấy cái khu-phạm bờ tre làm cả vũ-trụ; ấy thế mà cũng là người chỉ nẻo đưa đường cho bao nhiêu tính-mệnh con người, thì thật là dắt nhau xuống cái giếng khơi hủ-tục vậy. Ngoài hai hạng ấy, lại có thể chia ra bốn hạng, mà ba hạng này thì đã không dám kể: một là hạng kỳ-cựu trong làng Hán-học, lấy thú điền-viên làm nơi cực-lạc-thế-giới, không muốn giúng vào làm việc nhân-gian rồi; còn hai hạng, thì một hạng nữa cổ nửa kim (1) với một hạng thì kim-lặc cũng ra chơi con đường hoạn-bộ hết rồi. Duy còn một hạng giở Tàu giở Việt mà trụ-trung cũng có học-thức phổ-thông, thì hiện phải cái cảnh-ngộ nó bó buộc ở trong vòng bờ tre, nhưng họ vẫn tự đeo cái danh-hiệu « thầy-đồ », cái cảnh-ngộ ấy nó còn cưỡng-bắt phải làm cái việc trái lương-tâm, hại xã-hội là cái việc gõ-đầu hại óc trẻ con; nay giá cho sung vào hội-đồng hương-hội thì có thể làm lợi cho dân mà lại khỏi hại cho cá-nhân cho xã-hội là cái việc gõ-đầu-trẻ trên kia, song bị hai bọn có quyền-hành là bọn lý-dịch và bọn mua-danh như trên kia đã kể nó chiếm-đoạt mất cả địa-vị rồi; mà bọn này thì cũng có ít nhiều người có lòng cao-thượng như đã nói ra miệng mọi câu rất ý-vị rằng: « Không đời nào lại chịu bỏ ra một món tiền

bằng giá một vài con lợn, mà mua cho cái thẻ-xác của tôi một cái chức gì rồi mới được đặt lên một cái địa-vị nọ ở trong cái đình chỉ bằng một mảy bụi ở trong thế-gian ». Song hạng này không tất-nhiên là người nào cũng có lòng cao-thượng như thế, nghĩa là cũng nhiều người ham sự mua danh; mà vì là bọn có tinh-thần tân-học, thì hẳn còn ít tuổi, tất là cái vị-thứ hẳn còn thấp kém, theo lệ-tục chưa được ngấp ghé lên chốn vũ-đài của hai hạng kia, thì đời nào người ta đã chịu bầu làm hương-chức.

Nói tóm lại là cái kho óc của dân thôn-dã hẳn còn sơ-sài chật-hẹp lắm, nên họ cứ tưởng rằng con đường đời chỉ có hai ngã: một ngã đi vào cửa quan với một ngã đi vào đình tế thần; sau quay cả về cái đình-trung-vị-thứ, rồi mới lấy tục-lệ, mượn thần-quyền mà chiếm-đoạt hết các quyền-lợi danh-dự trong xã-dân; mà danh-dự quyền-lợi ấy quần lại quanh đi cũng chỉ việc quan với ăn uống; như việc cải-lương này họ cũng yên-trí là chỉ có thế thôi, chớ tuyệt-nhiên không hiểu cái gì là việc dân, là công-ích như việc tuần-phòng, việc đường-sá, việc vệ-sinh, việc giáo-dục vãn vãn.

Nay định lấy điều công-ích công-lợi, mà bảo cho hai bọn ấy nên để quyền lại cho bọn thanh-niên ra làm mới chóng phát-đạt, thì có khác gì dạy người điếc học đàn, và người lòa học vẽ, sao để vào mắt vào tai? Muốn cho họ cảm thì phải nói rằng: làm lý-dịch mà đã thôi rồi, ấy cũng như là làm quan đã đến kỳ hưu-trí, nghĩa là đã đến lúc kém tài kém lực thì phải lui về để chỗ cho bọn thanh-niên; còn thứ-vị đình-trung là thuộc riêng về đường danh-dự, chớ không quan-hệ

(1) Muốn cho đúng cổ-văn, thì nên đọc là « cảm ».

đến đường thực-lợi chút nào ; vì một đàng chỉ có một mặt phân - lợi, mà đàng nọ thì chuyên về mặt sinh-tài ; nếu cứ cố-chấp giữ mãi khư - khư thì tuy có lợi cho mình, song rất là thiệt hại cho vận-mệnh hạnh-phúc của con cháu về sau, mà ai là không hông sinh con đẻ cháu, không muốn cho con cháu thịnh-vượng yên-bản. Ôi ! Người ta phải là một thạch đầu ? mà không biết cảm những điều thiết - cận hiển-nhiên như thế !

II. Việc khao-vọng

Trong các hương - thôn có một cái tập-tục rất là ngằn ngo hẹp đại, cái tục ấy là cái tục khao-vọng, rồi mới được thực thụ vào đám thứ vị đình trung. Ừ thì như bọn mua nhiều bán xã muốn cho có quyền được ăn được nói, thì phải khao-vọng vào cái địa vị được nói được ăn, thế là phải lẽ ; song những người ra làm việc cho làng như Chánh, Phó lý, Tuần trưởng vân vân, thì như xưa kia lương lậu đã chẳng có, lại phải đi cầu khẩn các nơi, như thế cũng là chết dở, mà còn nữa bắt phải hi-sinh một bữa cho trăm nghìn vị thần-khẩu mới nghe ; thành thử ăn có một bữa mà phải gánh cái khổ sở sợ-hãi hàng năm bấy năm, bởi vì cái kẻ phải khao-vọng ấy sẽ phải nghiêng cơ lệch nghiệp, rồi mới phải tìm kiếm tài-liệu mà kê lót cho bằng ; mà tài liệu ấy lấy ở đâu ? há chẳng phải lấy của bách gia thì còn ở đâu nữa, mà còn lấy gấp mấy mươi cho đến mấy trăm lần, vì đã chịu cái giáo dục của tất cả những người được ăn bữa ấy, về cách gian tham những nhiều, rồi cái giáo dục ấy cứ tiến bộ mãi lên, mà cái cách kiếm ăn càng ngày càng sắc. Gần đây các làng cải lương đã đổi ra lệ nộp tiền chiết can thay vào cái bữa khao-vọng ; thế cũng chưa phải là lẽ công-bình, mà cái tệ hà lam cũng không giảm được chút nào.

Cứ theo nghị mới thì những người sung vào hội đồng hương chức cũng được cấp lương ; vậy có cách làm cho công tư lợi cả, là các người hương chức cố muốn được hưởng danh dự đình trung, thì hàng xã hoặc cấp ít, hoặc không cấp lương theo cái số tiền nộp thay khao vọng làm giới hạn, chỉ từ người nào vì công nghĩa công lợi mà làm, không thiết gì cái danh dự ấy thì phải cấp lương mà thôi.

Sau nữa cái tục bán nhiều bán xã cho vào thứ-vị đình-trung sớm trưa cũng nên bỏ hẳn, vì bởi đó chính là cái nhà máy khởi ra các mối kiện - cáo tranh-giành đời đời không bao giờ rút, chớ những cái kiện thực-kiện-lợi-quyền ở chốn hương-thôn thật không có mấy.

III. Việc tuần-phòng

Gần đây các xã cải-lương đều theo một cái điều-lệ xếp vào điều - nghị quan thủ - hiến bản-xứ phát - hành, không biết tự đâu nghĩ ra ? trong làng trừ những người phong - lưu sung - sướng như : những người làm việc Nhà-nước hay là làm việc hương thôn, mua thứ-vị, còn khắp mặt người dân đều phải vác gậy suốt đêm ra nằm điểm. Thế thì còn ra thế-thống gì, mà còn gì là quyền tự-do nhân-cách của người ta nữa ? Và nhiều khi vị thế mà mất trộm mất cướp ở nhà thì có ; vì cái kẻ nó đã biết đi ăn cướp ăn trộm, nó còn đại gì mà đường đường chính-đạo, đi qua điểm canh trình diện rồi mới vào làng ? Quả thế, từ khi tôi biết đến giờ phần nghe người già thuật lại, phần nghe cướp trộm mới xảy ra kể có mấy trăm đám, mà chưa từng thấy lấy một đám nào ; kể gian phi mới đến đầu làng đã đuổi đi ngay được đấy. Gia-đĩ ngày nay quân gian-dở cũng theo trình-tự trong sự vật chất tiến bộ, mà dùng khi giới tinh lương, có khi chỉ ra oai phát súng là,

trăm nghìn hồn vía bay lên mây xanh, còn tro-tơ lại những cái thê-xác, lũng cùnq va vấp vào nhau, mà gây què xây xát. Ôi ! canh thế mới gọi là canh ! thật là góp linh - hồn mà dâng cho trộm cướp.

Sau nữa nếu tuần-canh mà thức nhắc đều, thì hằng năm các phủ, huyện nha cũng không buồn sai phái người đi soát điểm làm gì cho ưỡng; mà khi-giới trưng-hoàng ra trước điểm cũng không phải giữ miếng mà nèm-giắt chắc chắn một cách đến nổi búa tháo hàng giờ không thể rút được ra !

Nay mà muốn bớt sự trộm-cướp thì không gi bằng; phá bớt những thành tre lũy hóp vẫn làm tổ cho trộm-cướp ẩn vào, chớ không nên ra địa-đầu túc-trực để đón trộm-cướp vào làng. Thứ nhất là bớt cái thói xâu-xé bốp-chẹt lẫn nhau, để cho trong làng bớt cái số người cùng-khổ, tại ất là ít có những tay đem người làng mình mà hiến cho quân trộm-cướp.

Còn sự cắt người canh-nhật thì nên lượng làng to nhỏ mà cắt lấy một, hai người, sẽ cấp lương cho tử-tế; song phải cắt cho làm thêm việc, chớ đừng để tro như cái hình đá đứng ở đầu làng; như là nên giao cho các việc hoặc dây-dọn đường ngõ, giồng - giọt xén cắt cây-cối, hoặc sai đi lĩnh văn-thơ ở nhà trạm đem về cho làng.

Duy đến thời-vụ có hoa màu lúa mạ thì nên cắt thêm tuần-phu canh-phụ ít lâu. Còn ngày thường thì chỉ nên cắt một bọn mấy người cũng bằng cái số các làng hiện có bây giờ đêm đêm ra điểm tuần mà canh-giữ; ngộ số chi-tiên không đủ cấp lương cho, thì sẽ xan-bỏ hết thầy các hạng người phải chịu, vì việc này là việc bảo-hiêm chung,

chớ đừng có lấy cái hư-danh mà che mắt bôn-phận.

IV. Việc đường-sá

Các nước trên mặt địa-cầu, nước nào trở nên văn-minh phú-thịnh đều do ở đường-sá thẳng-thắn vắn-tắt rộng rãi phẳng-phiu, làm một cái nguyên-nhân lớn nhất, một cái tang-chứng không sai.

Đoái lại trông vào dân mình số-dĩ nghèo-hèn khốn-khó thế này, cũng ở đường ngõ cong-queo, lằm lội, chật chội, thiếu thốn, nhất là những dân nghèo khổ lắm; mà muốn biết dân nào cực-kỳ nghèo-khổ, không gì dễ bằng, gián cho dân ấy có một vài nhà giàu sụ, vì mỗi một nhà giàu sụ tức là cái hấp-lực rất mạnh nó hút sinh-mệnh tài-sản của trăm nghìn người chừa vào đấy.

Giàu càng sụ thì thế-lực càng to, nghĩa là tự - ý muốn bắt cái làng vận-mệnh ở trong tay ấy dù điều-đứng đến thế nào cũng phải bấn gan mà chịu. Như cái cơ đường ngõ cong-queo lằm-lội chật-chội thiếu-thốn này cũng ở như nhà giàu mà ra, sự này có nhiều tang - chứng: thứ nhất là họ có lằm ruộng, mà thửa nào cũng muốn cho rộng cho vuông cho giữ được nước, bấy giờ mới bắt dân-thôn phải lựa đắp thế nào cho vừa ý các cái thửa ruộng nó sở-thích như nói trên kia, thành ra cái đường đặc những thước thợ; thứ hai là có bao nhiêu ngõ thẳng cũng bắt lấp đi, đặt ra một cái ngõ khuất-khuê, chật-chội lằm-lội gai-góc hiểm-hóc mấp-mô, hai bên lại giồng liền tre hóp để bắt cúp cành ngọn hai bên giáp lại với nhau như cái đường hầm bên Mĩ, làm như thế là chủ-ý phòng khi đuổi trộm bắt cướp cho nó vấp ngã đấy thôi. Đường ngõ mà như thế thì hại cho đạo vệ-sinh đạo kinh-tế không biết thế nào mà lường. Vậy mà các làng đã biết cải-lương cũng

không thấy chủ-ý về sự cải - lương đường-ngõ cho lắm, thế thì cải-lương lấy cái nổi gì ?

Nay muốn cho thần vệ-sinh thần kinh-tế chóng mà giáng-phúc cho hương-thôn, thì hội-đồng cải-lương phải kíp gia-công thôi-thúc cho dân mở-mang uốn-nắn sửa-đắp dọn dẹp lấy đường sá cho thông, mà lại đở công phải đắp là một cái lợi trực-tiếp rành rành.

V. Việc vệ-sinh

Không kể như trong bài xét về thổ-địa nhân-dân đã nói: cái đại-nguyên-nhân nó làm hại đường vệ-sinh trong thôn-dã, thì một là những thành tre lũy hóp nó làm ngăn-cản không cho không-khí thay đổi, ánh nắng chiếu vào mà sinh ra tối-lắm ẩm-thấp hại cho sự hô-hấp với giác-quan; hai là các rãnh ao tù-hãm, làm chỗ sinh-trưởng cho các xã-hội truyền-bệnh-côn-trùng. — Ở chỗ thôn-quê lại còn một sự phóng - uế không có chốn có nơi, cái này thì không những hại một đường vệ-sinh mà còn hại cho đường phong-hóa với đường lý-tài.

Về việc phá tre hóp, lấp rãnh ao thì đã nói kỹ trong bài thổ-địa nhân-dân rồi. Đây chỉ nói thêm rằng: phải tùy làng địa-thế to hay nhỏ, mà làm nhiều hay ít cái nhà-xí của công, giao cho người ngoài hay là canh - nhật tuần-phu cai-quản, để bán cho nhà tư giồng bón hay là tùy ý để giồng cây cối. Thế là vừa ích cho đường vệ-sinh, vừa lợi cho đường lý-tài mà vừa giúp cho đường luân-lý tưởng chẳng nhỏ vậy !

VI. Việc phát-đệ văn-thư

Sự phát-đệ văn (công văn, công báo) thư (tu-thư tư-báo) mà được nhanh chóng, ích-lợi là những thế nào, chẳng phải nói, ai ai cũng đã thừa biết; đây chỉ xin nói cái hiện-tình sự quan-ngại

trong việc phát-đệ văn-thư mà thôi. Ngày nay linh-lệ đã giảm bớt dề đờ sỗ chi-tiêu Nhà-nước và bớt sự phiền-nhiều cho dân; trừ công-văn khẩn-cấp, trong luật cũng không dùng đến linh-lệ tổng-đạt mệnh-lệnh cho người đương-sự kể hàng-khai. Tuy vậy mà mỗi tòng địa-thế mệnh-mông, nhân-dân đông-đúc mà có một tên trạm-tráng, cho nên có khi đến một tuần-lễ nó mới kinh-quá một làng, bởi thế mà lắm khi lắm-lỡ, các nha-môn lại được viện lễ mà mật-phái linh-lệ đi ra dân. Ấy công-văn mà còn coi thường coi rẻ như thế, huống chi là nhật-báo với tư-thư, nói là nhật-báo với tư-thư tưởng cũng khi quá, vì nhật-báo đã hóa ra tuần-báo, nghĩa là mỗi tuần lễ nó mới đưa đến một nút cho xem, còn tư-thư thì đã hóa ra công-thư vì nó cứ gặp ai gửi nấy rồi mới phát-giao luân - chuyển cho người có thư. Vậy mà người có thư cũng tuyệt-nhiên không có ca-thán, chẳng những thế, lại lấy làm ơn-huệ vì đã sẵn có cái tinh lười-biếng, không muốn ký nhận thêm phiền. Ấy thế mà giá cái đơn bầu không được dự-ký hay là xôi thịt không đem đến biểu ngay thì đã sừng-sốt lên đem phí cả gia-tài mà đi kiện đó. Cái tâm-lý của người mình tưởng có lạ không ?

Nay muốn cho văn-thư ngày nào nhận luôn ngày ấy, thì mỗi làng phải cắt một người đến trạm nhận riêng, nếu là làng nhỏ, thì họp vài ba làng liên-đái, mà luân-chuyển cắt người đi nhận văn-thư. Vả cũng nên làm cái cách như mục thứ ba trên kia đã nói, nên giao cho tuần-phu canh-nhật kiêm việc phát-đệ văn-thư. Hoặc-giả làng nào đã có trường học, nhân cắt người dọn dẹp nhà trường, xong công việc rồi, cho đi phát-đệ văn-thư cũng thông-thả chán; mà trái lại thì cái người dọn dẹp

ở trường học này, cũng nên cho kiêm làm tuần-phu canh-nhật. Thế là nhất-cử ba bốn đường tiện, mà công-tư lợi cả hai bề.

VII. Việc giáo-dục

Những làng năm trăm đình trở lên, nếu có thể cải-lương được, thì sẽ đủ tài-lực dựng riêng lấy một trường Sơ-đẳng yếu-lược để trẻ con trong làng ra học cho tiện. Song nếu những làng có từ năm trăm đình trở xuống mà muốn tình-nguyện cải-lương, đâu có kết-quả cũng không đủ sức tự-lập được một trường thì làm thế nào? mà cái nông-nỗi đi học trường-tổng thì đã bất-lợi rồi; vậy thì đâu có cải - lương cũng không ích-lợi gì cho lắm; vì cái kết-quả thứ nhất, cái lợi-ích phổ-thông vẫn là ở sự giáo-dục.

Nay xin nghĩ giúp một cách khiến cho mỗi làng dù nhỏ mà muốn cải-lương cũng có thể độc-lập lấy một trường Sơ-học: Hiện nay các dân cũng đã rục-rịch cử người ra học trường thư-ký, tốt-nghiệp thì sẽ về nhận chức giúp dân, mà dân sẽ cấp lương cho và thưởng cho cái đình-trung thứ-vị, nhưng ăn lương mà không có việc làm hằng ngày — ngồi rồi hay nghĩ bậy là cái bệnh của loài người — bây giờ mới tư-tướng ra những khoe ăn huyền-bí, dần dần hóa ra một con một dân. Muốn trừ được cái điều tệ-hại ấy mà lại lợi-ích cho công - dân, thì không kể những kẻ tầm-thường, mà bắt-đắc-dĩ phải cử đi học làm thư-ký cho dân, còn những người đã sẵn có cựu-học lại có bằng tuyền, khóa mới rồi, tất là có đức-bạnh có tài-năng đôi chút, nay học thêm tại trường thư-ký lại được thêm tri-thức phổ-thông. Bây giờ có muốn nhận chức giáo-dục cho dân, thì nhân khi đi học thư-ký, các trường thư-ký

tướng nên đặt thêm một ban sư-phạm, cho những người học xong ban thư-ký rồi, tiện thể học luôn ngay ban sư-phạm trong một hạn sẽ tùy định đặt là bao nhiêu lâu. Học như thế thì chưa có thể nào thạo được, song khi dạy đã có Học-bảo làm giáo-sư dẫn bảo cho luôn ở bên cạnh, thì khó gì mà không dạy nổi dạy đúng được dư?

Bọn này mà xuất-thân ra dạy thì không mất mấy đồng lương, vì trừ ra lại được hưởng danh-dự thứ-vị đình-trung cùng là cái số lương thư-ký.

VIII. Việc Hội-nghị

Người trong thôn-dã phần nhiều còn vật-chất què mùa, nói-năng tục-tấn tào-tạp, ít có cái vẻ điềm-dạm ôn-hòa; trong sự giao-thiệp hằng ngày, năng sinh ra những việc trach-ngôn tranh-khí, tổng-chi là không có học-thức phổ-thông cho nên mỗi người một tính-khí mà hóa ra xung-khắc nhau, nhất là khi hội-đồng ăn-uống. — Mà chỉ có hội-đồng ăn-uống thôi, — thôi thời bách-nhân bách-khẩu chẳng ai nghe ai; cho chí chỗ công-đình công-sở là chỗ họp những người có học mà cũng ồn-ào tào-tạp, như là chợ vỡ cuối năm; mà công việc thì làm cả ngày cả buổi, không bằng người các nước làm một vài giờ. Lại thử xem các sở làm việc của Chính-phủ, từ trên chí dưới đều nghiêm-nghị uy-nghị như có cái vẻ nhà tu, mà nét mặt vẫn ôn-tồn vui-vẻ.

Nay muốn cho người mình tập lấy cái tinh điềm-dạm ôn-hòa ít ăn ít nói, để trong những lúc ra hội-nghị chung-đúc trí khôn vào mà làm việc cho mạnh cho nhanh, khỏi sinh ra những cuộc đấu-khẩu, tướng giáo-dục bằng lý-luận đến mấy tập mấy pho cũng không sao hóa được. Vậy thì nên dùng phương thí-nghiệm,

mà cái cách thí-nghiệm này không những làm cho tiêu-hóa được cái tinh đờ-ào tào-tạp, luyện-tập lấy cái tinh diêm-đạm êm-dềm, mà lại có thể dạy cho tinh-tường cái công việc làm của hương-hội.

Cách ấy là cái cách : hễ làng nào xin phép hay là cưỡng ép phải cải-lương, khi quan trên thân đến tận làng hiểu-dụ, nên đem đi một số người có học-thức đã thông-thường về việc cải-lương ; lại sức hương-chức các làng trong hạt (không cứ là làng muốn cải-

lương) tề-tụ cả đấy mà nghe quan diễn-dụ. Diễn-dụ xong, tức lập một hội-đồng giả-thiết bằng những người quan đem đi, mỗi người nhận một tay trị-sự, rồi đem công việc của làng tập-sự cải-lương ấy mà bàn-bạc tính-toán, đoán rồi lập biên bản vào sổ-sách hẳn hoi, thứ nhất là phải giữ cho khéo cái vẻ mặt ôn-hòa diêm-đạm. Thế là làm một chốc mà in vào quan-giác cả một hạt người hương-chức không bao giờ phai, bằng cái tấn-tuồng hương-hội đã diễn ra trước mắt cho mà xem.

CẢI - LƯƠNG PHONG - TỤC

Nay hương-chính đã làm bàn rồi, lẽ ra bàn nổi các vấn-đề « hương-tục » cho khỏi trái thời-tiết cải-lương mới phải, cơ sao đột-ngột nổi lên hai chữ « phong tục » là bởi tôi có một cái quan-niệm riêng, nên không thể công-nhận được rằng trong hương-thôn có phong-tục. Muốn chứng rõ thì trước hết hãy xét xem phong-tục là gì — Người ta nói: « Phong tục là tự-nhiên dotrong dân-ý mà ra, vì làm nhiều nên thành tập-tục, ai ai cũng chỉ biết theo mà không biết khởi-thiết ra từ bao giờ ». — Nhưng tôi thì tôi dám nói quyết rằng không phải thế, vì phong-tục là gì? phong-tục chẳng qua là những lẽ thói phép tắc, do ở người có cái óc khôn hơn cao hơn hết thầy người thường, mà ta vẫn gọi là ông Thánh ông Hiền, đặt ra để làm mẫu cho người đời theo đấy mà ăn ở cho phải đạo, ăn ở với nhau lâu ngày thành tập-quán, tập-quán chẳng phải là phong-tục thì là gì? Vì thấy những lẽ-thói phép-tắc của dân ta ăn ở với nhau thật là ám-hợp với đạo-lý trong kinh Thánh truyện Hiền, nghĩa là theo phép luân-lý vậy.

Mà luân-lý thì chỉ có hai phương-diện: Một là luân-lý trong gia-tộc như

những đạo cha-con, an-nem vợ-chồng ; hai là luân-lý trong xã hội như : Vua-tôi, bè bạn cùng là hết thầy mọi người. Chớ không thấy sách nào dạy rằng có cái luân-lý trong hàng xã ăn ở giao-tiếp với nhau. Duy không biết người mình ngộ-nhận chữ « hương » đem kéo vào trong lũy tre nhỏ mọn từ bao giờ, mà thành ra rút hẹp cái tinh-thần hi vọng người ta bé đi nghìn muôn phần ; cũng tức như xưa kia những người chiếm-bằng khôi-nguyên, tưởng rằng chỉ ở phủ vua giúp nước, chả hoá ra cái mục-đích thứ nhất, cái hi-vọng không hai cũng thu vào cái trong phạm-vi một làng cả ; nếu không thế thì sao lúc được vinh-qui dân làng không ra đón rước, mà phải đến nỗi liêu mình ! . . . Ôi ! một nước mà ai ai cũng thế, thì nước còn mong tiến-bộ gì? Xét đến lịch-triều luật lệ cũng chỉ thấy nói một làng tức là một « xã » chứ không thấy nói đến chữ « hương ». Cái nghĩa chữ hương nó còn rộng ra cả một nước, nó tức là như thế này : ông Cao-tổ sang chinh-phục nước Tần, say mê cung nữ, mà có cái chí muốn ở tít bên Tần, bầy tôi can rằng « Giàu sang mà không về cố hương, thì cũng như

mặc áo gấm mà đi đêm vậy»; cổ-hương ấy là Trung-quốc là nhà Hán mà ông Cao-đế hiện làm vua, chớ có phải ông ấy làm vua ở làng ông ấy đâu. Lại như bây giờ ta sang nước khác, thì ta gọi nước ấy là « *tha hương* » mà xưng nước ta là « *cổ - hương* » vậy ông Khổng tử trong suốt một thiên « *hương đảng* » không mấy câu là không có ý bao quát đến việc triều-đình. Cho nên khi ngài làm sách Lễ-ký cũng thường nói đến chữ « *hương* » hương ấy tức là nước đó. Sau này ta mới hiểu lầm nghĩa chính mà làm sai lạc đi cả như thế này :

Trước hết như trong thiên Khúc-lễ-hạ nói : « Thiên tử tế trời đất bốn phương, vua chư-hầu tế một phương, quan đại - phu và quan khanh thì tế ngũ-tự (thần môn thần táo thần lự, thần hành, thần trung - ương) thứ dân thì chỉ được tế tên tổ mà thôi ». Ấy thế mà xã nào cũng đem lập ra vô số là đình là miếu, quanh năm cúng tế không mấy ngày ngừng, để đến nỗi hai người hại của. Ý hẳn xưa kia những làng có quan khanh quan đại-phu bày ra tế lễ, bấy giờ những làng chỉ có mấy bác khanh bác hương cũng a dua bắt chước, thành ra cái phong trào mê tín đánh vỡ con đường lý-tài dai-dẳng đến mãi ngày nay !

Quãng đường thứ nhất đã đi lầm rồi thì quãng nào cũng thành lầm hết; cho đến quãng này là thứ ba: Trong Lễ-ký thiên Tế-nghĩa nói rằng: « Ngày trước họ Hữu-ngu (vua Thuấn) quý người có đức mà chuộng xỉ (gười nhiều tuổi); họ Hạ-hậu (vua Vũ) quý người có phẩm tước, cũng chuộng xỉ; nhà Ân (vua Thương) quý người giàu có, cũng chuộng xỉ; nhà Chu (Vũ-vương) quý bề thân, cũng chuộng xỉ. Bốn nhà ấy là thịnh-vương trong thiên-hạ chưa hề bỏ sót người niên xỉ, thế mới biết tuổi là quý vậy ». Lại thiên hương-âm-tử

nghĩa nói rằng: « Phạm người 60 tuổi trở lên mới được ngồi ăn, còn 50 tuổi trở xuống đều phải đứng đợi xem có bảo ban việc gì thế là sợ-dĩ để tỏ lòng kính-sợ vậy; đến như cỗ ăn thì người 60 tuổi ba cỗ (hoặc ba bận ăn); người 70 tuổi bốn cỗ; người 80 tuổi năm cỗ; người 90 tuổi sáu cỗ; thế là sợ-dĩ để tỏ lòng kính nuôi người già. . . » Ấy thế mà đời nay đặt ngay ra cái lệ mua nhiều mua xã, với lại tranh giành tổng lý, nên những kẻ chưa ráo máu đầu đã leo lên trên chiếm hết phần ăn cỗ biếu, rồi đặt bậy ranhững câu: « hương đảng tiêu triều-đình » với lại « phép vua thua lệ làng » để truật các cụ, không mấy làng là cho các cụ dự vào các « thứ-vị đình-trung » cho rộng quyền ăn quyền nói; chỉ giành cho rất những kẻ trẻ tuổi cương cường xuẩn ngốc, ăn bậy nói càn; làm cho trong một nước biết bao nhiêu người từ 60 tuổi trở lên tiêu-diệt mất chí khí, từ giả cả việc đời, hóa ra một hạng người yếm thế. Ôi! người ta sinh ra để mỗi ngày một hay hơn lên, lúc tuổi già chính là lúc trí khôn đầy đủ. thì cái thiên-chức phải lấy mà vun bón cho cái óc thiếu-niên mới phải chớ lẽ nào lại để cho mòn mỏi theo với ngày giờ. thì chả hóa ra trai hẵn cái bụng dích làm người dư? — Trừ một số người vô hoạt-động ấy ra, còn một số từ 60 tuổi trở xuống nếu lại lấy câu « hương đảng tiêu triều-đình » làm tôn-chỉ độc-nhất, đem cả tâm-thần mà ấn vào cái phạm-vi thôn-xã, cũng đã lấy làm mãn-guýen nhất sinh rồi thì chả bóa ra mấy mươi vạn con người mới được một người có cái óc bao-quát lấy cả quốc gia xã hội dư? Thế thì bao giờ cho dân được thịnh nước được giàu?!

Ấy cái tệ-tục trong chốn thôn quê nó có cái sức tau-hấp tinh thần ấy vọng người mình một cách ghê gớm

như thế đây ; mà không gọi là tục được, vì cứ như trên kia đã nói « phong-tục tức là luân-lý » mới phải kia, phong-tục mà hay thì luân - lý cũng tốt, nếu cải-lương được thì mới là ích-lợi hoàn-toàn. Chớ đây chẳng qua là những lệ-ngạch phiền - nhiễu nặng - nề do những kẻ tham-quyền đặt ra để mà ức-chế kẻ dưới, để mà lợi-dụng cho mình đó thôi. Cho nên cái xã-thôn chủ-nghĩa có thể gọi là cái chủ-nghĩa « qui nạp » vì mỗi ngày một qui-nạp vào, đại-đề việc gì cũng qui-nạp nhỏ vào như chữ hương trên kia đã nói vậy.

Đối với cái chủ-nghĩa « qui nạp » ấy thì có một cái chủ-nghĩa có thể gọi là cái chủ-nghĩa « suy diễn » tức là cái luân-lý trong gia-tộc hay gọi là phong-tục cũng vậy. Các bạn đọc báo Nam-Phong này toàn là những người rất quý mến những cổ - tục di - truyền của người xưa, vậy tôi lại xin dẫn một đoạn trong kinh Lễ thuộc về cái chủ-nghĩa suy - diễn, về luân - lý trong gia-tộc như sau này nữa ; thì mới rõ một hay một dở cách nhau một vực một trời ; « Từ đứng thân sắp lên cho đến tở đều phải yêu (tức là nhân) ; từ tở sắp xuống cho đến cha (nễ 禰) đều phải kính (tức là nghĩa). Cho nên nhân-đạo phải từ yêu đứng thân, yêu đứng thân nên tôn-kính tiên - tổ, tôn-kính tiên-tổ nên hòa - hợp họ hàng, hòa-hợp họ hàng nên nhà tôn-miếu nghiêm, nhà tôn - miếu nghiêm, nên trọng nền xã-tắc, trọng nền xã-tắc nên yêu mến trăm họ, yêu mến trăm họ nên hình-phạt trung - bình, hình-phạt trung-bình nên quốc-dân yên ổn, quốc-dân yên ổn nên tiền của đủ dùng, tiền của đủ dùng nên trăm chí thỏa-mãn, trăm chí thỏa - mãn nên lễ tốt tục hay, lễ tốt tục hay nhiê-nhậu đều được vui vẻ . . . » (thiên Đại truyện). Xem thế thì biết cái tục trong gia tộc tốt đẹp vô-cùng, mà cũng ảnh-hưởng đến quốc-gia vô-hạn. Vậy nên mới muốn

khuy-nh-hướng về mặt cải-lương phong tục trong gia-tộc, mà sẽ bỏ cái lệ-ngạch nặng-nề trong xã-thôn đi, các gia-tộc trong thôn-xã chỉ cần phải liên-lạc với nhau mà mưu - trừ về hương-chính, nghĩa là về mặt thực-lợi như : việc tuần-phòng, việc đường-sá, việc bầu-cử, rồi đến việc sưu-thuế hàng năm thì mỗi họ cử một người tộc-biểu thu xong giao cho lý-trưởng thì cũng bớt được nhiều điều tệ-lạm. Còn việc giáo-dục, việc vệ - sinh vân vân, lẽ ra cũng nên tổ - chức vào với xã-thôn cho tiện - lợi. Song « phép vua thua lệ làng » xướng ra một chủ-nghĩa, bày ra một ý - kiến ở trong làng, còn khó khăn gấp mấy mươi lần là đem cống - hiến cho quốc-gia xã-hội ; bởi vì người nào đã biết đề trí vào việc nước việc dân, thì ắt là người có học-thức còn đề cho lời nói phải nó lọt vào tai, chớ trong làng thì thật lắm người rất là phản-đối với các lễ phải, vì sợ đề cho các lễ phải nó lọt vào tai thì sẽ thiệt mất cái lợi đảng miệng! Nói thế, các ngài hưu-quan tại-dã chắc cũng biểu-đồng-tinh, như có người đương tại-chức làm đến đường-quan chúa-tĩnh, sai khiến cái máy sinh-mệnh hàng mấy mươi vạn con người thì dễ, mà lúc về hưu, giá có đem lễ phải điều hay bảo ban cho một làng mình thì không trôi-chảy, là bởi trong làng chia ra năm bè bảy bối, mà trong cái năm bè bảy bối ấy lại mỗi người một bụng một mồm ! xướng lên một câu là trăm nghìn câu đối lại ; như ngày xưa thì có thể dùng roi vọt mà đối lại những cái câu đối ấy, song ngày nay thì không có thể rồi, mà không lẽ nhất-nhất lên quan thì một là thẳng-chỉ bắt-vũ, hai là không có đáng lên. Ấy « triều-đình-di, hương-đảng-nan » là nghĩa thế. Đã thế thì chi bằng tránh điều khó mà làm điều dễ, vả cái điều dễ ấy lại có ích gấp mấy mươi lần cái điều dễ kia.

Cải-lương phong-tục trong gia-tộc

Cái luân-lý trong gia-tộc thật có cái thể phổ-cập như trên kia đã nói, thậm-chí những người vô-học mà cái cách ăn-ở cũng am-hợp như đạo-lý của thánh-hiền, là nhờ được một cái sức mạnh khác nó đàn-áp thêm vào ; cái sức mạnh ấy là đặc tr cái tục thờ phụng tổ-tiên, cái tục thờ phụng tổ-tiên thật là đem dây thần-bí mà giàng buộc tinh-thần huyết-khi từ người hiện-tại cho chí người quá khứ người tương-lai làm một cái sức mạnh vô-hình mà vô-địch. Cái tục ấy dẫu người các nước văn-minh thông-minh học-thức cũng phải chịu cho là hay là tối. Muốn chứng rõ thì không gì bằng thuật lại mấy câu kết-luận của quan Khâm-Sứ Pasquier trong sách « Cờ-Nam-Việt » mà Bản-chỉ chủ-bút đã lược-dịch trong Nam-Phong số 45, về cái chủ-nghĩa gia-tộc ngài nói rằng : « Gia-tộc chế-độ ở nước Nam lấy quyền nhất-thống của kẻ phụ-huynh làm trụ-cột, đại-đề không có đề cho quan-quyền can-thiệp đến bao giờ ; lại nhân vì sự phụng-tự tổ-tiên bắt-buộc mà thành ra có cái dây liên-lạc bền chặt, nghiêm-nhiên thành một đoàn-thể thống-nhất, trong có lẽ thói riêng, dưới quyền người trưởng-tộc vừa là ông chúa-tề ông giáo-chủ, ông quan án ở trong nhà. Sức mạnh của gia-tộc là ở sự thống-nhất ấy, ngoài thời nghiêm-nhiên độc-lập đối với quan-quyền, mà trong thời hết thầy phục - tông một người trưởng-tộc ».

Ấy cái chế-độ gia-tộc về cổ-đại nước Việt-Nam ta tốt đẹp như thế đó. Nhưng ngày nay có còn giữ được trọn vẹn tấm gương sáng sủa như thế nữa không ? hay là lâu ngày dưng mãi mà thành ra phai-mờ rạn-vỡ ? phai-mờ rạn-vỡ cũng là cái lẽ tất-nhiên, cái lẽ tất-nhiên ấy là những thế này :

Một là vì cái sinh-kế trong gia-đình sinh ra chật-chội — tính từ lúc phong-tục còn tốt cho đến bây giờ, mỗi một gia-đình thêm ra ba người, cộng lại là bốn ; lại mỗi người nhu-yếu tồn-phi gấp hai người xưa, thành ra trước kia có một người mà bây giờ tăng lên những tám ; nước ta ngày xưa đã có tiếng là một dân nghèo, bây giờ lại tăng lên đến tám lần nữa ; đó là không kể những nơi thị-phố, được tiếp-súc ngay cái sung - xướng văn-minh. — Người ta chỉ biết đề tâm đề chí nuôi lấy sự sống của cái bản-thể mình cũng còn chưa xong, rồi đầu tư-sức lấy cái linh-hồn cho đẹp, linh-hồn của mình đã không rồi sửa, còn cần gì ở tốt với người quanh mình (hãy nói người quanh mình ở chỗ gia-đình, chớ chưa lạm kể người ở vòng ngoài là dân-thôn, xã-hội) Mà cũng cần, nhưng chỉ cầu có một mặt thu - bấp lấy cả cái lợi của những người quanh mình là nơi dân-thôn xã-hội mà thôi.

Hai là không theo cái trình-tự trong sự tiến-bộ, tiến-bộ chung của xã-hội, tiến-bộ riêng của mỗi người. Tiến-bộ chung của xã-hội là mỗi ngày phát-minh ra nhiều khoa-học, ra nhiều những lẽ trong nhiều khoa-học ; tiến-bộ riêng của mỗi người là khoa-học càng nhiều, văn-minh càng hoạt-động, văn-minh càng hoạt-động thì cơ-giới trong lòng người càng phiền-phức, càng sắc-xảo càng tinh-danh. Vậy cũng phải mỗi ngày luyện-đắp lấy cái thành-quách vô-hình là những luật-phép cho cao cho rộng cho cứng cho dầy thì mới nhất nổi cái đã-lắm lừa-lạt diên-đảo của người đời. Nói tóm lại là cái luân-lý phong-tục trong gia-tộc của ta ngày xưa dẫu có hay thật, song nếu cứ để cái nguyên-chất ấy cho người thời hay dưng cũng không đủ công-hiệu. Hưởng-chi chi để phảng-phất ở trên cửa miệng, rồi người thì chùi đi, người thì nuốt mất, không

lấy chi làm cơ làm bằng, nghĩa là không tổ-chức thành luật thành văn, thì một là tiêu-diệt dần, hai là người ta cãi xóa được.

Đã biết cái nguyên-lý nó như thế rồi, thì cứ nhắm ngay vào đấy mà sửa-trị. Vậy nay cần nhất là phải mưu đường sinh-lợi cho gia-tộc, là tự-nhiên bớt được cái nỗi khổn-cùng, tất được hòa-bình thân-ái; thứ hai là phải tổ-chức lấy một cái cơ-quan rất to rất mạnh gấp mấy mươi lần cái phạm-vi luân-lý ngày xưa, mới đủ nhất được cái lòng người thời nay vậy. Hai vấn-đề ấy nó có cái quan-hệ mật-thiết với nhau vô-cùng, vì một đảng là lợi, với một đảng là nghĩa, mà cái nghĩa với cái lợi ở thời-đại văn-minh này, muốn cho luân-lý cũng văn-minh, luân-lý có tự-do, luân-lý được cao - thượng, luân - lý không cường-bách, luân-lý không áp - chế, luân-lý có ái - tình, thì cái nghĩa với cái lợi cứ phải khăng - khít quấn quít lấy nhau hăng lắm mới được; nghĩa không có lợi thì nghĩa dở, lợi không có nghĩa thì lợi xiêu, nghĩa với lợi mà xiêu mà dở thì luân-lý cũng phải dở phải xiêu. Muốn luyện đắp lấy cái trụ luân-lý cho khỏi dở khỏi xiêu thì phải dùng cả hai chất nghĩa lợi, cũng như kiến-chúc thì phải có gạch với vôi vậy.

I.— Tổ-chức mỗi họ thờ chung vào một từ-đường

Cái tục phụng-sự tổ-tiên vẫn là tục hay tục quý, song đến bây giờ thì vì sự quần-bách mà thân-thích xa nhau, lại nhân cái chủ-nghĩa vật-chất thịnh-hành, người có ít nhiều học-thức xem chừng có ý hoài-nghi, mà kẻ vô-học u mê thì khuyab-hướng về mặt phụng-sự cái vị bản-thân thần-khẩu, vì thấy nó ủng-hộ ngay. Cho nên bây giờ nhà nào có kỵ lập mà không làm cỗ làm bàn thì dẫu

có mời cũng không ai đến. Mà đến thì có khó gì, chỉ phải xỉ xúp mấy lần như cái máy rồi thì đánh chén no say; mà có lẽ không được tốt bằng cái máy, vì cái máy nó còn làm được nhiều lợi cho người ta hơn là nhiên-liệu đem cung vào nó; chứ đảng này thì có mất vốn mất lãi gì?

Cái tình cảm nhớ đối với tiên-tổ thiêng-liêng mà còn giả dối lạnh nhạt như thế, thì cái bụng ăn ở đối với anh em hằng ngày tranh-cạnh phỏng có trung-hậu nổi gì?

Nay muốn chung đúc cái tình cảm nhớ, cái bụng ăn ở ấy vào một lò thì nên thờ cốp vào một từ-đường, mà vẫn cho giữ cái tục ăn uống; duy ăn uống có kỷ hạn có trật tự như thế này:

Cứ đến ngày kỵ ông bà Thủy-tổ hay là ông bà nào sinh-thời có công-nghiệp to, cứu giúp họ hàng về đường tinh-thần hay là về đường thực-lợi, thì dụ như người « bầu hậu » vân vân, hoặc ngày tết nguyên - đán với tết thanh-minh thì nên tập-hợp cả họ ăn uống suốt cả người trẻ người già, song không nên ăn quá hai kỳ như thế trong một năm.

Còn những ngày kỵ-lạp tiên-nhân của một gia-phái thì chỉ luân-thứ mỗi một gia - phái cử một người (hoặc trưởng, hoặc thứ, song trưởng đi nhiều lần hơn) làm đại-biêu đến dự lễ, lễ-vật tùy họ to nhỏ giàu nghèo.

Những tiền chi vào đó sẽ lấy ở số chi-thu dưới kia.

Muốn khỏi quên-nhãng nhằm-nhật những ngày kỵ-lạp thì mỗi họ làm một cái biêu như kiểu sau này, treo ở từ-đường một cái, lại phát cho mỗi nhà mỗi cái mà treo:

Số thứ tự	Ông, Bà, mầy đời	Tên húy	Tên tự	Tên hiệu	Tên thụy	Sinh thời làm chức nghiệp gì	Năm, tháng ngày sinh (1)	Năm tháng ngày mất	Về chi phái nào

1 — *Nói riêng về những điều hay bởi sự cái biển.* — Làm như thế treo ở từng nhà, thì cũng là một cách phụng-sự bằng tinh-thần, lại không khác gì một tấm bia kỷ-công, một tấm ảnh lịch-sử người xưa, lúc nào cũng chiếu ở trước mắt, vừa làm gương sửa mình, vừa không hóa ra người vong-bản.

Trước kia cũng có gia-phả tộc-phả nhưng cứ bỏ ống suốt đời, không mấy người được biết lịch-sử của tổ-tiên, tức là không biết nguyên-nhân sự-sống; nhất là cứ biên bằng chữ nhỏ, mà không biên chữ số là mầy đời, chỉ biên « cao, tăng, tổ, khảo » có khi làm hẳn một chuỗi chữ cao, đến người thông-minh vị-tất đã biệ-nhiệt được.

Đến ngày kỵ-lạp mới sực nhớ ra đi mua đi bán túi bụi, rồi thì kẻ góp người quên, lại sinh ra một cuộc tranh-biện, một sự bắt bớ nhau, mà thân-thích biến thành công-kịch vậy.

2 — *Nói riêng những điều ích-lợi cho đường kinh-tế của mỗi nhà.* — Nếu làm được như thế thì mỗi nhà bớt được một gian, cư-xử vừa được rộng-rãi vừa được tỉnh-mịch, chớ đề như trước lắm nhà cầu-thả, thậm-chí coi bàn thờ như một cái chạn không bằng, rất là có tội.

Thứ hai là không phải nhất-nhất nhà nào cũng phải mua sắm đồ bày thờ tự và đồ dùng bất-thường như đèn-dầu vàng-mã hoa-quả nển-hương

vân vân — Đây không phải là cấm hẳn những cái đó đi đâu? Tưởng cũng còn phải chiều sự tin-ngưỡng của mọi người mà còn phải dùng; nhưng năm, mười phần thế nào cũng tỉnh-giảm được đến bốn, tám; vì mua đã ít mà mua nhiều mua cất lại được giá hời. Lại không mất lắm người, lắm thì giờ đi mua nữa.

Thứ ba là không phải đóng tiền làm giỗ hàng ngày. Nhất là bớt được cái sự phiền-nhiều, sự phao-phi trong các ngày tết hàng năm. Sự phiền-nhiều là cứ mỗi-mỗi phải đến lễ ở từng nhà, nhà nọ đi đến nhà kia, ngoài đường chạy như mắc cửi, như một trường lao-động khởi-điểm từ đầu năm. Sự phao-phi là mồng năm ngày tết cứ mỗi nhà phải làm một vài hoặc nhiều thì năm bảy cỗ đưa đến các nơi, nhà này đưa đến nhà nọ, làng nọ đem sang làng kia, hạt này đem đến hạt khác — Nay không phải là không đóng giỗ, không mang cỗ, đi lễ bái; song đã tìm được cách giản-tiện, như sẽ nói ở số chi-thu dưới kia, mỗi nhà phải đầu-giỗ cỗ-tết chỉ đóng góp có một năm đầu bằng cái số tiền góp làm một bản, để mặc họ sinh-lợi mà chi vào thôi. Ngày tết thì hết thầy mọi người trong họ họp mặt ăn uống ở cả nhà từ-đường, tha-hồ nhàn-nhã vui-vầy; hoặc có muốn bày cuộc hành-lạc thưởng-xuân lại càng tốt lắm. Ở các nước văn-minh đặt ra ngày chủ-

(1) Biên cho biết tuổi thọ và nếu làm sự-nghiệp to cũng nên kỷ-niệm.

nhật là để không cứ người thứ bậc nào, cũng được nghỉ cả phần hồn phần xác, được giải-trí thích-tinh, một đời người thế mới là tận-hưởng cái nhân-sinh lạc - thú. Ngoảnh lại người mình thì tuy - thị rằng quanh năm được nghỉ có ba ngày tết, mà kỳ - thực là ba ngày lao-động nhất năm: Lại rông rãi 360 ngày không mấy người được nếm miếng thịt, khổ nhất là phái nữ-nhi; kíp đến ba bảy ngày tết nhà nọ ăn-uống phở-cập ra các nhà kia, không được lúc nào ngơi miếng, thật là ăn cái lối « phục-thù »; phục-thù nhiều khi hại đến tính-mệnh, nghĩ đến mà thương !

II. Mưu-trù công-ích cho các gia-tộc

Hương-chính vì nếu khó lòng cải-lương, không thể tổ-chức, thì bọn trí-thức nên khuynh-hướng về mặt gia-tộc, vì có ích-lợi mà thập-phần dung-dị như có cái thể « nước chảy một dòng, cây chung một gốc » cứ coi cách tổ-chức dưới này cũng hay :

1. Mỗi họ tổ-chức một hội-đồng trị-sự. — Hội-đồng trị-sự bầu lấy mấy người làm những việc này :

10/ Chủ-hội-đồng thì cử ngay ông trưởng-tộc. Người trưởng-tộc cái chức-vụ thứ nhất là phải chỉnh-đốn phong-tục trong họ, trừng-giới những kẻ làm điều trái phép, nhưng chỉ được xử những việc vi-cảnh mà không có can-thiệp với người ngoài — Nếu người trưởng-tộc bản-cùng, thì trừ những việc cáo-lễ từ-đường, nên cho kiêm việc đèn hương mua-bán, sắp-đặt, mỗi tháng trợ-cấp cho một vài đồng.

20/ Cử một người ra làm tộc-biêu, để làm-thời đi hội-đồng làm việc hàng xã, cùng là ứng-phó việc quan.

30/ Bầu một người có gia-tư làm thủ-quĩ, để giữ tiền công của họ, được thu các món tiền trong sổ thu và được phát các khoản tiền trong sổ chi của

họ; thu hay là phát đều phải biên ra hai quyển sổ riêng, lại phải biên-lai cho người nộp tiền, cùng là lấy chữ ký nhận của những người lĩnh tiền mà dính vào sổ.

40/ Cử một hay là hai người làm cán-sự, để mua sắm lễ - vật trong từ-đường, cùng là làm cỗ-bàn cho họ hàng ăn uống.

50/ Cử một hay là nhiều người, hợp với tuần-phiên hàng xã mà canh-phòng hoặc là thủ-lộ vân vân.

Ngoại-giả có thể ủy cho những người trong bốn điều trên kiêm làm những việc tru-toán đại-khoản chi-tiền như trong sổ chi-tiền dưới kia sẽ nói cũng được.

Đối với các người đồng-huyết đồng-khi ra làm việc họ thì chả cần phải giảng buộc thắt nút cho lắm, cũng chẳng ai dám làm bậy làm càn, để chịu nhục chịu tội mãi đến con cháu về sau. Mà trong họ với nhau thì ắt cử được người xứng - đáng, vì chỉ có một mặt trên thì sai bảo, giữa thì nhường nhịn, dưới thì suy-tôn, không đến nổi sinh ra cạnh-tranh sát-phạt. Trong họ lại có cái trật-tự thiên-nhiên hợp-lý do thiên-mệnh bầu-cử cho kẻ trên người dưới, chớ không bởi con lợn con trâu hay là đồng tiền bát gạo nó suy-cử cho cái danh-vọng ấy nói là cái vị-thứ ở chỗ đình-trung của những làng không có người phẩm-tước.

2. — Dự-toán sổ thu-chi

a) Những khoản tiền thu.

10) Ruộng họ cho đấu-giá lĩnh-cauh, mỗi năm hay là mỗi vụ phải nộp cho họ bao nhiêu tùy ruộng tốt xấu.

20) Tiền đóng giỗ hằng năm, bây giờ chỉ phải đóng có một bận đầu, tiền đóng ấy định bằng một bận đóng giỗ hay là hơn cũng được.

30) Tiền làm cỗ tết hằng năm, bây giờ chỉ phải đóng có một bận đầu, tiền đóng ấy cũng định bằng một bận làm cỗ hay là định hơn cũng được.

40) Tiền lan-giai trong việc hôn-thú, nếu làng không cải - lương được, mà không cần chung với làng, không phải nộp cho làng cho chạ cho phe cho xóm ; thì chỉ phải nộp cho họ, mà số tiền ấy sẽ nộp tăng lên gấp hai hoặc gấp ba cái số phải nộp cho họ trước kia. vì đã rút được bốn năm khoản từ làng cho đến xóm. Mà món tiền này có thể thay vào bữa ăn của nhà chủ-hôn, lấy làm giỗ tết hội-hợp cả họ ăn-uống cho vui.

Những khoản tiền ấy hoặc đem tậu ruộng tậu vườn hợp với số ruộng sẵn có của họ, mà cho đầu-giá lĩnh-canh, hoặc cho cấy lần cấy lụt, sẽ phải nộp tiền cho họ ; hoặc để cho vay cùng là lập nhà buôn xưởng-thợ thu lấy lợi mà làm những công việc định làm trong sổ chi-tiêu dưới này.

b) Những khoản chi-tiêu :

- 10) Tuần-tự, giỗ, tết.
- 20) Làm từ-đường sắm tự-khi.
- 30) Làm trường học nuôi thầy dạy.
- 40) Làm phòng xem sách, mua sách mua báo.
- 50) Lập bệnh-viện hay là nhà hộ-sinh.
- 60) Cấp cho người bệnh-tật trong họ không có người nuôi, hoặc là không thể tự nuôi mình được.
- 70) Cấp cho con trai con gái có khiếu thông-tuệ, mà sức nhà không thể nuôi cho đi học được.
- 80) Làm nghĩa-địa hay là công-viên.
- 90) Chi vào việc tuần-tự tế-lễ đình, chùa (tuần-tự thì biện phu-tử thôi, mà tế-lễ thì trong bốn mùa làm bốn kỳ cũng đã nhiều lắm) nếu họ đủ người thì nên tế riêng, cho khỏi sinh tranh-cạnh.

100) Góp vào với hàng xã để chi vào việc đường-xá cầu - cống hay là cấp lương cho phu tuần vân vân. Tiền này do người tộc-biên biên-linh, giao cho lý-trưởng hoặc những người chức-dịch khác trong làng thì phải lấy chữ biên-nhận phân-minh.

Như khoản thứ 1 thứ 2 và thứ 9 thứ 10 thì đầu họ nhỏ đến đâu cũng đủ chi-tiêu, quanh năm không phải bồi-liễm gì. Song họ nhỏ quá thì không đủ sức kinh-doanh được những công-kuộc từ khoản thứ 3 đến khoản thứ 8. Vậy nếu làng ấy không cải-lương được, thì chịu để cho người trong họ tối-lãm sâu-khổ mãi dư ? Chỉ còn có một cách là hợp nhiều họ nhỏ mà làm chung với nhau, nhưng cũng khó lắm, vì thứ nhất là không bảo được nhau, thứ nhì là làm làng lại không có nhiều họ nhỏ ; vậy chỉ còn có thể hi-vọng vào Chính - phủ Bảo-hộ thực-hành cho cái chủ-nghĩa mà quan Thủ-hiến bản - xứ đã định : « hợp những làng nhỏ vào với làng to » mà thôi.

Nói vậy thôi nói, nhưng nếu vừa tổ-chức được hương-chính, vừa cải-lương được phong-tục thì càng hay lắm.

Nếu cái việc tổ-chức gia-tộc này bởi dân-tâm bởi tự-do mà có cái thể kết-quả được thời cải-tiên-đồ của dân-tộc ta mới có cái hi-vọng chắc chắn được.

Tuy vậy còn phải cải - cách một cái tập-tục rải-rắc trong xã - hội quốc-gia, ăn-núp trong dân-tâm quốc-lệ nữa. Cái công việc cải-cách này mới nặng-nề có một, mà cái kết - quả cũng to-tát không hai, vì nó đứng đầu mọi sự cải-cách khác, mọi điều sáng-lập thành, mọi cái hi-vọng xa, mọi cái tư-tưởng lớn. Bởi nó khó - khăn nặng-nề rộng-rãi to-tát, nên vị-tất bất-tại này đã bày-tỏ xong, đã tìm cách cải-lương rồi, để một vài kỳ sau sẽ xin đem ra cống-hiến xem sao ?

HỘI KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC ĐỐI VỚI

TIỀN-ĐỒ VIỆT-NAM VÀ CÁI NGHĨA-VỤ QUỐC-DÂN TA ĐỐI VỚI HỘI ẤY

Hội « Khai-trí-tiến-đức » lập ra từ ngày 2 tháng Mai năm 1919, đến bây giờ vừa được hơn ba năm rồi. Lúc đầu sáng-lập, do quan cai-trị L. Marty là một ông quan rất yêu mến người Việt-Nam ta và rất am - hiểu nhân-tình phong tục nước ta cùng với những nhà nhiệt-tâm công-ích trong quan - giới, thân - giới và thực-nghiệp-giới ta liên-lạc mà phát-khởi lên ; sáng-lập chẳng bao lâu mà khắp trong toàn-hạt Bắc-kỳ cả đến Trung - kỳ Nam-kỳ nữa, những danh-nhân cụ-công, đạt-quan hiền - hoạn, những nhân viên lòng sự ở các sở, những tổng-lý chức-dịch ở các làng, cho đến học - giới, thương-giới, công-giới, nông - giới, các hạng nhân-vật, cò-vũ vào Hội kể có hàng nghìn ; trong ba năm trời nay, sự nghiệp Hội ngày một tiến-hành, chủ-nghĩa Hội ngày một bành-trướng, trên được Chính-phủ tin cậy, dưới được quốc-dân hoan-nghênh ; mới đây nhà hội-quán đã làm xong, một cái nhà chung của mấy mươi triệu con rồng cháu tiên từ bây giờ về sau rục-rỡ nguy - nga, trên treo ngọn cờ Hội bốn chữ « Khai-trí-tiến-đức » là cái huy-hiệu rất quý báu đề tỏ cái chí-nguyện chung của nhân sĩ toàn-quốc ta, pháp-phối ở giữa chốn bờ Giuon núi Ngọc là một nơi thắng-cảnh cổ-tích thứ nhất ở chỗ kinh-đô cổ-quốc mấy mươi đời nay, một bên là di-tượng của một ông cha sáng-nghiệp cho nước nhà, cái danh tiếng bình Ngô, sử xanh còn chép ; một bên là di - tượng của một ông thầy khai-hóa cho dân ta, cái công ơn bảo-hộ, bìa miệng còn truyền ; cái ngọn cờ Hội đó chắc từ bây giờ về sau, cái phạm-vi có lẽ khuếch-trương đến vô cùng, bốn chữ « Khai-trí-tiến-đức » đó có lẽ rồi truyền-bá trong khắp tâm não người Việt-Nam ta, nhà hội-quán đó có lẽ rồi thiết-lập trong khắp mọi chỗ đất Việt-Nam

ta ; không những là cái hội riêng của người Bắc-kỳ, tức là một cái hội liên-lạc cả đồng-bào Việt-nam ta trong ba xứ mà thành-lập vậy ; chẳng những là cái hội riêng của một nhân-dã nào, một nghề-nghiệp nào, tức là một cái hội tổ-chức đủ quan-giới, sĩ-giới, nông - giới, công-giới, thương-giới mà thành-lập vậy ; lại chẳng những là cái hội riêng của người Việt-Nam ta mà cũng là một cái hội liên-kết cả người Việt-Nam ta cùng với những người Đại - Pháp sang cư-lưu ở xứ ta, dung-hiệp diu dắt nhau mà thành-lập vậy. Coi thế thì hội « Khai-trí-tiến-đức » quả là một cái hội to lớn nhất, chính đáng nhất, có qui-luật nhất, có thể-lực nhất, hợp thời-thế, thuận nhân-tâm ở nước ta bây giờ nhất ; điều đó không phải chỉ riêng một ký-giả đây bày lời tụng-đào, không phải chỉ riêng một quốc-dân Việt-Nam ta công-nhận, mà cả đến dư - luận người các nước ngoài cũng đồng-thanh bình-luận như vậy. Các độc-giả chắc ai cũng còn nhớ lời quan Albert Sarraut là Thuộc-địa-bộ tổng-trưởng bây giờ mà là Toàn-quyền Đông-Pháp ta đã hai lần trong mấy năm trước, ngày Hội mới thành-lập, ngài có đến dự tiệc trà của Hội tại Văn-miếu Hà-nội, diễn-thuyết ở trước mặt non năm nghìn người đủ các hạng nhân-vật nước ta ; ngài nói « Ngay từ ngày đầu tôi vẫn có bụng tin hội « Khai-trí-tiến-đức » của các ông lập đây, nay trông cái tiệc rục rỡ hôm nay, tôi lại thêm bụng tin lắm nữa. Tôi đã biết từ trước rằng Chính-phủ Bảo - hộ có thể cậy ở Hội các ông đem lòng thành mà giùm-giúp Chánh - phủ Bảo-hộ được. cứ nghe lời quan Đoàn-Triều tuyên-bố cái chủ-nghĩa của Hội thì đủ biết rằng tôi xem không lầm, ngài đã diễn giải ra một cách rất mạnh mẽ, rất phân-minh, cái lòng hi-vọng nó liên - lạc bọn thượng-lưu trong

nước Nam với người Đại-Pháp chúng tôi đề cùng nhau mà mưu tính những công việc lớn lao trong nước sau này cho có trật-tự, cho được tấn tới. Ngài lại giải thích rất rõ ràng về cái nghĩa-vụ của bọn thượng-lưu phải giữ trách giáo-dục kiểm-đốc cho quốc-dân sau này. Ngài lại đoán chắc rằng cả đoàn-thể An-Nam sẽ đem hết tinh-lực mà giúp nước Đại-Pháp trong cái công cuộc khai hóa ở đây. Tôi biết rằng cái chí của Hội các ông là muốn cho mỗi người trong nước hiểu rõ rằng sự tiến-bộ cần phải tuân tự điều hòa mới được và ai ai cũng nên biết chú-mục vào cái mục-đích phải đạt tới nay người Tây người Nam phải đồng-tâm hiệp-lực mà làm cho nước này được ích lợi, dân này được sung sướng. Vậy thời đời định làm gì ? Và phải làm thế nào ? Đó là cái mục-đích phải đạt tới vậy» Ấy lời quan Albert Sarraut là một vị thủ-hiến đại-biêu nước Đại-Pháp mà sang cầm quyền Bảo-hộ xứ ta, tức là đại-biêu cái dư-luận của cả người Đại-Pháp vậy; nhưng chẳng những cái dư-luận của người Đại-Pháp như thế mà thôi. Ký-giả còn nhớ có được xem mấy số báo Tàu về ngày 25, 26, 27 tháng Mars năm 1920 có đăng một bài kỹ-thuật, đầu bài là « Người Việt-Nam liên-hợp đoàn-thể » của một nhà du-lịch người Tàu, bài ấy nói : « Người Việt-Nam lúc trước ở dưới chính-thể chuyên-chế, nhân dân tập hội kết xã không được tự-do, cho nên trừ những đoàn-thể nhỏ mọn thuộc về việc tế-tự âm thực, tụ tập ở các hương-thôn, còn nhất-thiết trong xã-hội không có cái đoàn-thể gì gọi là đoàn-thể công-ích cả; chỉ vì các nhân-đảng về thượng-lưu trung-lưu, rời rạc tinh-tinh, không liên-lạc ý - khí, giao hoán tri-thức được với nhau đề cùng mưu những sự-nghiệp công-cộng trong xã-hội. Gần đây nhân cái phong-trào Âu-hóa cổ-dâng tới, người nước họ đã lần lần biết sự lập hội đảng là một sự cần; vả lại ở dưới chính thể Bảo-hộ của người Đại-Pháp mà người Đại-pháp xưa nay vốn giàu về cái tư-

tướng-hợp quần nhân dân tập hội kết xã vẫn là thói quen; Chính-phủ công-nhận cho dân-gian tập hội kết xã vẫn là lệ thường; không như quan lại An-Nam, ngày trước, hễ động thấy nhân nhân kết hợp thì đã vội hiểu lầm là củ-đảng, là tụ-chúng mưu loạn mà đem hình phạt thẳng thúc ngay; dân Việt-nam nhân được cơ-hội này, những người có kiến-thức mới vận-động hô-hào, liên-hợp kẻ đồng-chí, mà cái hình-thi đoàn-thể mới sản xuất trong mấy năm nay; năm ngoài ở đô-thành Hà-nội Bắc-kỳ có một bọn hơn trăm người phát-khởi nên một cái hội, gọi là hội « Khai-tri-tiến-đức »: mục-đích Hội ấy là cốt liên-lạc những thượng-lưu trung-lưu nhân-vật trong nước, cùng nhau đàm-luận cõ-động đề cầu khai-thông cái trí-thức của quốc-dân, tăng tiến cái đạo-đức của quốc-dân, vì bọn người ấy họ đã cảm-giác về những cái tập - quán tụ họp ở các hương-thôn đối với cái tiền-đồ trí - thức và đạo-đức của quốc-dân sau này không có bổ ích gì cả, nếu đương lúc giao-thời tân cựu, mà những thượng-lưu trung-lưu nhân-vật trong nước không sớm lo đoàn-kết mà gánh vác lấy cái chức-trách dẫn-dụ khai-đạo cho quốc-dân, thì thật là một cái nguy-cơ rất lớn trong xã-hội vậy; bọn họ lại nghĩ muốn liên-lạc với cả những người Đại-Pháp cư-lưu ở xứ Việt-Nam đề cầu dung-hợp cảm-tình, thấu-nhập học-thức; lúc mới sáng-lập được một ông quan cai-trị người Đại - Pháp biều-đồng-tình, bèn cùng suy làm Hội - trưởng, biên định chương-trình, trình với Chính - phủ xin phép; kể đó những số người vào Hội một ngày một đông; Chính-phủ cũng hết lòng tán trợ; đến nay đã thành là một cái hội đảng có tiếng nhất của dân-tộc Việt-Nam; trong đó cũng có nhiều người Đại-Pháp vào-hội, thực hàm có cái tinh-chất chủ-nghĩa « Pháp Việt đề huề »; nghe đâu ông quan cai-trị người Đại-Pháp là hội-trưởng Hội ấy, tự lúc lập Hội đến giờ bòn-tâu về việc Hội không đề chút tâm lực thừa, đến kỳ bầu cử lần thứ nhì gần đây, ông quan người Đại-Pháp đó xuất-tịch

diễn-thuyết, nói Hội ấy cốt vì dân - tộc Việt-Nam mà lập ra, nay Hội đã thành-lập, xin đề nhượng chức Hội-trưởng cho người Việt - Nam cho phù - hợp cái ý-nghĩa lập hội, chỉ xin đứng ngoài hết sức tán - trợ cho Hội mà thôi ; cho nên chức Hội - trưởng trong Hội gần đây đã về tay người Việt-Nam rồi. Bỉ-nhân đây từng có một lần được ngồi tiếp-thoại với một người trong Hội, hỏi nội-dung Hội; người ấy đáp: Ở tề-quốc cái chức-trách dẫn-tiến quốc - dân, bọn thượng-lưu trung-lưu nhân-vật chúng tôi thực dự có một phần gánh vác; nếu không kết đoàn-thể lập cơ - quan tự họp cùng nhà, thương-nghị phương - pháp đề cầu được cái mục - đích chân - chính, chỉ đường nẻo cho quốc-dân, thì e quốc-dân mờ mờ昧昧, chẳng biết phương hướng nào mà theo; hội « Khai - trí Tiến-đức » chúng tôi phát-khởi lên, chính là vì cái cơ thể; cái chương-trình tiến-hành trong Hội thì trừ ngoài những việc làm cho khước trương thế-lực Hội, truyền-bá chủ - nghĩa Hội, lại có dịp mở cuộc thi, treo giải thưởng đề khích-khuyến những nhà học-vấn, những nhà trước - thuật, những nhà công-nghệ trong nước; nói tóm lại thì cái mục - đích Hội chúng tôi đối với xã-hội Việt-Nam tôi, phạm thuộc về những vấn-đề giáo-dục những vấn-đề kinh-lẽ, đều mong biến-hoán cái tập-tục hủ-lậu cũ mà đem cái tinh-thần, cái sự-nghiệp mới tốt tu-tạo thay vào. Quả vậy thì dân-tộc Việt-Nam tự bây giờ về sau có lẽ lên cái kỳ si đặng - hội, đứng ở dưới bóng mát của Chính - phủ Bảo-hộ mà cùng nhau mưu cái tiên-đồ tiến-bộ được chớ chẳng không. Ta coi cái đoàn - thể dân Việt-Nam mà đừng chẳng được phải nghĩ tới cái đoàn-thể quốc-dân Trung - hoa ta, nước là một nước độc-lập, một nước cộng-hòa, mấy năm nay những đảng-hội trong nước giống trống mỗ cờ, cũng gần khắp cả trên miếng đại-lục này rồi, mà trừ ngoài cái mục-dịch cạnh-tranh quyền lợi, bôn-tàu quan-trương, đối với cái tiên-đồ đạo - đức và tri-thức của xã-hội đồng - bào, thật không ai từng nhìn nhận tới, thương thay ! »

Coi cái dự-luận của người Đại-Pháp

tán-thành như thế, mà cái dự-luận của người các lân-bang ta lại như thế, hội « Khai-trí-tiến-đức » chẳng thực là một cái hội rất to lớn, rất chí h-đáng, rất có thế-lực, rất hợp thời-thế, thuận nhân-tâm Việt-Nam ta bây giờ dư ? Nay ta thử xét hội « Khai-trí-tiến-đức » tự làm sao mà có cái ảnh - hưởng xa rộng đến như thế ? Chính là tự cái mục-dịch của Hội ấy vốn có một cái chủ-nghĩa rất to lớn, rất chính-đáng, rất có thế-lực, rất hợp thời - thế, thuận nhân-tâm Việt-Nam ta bây giờ. Trong chương-trình Hội, điều thứ nhất nói cái mục-dịch của Hội là đứng ở dưới quyền Chính-phủ giám-đốc, dùng cái phương-pháp chính-đáng mà truyền-bá cái học-thuật Thái-tây và cái tư-tưởng người Đại-Pháp cho quốc-dân Việt-Nam, và khuyên nhủ quốc-dân duy-trì đạo-đức, cả đến những quyền - lợi thuộc về kinh-tế của người Pháp và người Nam cũng hết sức giữ gìn bênh-vực. Lần thứ nhất Hội mới bắt đầu thành-lập, quan Đoàn Triền đã từng thay lời cả Hội mà tuyên-bố chủ-nghĩa Hội ở trước mặt một vị đại-biêu nước Đại-Pháp và non năm nghìn vira người Pháp vira người Việt-Nam ta; lời rằng: Chúng tôi trộm nghĩ rằng sau cuộc chiến-tranh không-tiền tuyệt-hậu vira rồi, thế-giới tất phải qua một buổi biến-cách; sự sinh-hoạt của các dân các nước tất không thể y-nhiên như trước khi chiến-tranh được. Thử rộng trông các nước bên Đông bên Tây, đâu đâu cũng thấy khởi ra những phong-trào mới. Nước chúng tôi nhờ ơn nước Đại - Pháp đã được dự một phần nhỏ vào cuộc chiến-tranh tất cũng sẽ được hưởng một phần trong cái kết-quả sự chiến-tranh. Sau cuộc chiến-tranh, sự sinh - hoạt trong nước chắc không giống như cũ và sẽ được tốt đẹp hơn xưa. Vậy thì ngay từ bây giờ cái phận-sự chúng tôi là phải sửa soạn, phải dự-bị sẵn đề cho có đủ tư-cách mà sắp sửa vào cái trường sinh-hoạt mới ấy, hưởng những sự tốt đẹp sau này. Hiện nay trình-độ dân chúng tôi còn thấp kém, cái trách-nhiệm bọn thượng - lưu trong nước lại càng nặng lắm nữa. Muốn làm

trộn cái phận-sự kia, đương nổi cái trách-nhiệm này thì bọn thượng-lưu tất phải thâu-thập họp tập nhau lại, phải trình bày ra, phải kết thành đoàn-thề, trên được chính-phủ tin, dưới được quốc-dân cậy, rồi mới ra công sửa soạn dự-bị cho cái tương-lai của quốc-dân mình được mirời phần hoàn-hảo. Ấy cái chủ-nghĩa của Hội chúng tôi là như vậy. Chúng tôi muốn thâu-thập họp tập cả bọn thượng-lưu, kết thành đoàn-thề, dựng nên chủ-nghĩa, châm-chước cái tinh-thế trong nước, thương-lượng sự yếu-cần của dân, để cho xứng đáng làm người giới-thiệu chính-phủ với quốc-dân, thông-dồng kẻ trên với người dưới, khiến cho trong buổi thế-giới biến-cách này, nước chúng tôi được an-toàn trót lọt dân chúng tôi được tuâu-tự tiến lên....»

Ấy đó, cái mục-dịch của hội « Khai-trí Tiến-đức » to lớn như vậy, chính-dáng như vậy, có thể-lực như vậy, hợp thời-thế thuận nhân-lâm Việt-Nam ta bây giờ như vậy. Thử nghĩ loài người ta sinh gặp cái buổi giao-thông phồn-phức, cạnh-tranh kịch-liệt, như cái thời-đại năm châu chung chợ, sáu giống chen vai này, phi hợp-quần không sao gây thành sức mạnh, Cõi ở các nước văn-minh tiên-tiến, không đi đến đâu mà không có hội, không có nghề gì là không lập hội; học có hội học; nông có hội nông; công có hội công; thương có hội thương; nhà chính-trị có chính-đảng; nhà văn-học có thư-xã; nhà quân-sự có quân-nhân-hội; nhà mĩ-thuật có mĩ-thuật hội; cho đến các nhà lễ-hành có lễ-hành-hội; các nhà thám-hiềm có thám-hiềm hội; các nhà phi-hành có hàng-không hội; các nhà đi bè có hải-viên hội; học trò cũng có học-sinh hội; trẻ con cũng có thanh-niên hội; mấy toán thể-thao cũng có thể-dục hội; mấy phường hí-kịch cũng có diễn-kịch hội. Người ta lấy quần-lực mà tranh tiến-thủ thì nước tất thịnh, dân tất giàu; nếu mình lấy độc-lực mà mưu bảo-thủ thì trách nào mà nước chẳng nghèo, dân chẳng yếu; tập-hội kết-xã tức là cái bí-quyết mạnh dân giàu nước ở xứ

ta bây giờ. Song, ở xứ ta bây giờ mà nói lập-hội kết-xã thì nhập-thủ nên trước tự chỗ nào? Nước ta do cái chế-độ tộc-trưởng mà thành cái chế-độ quân-chủ đã mấy mươi đời nay; quốc-dân chỉ giàu về cái tinh phục-tùng mà hiềm về cái tinh sáng khởi; bởi thế nên trăm nghề trăm nghiệp đều trông cậy vào cái công đề-xướng của một bọn thượng-lưu nhân-vật trở lên; bọn người ấy mà kết-hợp được thành một cái đoàn-thề bền vững ở trong một cái chủ-nghĩa sâu-xa, đứng đầu cho các hạng người trong quốc-dân, thì nguồn trong sông tất không đục, nêu ngay bóng tất không cong, một người tung trăm người hứng, một người gọi trăm người thưa, việc gì mà việc chẳng nên, nghề gì nghiệp gì mà chẳng có ngày được phát-đạt thịnh-vượng; nếu bọn người ấy mà còn linh tinh xa tán, không có một cái đoàn-thề đề-cùng liên-lạc, không có một cái chủ-nghĩa đề-cùng tiến-hành, thì trong nước dù có hội-học, chưa chắc học-vấn đã khởi lạc nẻo sai đường, dù có hội nông, hội công, hội thương, chưa chắc thực-nghiệp đã được mùa tròn đứng vững; một cái hội chủ đề liên-kết những thượng-lưu nhân-vật trong nước mà đứng đầu mưu các việc công-ích cho quốc-dân như hội « Khai-trí Tiến-đức », quả là cái linh-hồn không có không được của giống người Việt-Nam ta. Vả lại toàn thế-giới về đường trí-thức, về đường kinh-tế, đâu đâu cũng cần phải thay cũ đổi mới như thế-giới đời nay, tư-tướng học-thuật của người Thai-tây, mà nhất là người Đại-Pháp vẫn có tiếng là mẫu-quốc văn-minh của toàn thế-giới, vô-luận dân-tộc nào cũng phải công-nbận là một cái khuôn mẫu làm nên dân giàu nước thịnh, đã có thành-hiệu hiền-nhiên, cần phải bắt chước mà noi theo, mới mong chen vai thích cánh cùng người mà cùng hưởng cái hạnh-phúc sinh-tồn trên mặt đất; chính cái mẫu-quốc văn-minh của toàn thế-giới là nước Đại-Pháp đó đối với xứ Việt-Nam ta lại là thầy Bảo-hộ, đã hơn bốn mươi năm trời chịu cái ơn-huệ hậu-sinh mở trí, mà sau này cái tinh-thế

quan-hệ với nhau rất mật thiết, chung lợi-hại, cùng họa-phúc, lại càng ngày cái dây thân-ái càng khăng-khít thêm ra; một là tư-tưởng học-thuật, ta cần phải có người Đại-Pháp mở mang; hai là nội-trị ngoại-giao, ta cần phải có người Đại-Pháp diu dắt; cứ cái địa-vị cũng cái cảnh - ngộ của nước ta trong cái thời - kỳ này mà xét, ta không thể không có một cái đại - đoàn-thê, cầu người Đại-Pháp phù-ihực tấ-t trợ cho, đứng làm một tay môi-giới cho Chính - phủ với quốc - dân, một tên trợ-giáo cho tôn-sư với đệ - tử. Còn đến cái luân-thường lễ-nghĩa của một cái nước cũ văn-hiến mấy nghìn năm nay, tồ - tôn ta gây dựng sẵn cho con cháu chúng ta, chính là cái móng, cái nền rất vững-vàng cho cuộc văn-minh tiến-hóa của một nước: nếu cái móng cái nền ấy mà bỏ cho đổi-hoại, thì cái lâu-dài tư - tưởng học - thuật mới cũng không làm sao mà xây đắp được lên trên; mà danh-giáo trong nước, bao giờ chức - trách cũng ở bọn sĩ - phu; tập hợp một bọn sĩ-phu ở dưới ngọn cờ đầu bốn chữ « Khai-trí Tiến - đức » chính-đại đường-hoàng, tức là dựng được một cái trụ đá ở trên cái làn sóng đời-phong bạc-tục. Cho nên cái mục-dịch hội « Khai-trí Tiến - đức » thật chẳng những là một cái mục - đích chân - chính của những thượng - lưu nhân - vật trong nước, mà cũng lại là một cái mục-dịch chân - chính của cả quốc-dân ta; cái công việc của hội « Khai-trí Tiến - đức » đương tiến - hành, chẳng những là một cái nghĩa - vụ khần-yếu của những thượng-lưu nhân - vật trong nước mà cũng là cái nghĩa - vụ công-cộng của cả quốc-dân ta vậy.

Nước nào cũng vậy, dân-trí có khai, dân-đức có tiến thì mới mong tới được cái cõi giàu mạnh văn-minh. Một cái nước dân-trí còn hắc-ám, dân-đức đương truy-lạc như nước ta bây giờ, cái vận-mệnh tương-lai chỉ trông ở cái chủ-nghĩa Pháp Việt đề-huê đạt tới hay không đạt tới; cái chủ-nghĩa Pháp Việt đề-huê có đạt tới, thì người Đại-Pháp mới chịu hết lòng khai-hóa cho quốc-dân ta, mà quốc-dân ta mới thực dốc bụng tin theo ở người

Đại-Pháp, trí - thức một ngày một mở mang, đạo-đức một ngày một tăng-tiến, cái quả tốt văn-minh giàu mạnh sau này, là tự cái hạt nhân ấy nó có ngày đâm cành trổ lá, mọc nụ ra hoa. Cái mục-dịch hội « Khai-trí-tiến-đức » như đã kể trên kia, chính là xúm nhau một bọn người có tâm-huyết, có tư-tưởng, có kiến-thức, có tư-cách, có tài-lực mà cùng ra tay dọn cỏ đào lỗ, ương cái hạt nhân ấy, rồi vun sới tưới tắm, cho quốc-dân ta ngày sau được hái cái quả tốt vô-lượng vô-cùng.

Cứ coi công việc của Hội tiến-hành trong mấy năm nay, tuy buổi đầu sáng-lập, còn nhiều nỗi trở-lực khó khăn, nhưng thật đã tỏ ra là một cái cơ - quan xác - đáng để thông-đạt tinh-ý Chính-phủ với quốc-dân; một chén trà tiên quan Toàn-quyền Sar-raut ngày xưa, tức là một đạo bùa yêu đã gắn chắc cái cảm-tình người hai nước; khi quan Toàn-quyền Long phó-nhiệm, những điều kinh-hoạch lớn thuộc về chính-trị, như mở thêm dân-nghị-viện, tăng thêm lương quan-lại, làm thêm đường xe-hỏa, sửa thêm đường thủy-lợi, cơ-quan giao-t thông làm cho hoàn-bị hơn trước, chương-t trình giáo-dục làm cho phổ-biến hơn xưa, lập nhiều trường kỹ-nghệ cho thực - nghiệp nước nhà được chấn-hưng. lập hai ngạch mới viên quan cho quyền-lợi người mình được to rộng, phàm các vấn đề dân-sinh quốc-kế, ngài đều vui lòng cùng các nhà trí-sự Hội đàm-luận thương-xác, coi Hội như một cái ống truyền - thanh, một cái trạm thông tin của Chính - phủ đối với quốc-dân; về nội-dung tổ-chức ở trong Hội, thì nhà công - quán đã hoàn-thành, có đàn diên-thuyết, có viện xem sách, có cuộc thể-thao, sau này phòng âm-nhạc, vườn ấu trĩ, sân đá cầu cũng sẽ lục-tục kiến-thiết cả; những việc công-ích do trong Hội phát-khởi, thì đã thực-hành được mấy việc cải-lương hi-kịch, thưởng-tưởng học-sinh, mới kỳ hội-đồng này lại định ra mấy cái giải thưởng đề cồ-lệ các nhà trước-thuật, các nhà công-nghệ, cùng những bậc thanh-niên tuần-tú đốc trí học hành; cái mục-dịch khai - trí tiến - đức thật đã minh-bạch rõ ràng, không còn phải nghi-hoặc gì nữa.

Vậy mà quốc-dân ta nhiều người còn ngộ-giải cái mục-đích của Hội; có kẻ chính thân-minh ghi tên số Hội, mà bốn chữ « Khai-trí tiến-đức » không từng đề tai nghe bụng nghĩ bao giờ; xét tâm-lý của bọn người này, hình như thấy một cái Hội trong toàn những đạt-quan hiền-hoan, danh-nhân cự-công, lại có các quý-quan cũng đi lại xum vầy, châu-chấu thấy đồ lử thì vào, cho là một cái trường trác-lợ; mua danh, rắp toan ý thể cạy thân, đề cầu thỏa cái bụng hèn « hôn-dạ khát-ai, kiêu-nhân bạch-uhật »; bọn người ấy tuy có chân-trong Hội, mà đối với mục-đích Hội, khác nào như thuyền cứ ngược mà lái vẫn xuôi, chẳng những không ích gì cho Hội, không ích gì cho quốc-dân, mà có khi lại làm phương-hại cái cuộc tiến-hóa của quốc-dân, hư-tồn cái danh-dự chân-chính của Hội nữa. Lại có kẻ đề thân ngoài Hội, ngày thường nói đến dân-trí dân-đức, cũng làm bộ phần-thể ưu-thời, mà rút lại nhất-thiết việc đời, không có gì là quan-tâm thông-dạng cả; xét cái tâm-lý của bọn người ấy, hình như thấy công việc của Hội « Khai-trí tiến-đức » tiến-hành toàn là những công việc nhất-sơ sáng-kiến, nào mở séc (cercle), nào diễn kịch, nào đáng gươm, nay tiệc

ruợu, mai tiệc trà, chưa kịp xét thấu được cái ý-nghĩa sâu xa, đã vội lấy con mắt hẹp hòi, buông những giọng chê cười bỉ-báng; bọn người ấy đã không tán-thành cho cái mục-đích chính-đáng của Hội, không tán-thành cho cái mục-đích chân-chính của cả quốc-dân ta thì chớ, mà lại làm ngăn cản cái công cuộc có ích của Hội, chướng-ngại cái tiền-đồ tốt đẹp của quốc-dân ta nữa chứ chẳng không.

Mong rằng quốc-dân ta sẽ giải-thích hết những cái ngộ-điềm ấy mà cùng khuynh-hướng cả vào một cái mục-đích rất to lớn, rất chính-đáng, rất có thể-lực, rất hợp-thời-thế, thuận-nhân-tâm Việt-Nam ta bây giờ là cái mục-đích Khai-trí tiến-đức kia; những người chủ-trương việc Hội thì lo hết thực-tâm thực-lực mà làm cho đạt tới cái mục-đích đó; những người có chân Hội thì lo nhất-tâm nhất-đức, góp của góp công mà làm cho quán-triệt cái mục-đích đó; còn những người bàng-quan cục-ngoại, cũng nên bỏ hẳn cái thói xấu ô-hô tiểu-mạ, mà vị giống nòi, vị tổ-quốc, cùng nhau hô-hào cổ-vũ, dũng-được vào Hội cho đồng. Cái hi-vọng tương-lai của Việt-Nam ta là ở trong bốn chữ « Khai-trí tiến-đức » vậy.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

THANH-ĐĂNG NHÀN-BÚT

Tấn trò đời

Thế-giới là cái sân khấu to; vinh-hoa phú-quí là mũ áo của nhà nghề; cuộc đời là tấn hát; người đời là các vai con hát ra trò. — Hiền, ngu, thánh, phàm, mỗi người ra diễn một hồi rồi lại trở về chỗ hư-vô tịch-diệt. Hơn nhau tại cách diễn khéo hay vụng, chứ không tại mũ áo xấu hay đẹp, cũng không tại tấn diễn lâu hay chóng.

Thầy Nhan-Hồi đóng vai Á-thánh có ba mươi hai năm, khăn nho áo vải, lễ-mạo ung-dung, tiếng vỗ tay trải qua trăm nghìn thế-kỷ nghe còn phảng phất bên tai. — Cụ Bành-Tổ diễn tám trường-sinh trong

khoảng tám trăm hơn năm, đeo bộ râu dài vơ vẩn dưới bức màn hoa, hồ đã mấy người biết đến. — Thạch-Sùng Vương-Khải, đeo mặt phú-gia ông, mũ hoa áo gấm lẫn lộn trên sân tuồng; sau khi đã thoát sạch hình-hài, còn để lại cái mặt nạ thủ-tiên-lỗ. — Trương-Dần Tống-Tín, giả bộ văn-nhân, cũng thơ túi, cũng hải nho, khi lỡ bước thò đuôi, lại thêm một tấn cười cho thiên-hạ.

Vậy thời ai ơi! Cuộc trần-thế ảo hư hư ảo, kiếp phù-sinh mê tỉnh tỉnh mê, đã mang thân diễn tấn trò đời, phải sành mới được.

GIẢN-KHANH
(Cao-bằng)

TIÊU-THUYẾT CỔ

LÍNH-NAM DẬT-SỬ (1)

嶺南逸史

X

HỒI THỨ XI

Mai Anh-Tuyệt quyết chí đi tìm chồng, Trương Chi-Long thoát nạn gặp em gái.

Nhắc lại hồi Mai Anh ở núi Cầm-thạch an - láng Hứa Ngọc - Anh rồi, đêm hôm ấy cùng với Phùng - Ngọc uống rượu đến hết canh một, mới về trại đi nghỉ. Sáng sớm trở dậy, thấy tá hữu vào báo rằng :

— Hoàng-tướng-công trốn đi mất rồi!

Mai Anh vô án mà rằng :

— Ta kiểm-phòng khờ quá mất rồi, nếu ta cùng với Hoàng-công cùng ngủ một chỗ thì có can sao, bây giờ về nói với chị sao đây ?

Nói rồi, cúi đầu nghĩ một hồi lâu, rồi gọi bốn tên ti-tướng dặn bảo rằng :

— Đêm hôm qua mây đen mờ mịt, núi cao, đường tối, ta chắc rằng Hoàng-tướng-công cũng chữa đi xa được. Lũ các người nên phân ra bốn ngã, đem quân đi đuổi theo Hoàng-tướng-công mà mời về.

Các ti-tướng đều tuân mệnh, tuyền lấy tinh-binh khoái-mã chia ra các ngõ đuổi theo, đuổi đến ngoài ba bốn mươi dặm không thấy tăm hơi gì cả, phải trở về phục-mệnh. Cuối cùng có một tên ti-tướng tự con đường châu Đức-khánh trở về, bẩm rằng :

— Tâu đại-vương, tiều-tướng không dò được tin tức Hoàng-tướng-công đi đường nào, song có hỏi thăm được một việc.

Mai Anh hỏi:

— Dò biết được việc chi ?

Ti-tướng nói :

— Bẩm, khi tôi đến châu Đức-khánh, nghe thấy người ta nói rằng Lý công-chúa vẫn còn, tiều-tướng đã lưu-lâm hỏi khắp cả, thời dân ở vùng ấy đều nói như vậy.

Mai Anh nghe rồi, không nói gì cả, chỉ truyền quân-sĩ nhờ trại kéo về núi Thiên-mã. Mai tiều-thư vội vàng ra ngoài cửa trại nghênh-tiếp, hỏi rằng :

— Nào Hoàng-lang ở đâu ?

Mai Anh nói :

— Chẳng hay đêm qua, Hoàng-lang trốn đi lúc nào mất!

Mai Anh nói rồi bèn giải-tán cho quân-sĩ đầu về đó, rồi lui vào trại sau, thấy Mai tiều-thư ngồi ở trên cái ghế gỗ vòng, tay chống vào bên má, đối cái gương lẳng-hoa cỡ mà ngồi, hơi rơm rớm nước mắt. sau có ông Nại-am-lử đề bài thơ rằng:

*Phương tây có người đẹp,
Ngồi soi kính một mình.
Không phải ngồi tô-điểm,
Nước mắt chỉ chạy quanh.
Chứng nghĩ chi đây hẳn,
Nói ra không hết tình.*

Mai Anh thấy quang-cảnh như thế, nghĩ không đành lòng, bèn tới lại khuyên giải mà rằng :

— Thôi, chị không nên phiền-muộn, em xin sai người đi mọi nơi tìm xem

(1) Xem Nam-Plong từ số 48.

Hoàng-lang đi lạc vào dâu, thế nào rồi cũng kéo được y trở về.

Mai tiều-thư chẳng nói chẳng rằng. Mai Anh lại khuyên dỗ mà rằng :

— Nay dẫu phải anh Hoàng-lang bạc bẽo như thế, song thiên-hạ thiếu gì người anh-hùng, há lại không có người hơn gấp mười anh Hoàng-lang ư! nếu chàng ấy không trở lại, em xin vì chị kén khắp cả trong thiên-hạ, thế nào cũng được một người tài-mạo song-toàn dễ sánh đôi với chị.

Mai tiều-thư nghe nói nổi giận lên thét mắng mà rằng :

— Đờ trẻ con chỉ nói càn, Mai Anh-Tuyết này dễ thường coi ai cũng là chồng cả hay sao? Nếu Hoàng-lang mà không trở về, thì ta chỉ quyết lòng ăn chay niệm phật, đề kết-duyên về kiếp sau; người sao dám nói bậy làm vậy.

Mai Anh phải quở trách bèn bước lui ra.

Thực là :

*Lòng thiếp không như dạ mán dâu,
Chỉ trịnh ghi tạc đề ngàn thâu.
Trăng tà bóng hạnh bên lò rượu,
Thề tuyết bao quên khúc bạch-đầu.*

Thấm-thoát chừng qua nửa tháng, chợt có quan phó-soái Liên-than tên là Văn Đại-Đạo sai người mời Mai Anh và Gia Cát-Đổng đến chơi thưởng mai. Mai Anh đi rồi, Mai tiều-thư bèn sai người đi tìm gọi Hoàng-Hán vào hầu, hỏi rằng :

— Mày còn nhớ nhà Trương thái-công ở thôn Mai-hoa không?

Hoàng Hán thưa :

— Bẩm, vẫn còn nhớ, chúng tôi theo hầu Hoàng tướng-công ở chơi nhà Trương thái-công hơn một tháng, mới qua lại đây, sao lại không nhớ.

Mai tiều-thư cả mừng mà rằng :

— Lý công-chúa nay đã chết rồi,

ta chắc rằng tướng - công nhà ngươi không có ở Gia - quế, tất là về nhà Trương tiều-thư; ta muốn cùng với hai chúng bay đến thôn Mai-hoa tìm Hoàng tướng-công, nếu tìm không gặp, thì ta về thẳng Trinh-hương ở với ông cụ bà cụ, hai người nghĩ sao?

Hoàng Hán nói :

— Chỉ sợ rằng tiều-thư nói không thực đó thôi, nếu quả chân-tâm thì thực là một người đàn bà chí-khí, cớ kim ít có vậy!

Mai tiều-thư nói :

— Sao lại không thực, song chỉ có một điều : hai người là đàn ông, mà mình ta là con gái, phải nghĩ kế tuyệt-diệu làm sao thì người ta mới khỏi nghi-hoặc mình được.

Hoàng Hán cúi đầu nghĩ một lúc rồi nói rằng :

— Tiều-thư nghĩ phải lắm, chỉ sợ đi không thoát, phải người ta biết tiều-thư là ở núi Thiên-mã xuống, ngộ bị phải tróc-nã thì làm sao. Gì bằng tiều-thư cải mặc nam-trang, hai chúng tôi theo hầu cứ gọi tiều-thư là công-tử, thì đỡ ai dò biết cho ra được.

Mai tiều-thư cả mừng mà rằng :

— Ừ, mày nghĩ cũng hợp ý ta.

Bèn lấy một nghìn lạng bạc để vào trong hòm da và các đồ y-phục dù che sắp làm một gánh, giao cho Hoàng Hán gánh; lại sai Hoàng Thông đem con ngựa hoàng-phiêu của Phùng - Ngọc cưới ngày trước, thặng yên vàng lên, dắt ra trước cửa viên-môn để ứng-hậu. Mai tiều-thư thì tự mình cải-trang mặc áo đạm-hoàng-bào, thắt dây lưng loạn-dái, mặc ngoài áo mã-quải nỉ đại-hồng, đầu đội mũ phù-dung, trên mũ lại quàng một cái khăn tuyết-mạo mùi lục, lưng đeo thanh kiếm-thư-hùng, bước ra trước trại truyền gọi tướng-sĩ thủ-trại vào dặn bảo mà rằng :

— Ta nay đi đến thôn Mai-hoa để

tim Hoàng-lang, chúng người phải giữ trại cho cẩn-thận không được sơ-sài. Hễ đại-vương trở về thời bầm cho đại-vương hay, và bảo rằng không phải lo nghĩ chi đến ta làm gì.

Chư tướng đều khấu-đầu quị xuống mà rằng :

— Bầm tiêu-thư, tiêu-thư với đại-vương chỉ có hai anh em, nếu tiêu-thư muốn đi xa thời xin để đợi đại-vương về đã, rồi bấy giờ hãy từ-biệt.

Mai tiêu-thư rỏ nước mắt mà rằng :

— Ta không phải là không biết thế, song đại-vương trở về thời tất là không cho ta đi.

Tiêu-thư nói rồi gạt nước mắt nhảy lên ngựa mà đi. Chư-tướng không ai dám lan-trở, đều theo tiễn xuống núi. Tiêu-thư ngảnh lại bảo rằng :

— Các người ở lại phụng-sự đại-vương cho phải đạo nhé.

Chư-tướng đều quị bái mà rằng :

— Dám xin vâng mệnh.

Tiêu-thư xua tay bảo chư-tướng trở về. Chư-tướng về đến trong trại, lập-tức đêm hôm ấy sai người đến trại Văn đại-vương báo tin cho Mai Anh. Mai Anh vội vàng trở về, hỏi biết đầu đuôi muốn sai người đi đuổi theo đón về. Chư-tướng bầm rằng :

— Tiêu-thư đã quyết-chí ra đi, dấu đuổi theo cũng không trở lại. Gì bằng sai người đi dò xem tiêu-thư ở đâu, rồi cho người đến hỏi thăm là phải.

Mai Anh thấy nói phải lẽ cũng thôi không sai người đi đuổi theo nữa.

Nói về Mai tiêu-thư đi đến bến Nam-giang, vượt qua bè, rồi ba thầy thợ theo đường bộ trông về thôn Mai-họa mà đi, đi được hai ba ngày, gần đến Mã-khư, thời thấy vô-số những người hầu-sáng nhà trọ ra đón rước bảo rằng :

— Mời khách-quan đến nghỉ trọ nhà

tôi, nhà tôi giường chiếu sạch sẽ, không như các tro khác luộm-thuộm lắm.

Lại một đũa nữa bảo rằng :

— Xin mời tướng-công đến nhà tôi nghỉ trọ, tiệm nhà tôi rượu ngon chè nóng, không có như các nhà kia luộm-thuộm đâu.

Bọn người nhà trọ làm rối beng cả lên, tranh nhau dâng kéo cương ngựa om xòm. Mai tiêu-thư xưa nay không có ra cửa đi đâu bao giờ, thấy quang-cảnh như thế không biết lũ chúng nó làm trò gì, đã toan gắt lên. Hoàng Hán chày lại hét lên rằng :

— Người ta vào đâu nghỉ trọ phải để tùy-ý người ta chớ, làm gì mà om xòm rối rít cả lên thế !

Hoàng Hán nói chưa rút lời, trong đám ấy có một người gọi to lên rằng :

— Bác Hoàng quân-gia đã trở về đấy à !

Hoàng Hán ngừng đầu lên trông thời là Vương tiêu-nhi khi mùa hè năm trước Phùng-Ngọc đi đến Đại-hám-sơ có nghỉ trọ nhà anh tiêu-nhi ở Mã-khư này, Hoàng Hán trông thấy cả mừng mà rằng :

— Thôi, trọ chỗ lạ không bằng trọ chỗ quen, anh tiêu-nhi ôi, tôi lại đến trọ tiệm nhà anh đấy.

Bọn nhà trọ kia thấy bọn khách ấy đã có nhà trọ quen đón rước, bèn lả tả tan đi hết cả. Vương tiêu-nhi cả mừng mà rằng :

— Hoàng quân-gia, tôi coi bộ bác già mua mà vẫn tướng-trọng như năm trước, còn như công-tử chủ-nhân bác tôi trông lại trẻ hơn trước nhiều, nên lúc nầy tôi nhận không ra.

Hoàng Hán cười mà rằng :

— Công-tử tôi vốn người thanh-nhân, sang chơi nhà bà con ở một ít lâu lại vô-sự lắm, cho nên tự-nhiên lại trẻ thêm ra.

Tiêu-nhị nói: phải, bèn đến đỡ gánh cho Hoàng Hán đưa về nhà tiệm. Khi ấy trong tiệm đã có một viên tú - tài ngồi đó, người cao đậm đà, râu ria đầy mép, đầu bị khăn thâm chữ vạn, mình mặc áo cừ nghìn vàng, trông thấy Mai tiêu-thư bước vào, cứ ngấm đi ngấm lại mãi, thời thấy: mũi bóng như ngọc quỳnh-dao, mắt sáng như gương thu-thủy, mày không tô mà xanh biếc, môi không điểm mà đỏ hồng, da nõng nõng như ngà, phong-vận ra chiều liễu yếu; diêm-trang không phấn, yêu-kiều hơn dáng đào non; rất mực phong-lưu, ai trông cũng phải thần hồn mê mẩn. Viên tú-tài trông thấy mê tít người đi, vội vàng đứng dậy đến trước mặt Mai tiêu-thư vái một cái, Mai tiêu-thư cũng vái lại đáp lễ, rồi bước đến ghé ngồi. Tú-tài đứng chấp tay hỏi rằng:

— Chẳng hay nhân-huynh quý-tính đại-danh là gì, người đi chơi đâu có việc chi chẳng?

Hoàng Hán đứng cạnh đỡ lời đáp lại rằng:

— Công-tử tôi họ Hoàng, tên là Ngọc-sơn, muốn đến hỏi thăm bà con ở thôn Mai-hoa châu Huệ.

Viên tú-tài cả cười khanh khách mà rằng:

— Tiêu-đệ với nhân-huynh gặp gỡ thật là có duyên lắm!

Hoàng Hán nói:

— Sao vậy?

Tú-tài nói:

— Tiêu-đệ họ Tiền, tên là Tử-Cán, sinh-bình vốn tập nghề võ, khoa thi trước quan Trương tôn-sur lấy tôi đỗ đầu; năm ngoái có người bà con ở thành Huệ-châu, đã hai ba lần sai người đến mời tiêu-đệ sang chơi đó để dạy người con tập võ. Tiêu-đệ vốn quen thói thanh-nhàn, đi chơi đường sá bặt-thiếp lấy làm ngại lắm, nên đã mấy

lần sang mời tiêu-đệ vẫn không đi, mới rồi lại sai người nhà đem một trăm bạc sang mời, thế nào tôi cũng phải sang chơi, ý tôi muốn tìm một người văn-học để kết bạn cùng đi. Song bây giờ đương mùa đông rét mướt, ai cũng muốn ở nhà với vợ con ấm áp còn ai chịu xung-phong mạo-tuyệt đi chơi làm chi. Bởi thế tôi buồn bã lững thững ra đây hoặc có gặp ai chẳng, may ra gặp được người bạn ở Huệ-châu đi trở về, thời mình kết bạn cùng đi, cho khỏi lúc đi đường tịch-mịch, thế nào lại gặp được nhân-huynh, chẳng phải là duyên-ngộ lắm ru!

Hoàng Hán nói:

— Nguyên là vì thế, chẳng hay Tiền tướng-công nhà ở gần đâu?

Tử-Cán nói:

— Ở về đằng mặt trước này, cách đây cũng không xa mấy, hôm nay xin nhân-huynh cả mấy thầy trò vào nhà tôi nghỉ ngơi, sớm mai ta sẽ kết bạn cùng đi thì hay lắm.

Hoàng Hán đưa mắt trông Mai tiêu-thư. Mai tiêu-thư nói:

— Nhân-huynh đã có ý tốt cho tiêu-đệ cùng đi, xin nhân-huynh cứ về nhà sắp sửa, tiêu-đệ xin đợi nhân-huynh ở đây.

Tiền Tử-Cán không nghe; hai ba lần cố mời mãi. Mai tiêu-thư nhất-định không chịu đi. Vương tiêu-nhị nghe tiếng chạy lại mà rằng:

— Tiền tú-tài đã có ý tốt mời vào chơi, Hoàng tướng-công không nên chối từ là phải. Các ngài không biết Tiền tú-tài là người hay lắm, gia-tư đến hàng hơn mười vạn mà hay cứu giúp cho người nghèo, lại hay giao-kết với các người hào-kiệt. Và lại võ-nghệ cao-cường, đến hàng trăm người cũng không địch nổi, nếu phải người hào-kiệt đời nay, thời ông ấy mới mời lại chơi, Hoàng tướng-công nên qua chơi là phải.

Mai tiêu-thư xưa nay có sợ gì ai, và nay đã cải nam-trang, chỉ cốt giữ gìn thể nào cho khỏi lộ ra cho người ta biết mà thôi; trong tiệm là chỗ đàn ông trọ cả, giá vào nghỉ chơi trong nhà ông ta cũng chẳng phượng-ngại gì. Mai tiêu-thư nghĩ như vậy bèn đứng dậy mà rằng:

— Đã như vậy, thôi tôi xin vâng lời vào chơi.

Tiền Tử-Cán thấy Mai tiêu-thư đã nhận lời, mừng rỡ khôn xiết, bèn rước mời Mai tiêu-thư ra cửa tiệm, rồi mời tiêu-thư lên ngựa. Mai tiêu-thư nói:

— Nhà nhân-huynh cũng không xa gì mấy, xin cùng với nhân-huynh đi bộ cũng được.

Tiền Tử-Cán cố mời Mai tiêu-thư lên ngựa. Tiêu-thư phải lên ngựa, trông theo Tử-Cán cứ thư-từ mà đi. Đi đến trước cửa một cái trang trại rất lớn, Mai tiêu-thư xuống ngựa. Tử-Cán mời vào nhà khách, thấy trong nhà bài-trí rất là thanh-nhã, đôi bên hành-lang lại treo vô số cung tên đao kiếm, Mai tiêu-thư cũng chẳng nhìn chi. Tử-Cán phân ngôi chủ khách mời ngồi, đèn lửa sáng trưng, rồi Tử-Cán sẽ lên vào nhà trong một lúc thấy người nhà đem bày tiệc ra. Tử-Cán mời Mai tiêu-thư ngồi bên khách-vị, ân-cần khuyên mời uống rượu. Mai tiêu-thư chủ-ý đã định thoái-thác rằng mình tổ-tính không uống được rượu, không chịn uống nhiều, chỉ cất nhắc vài chén, nhằm nhót vài miếng mà thôi. Tiền Tử-Cán rót một chén rượu nâng lên tươi cười mà rằng:

— Nhân-huynh mấy hôm đi đường sá mệt nhọc, hôm nay nghỉ chơi nhà tiêu-đệ, uống chơi và chén rượu cũng bất-phương, ngày mai đi đường thời thôi không uống nữa.

Mai tiêu-thư nói:

— Nhân-huynh đã có lòng tốt,

nhưng quả thực tiêu-đệ không thể uống được.

Tiền Tử-Cán thấy Mai tiêu-thư nhất-định không uống, phải gọi lấy cơm ăn. Nguyên là Tử-Cán không phải là định đến Huệ-châu, hẳn chỉ là anh nhà giàu mà lại có tình máu dê, nhưng chỉ ưa thích người đàn ông đẹp trai mới lấy làm khoái; trong nhà vô-số hầu non gái đẹp, hẳn cho làm ngựa mả không thèm nhìn đến, hề thấy người con trai nào tuổi trẻ thời không kỳ là ai, hẳn chết mệt ngay đi được, không khác gì chú ếch quảng hoa cứ thấy thì vồ. Nay trông thấy Mai tiêu-thư nhan-sắc tuyệt-trần, liền mê ngay người đi; vả lại tiêu-thư trong lúc đi đường, ăn mặc lại cực-kỳ huyền-diệu, nên Tử-Cán biết là con nhà phi-thường, không dễ mấy khi đã được gặp, tất phải cố mải miết theo đuổi mới xong. Nhân khi Hoàng Hán nói rằng định đi về thôn Mai-hoa châu Huệ, liền nói theo rằng y cũng định đến Huệ-châu, định đi đường ve-vãn ga-gâm Mai tiêu-thư làm thể nào cho mắc vào bẫy mình; lập mưu như thế tự lấy làm bợm-bãi lắm. Còn Mai tiêu-thư thì nghĩ rằng mình đã cải nam-trang, tưởng rằng trong bạn con trai lại yêu con trai, cũng như là bạn gái lại yêu bạn gái, thân nhiệt với nhau là sự thường. Nào ngờ đâu con trai đối với con trai lại có cái thói yêu ngầm yêu ngầm xấu-xa như vậy. Cho nên cũng vô-tình cứ cho y cùng đi. Hoàng Hán lại là đứalão-thực, cho nên ba đây tớ mới vào nhà Tử-Cán nghỉ trọ đêm hôm ấy. Ngày hôm sau, trở dậy cơm sớm rồi, Tiền Tử-Cán thay mặc bộ quần áo mới, đem theo một tên nhỏ dắt ngựa và một tên kiện-bộc mang hành-lý theo hầu, cùng với Mai tiêu-thư khởi-trình, theo đường Huệ-châu ra đi. Khi đi đường, Tử-Cán cứ giơ cương ngựa đi gần bên cạnh tiêu-thư; nói ngon nói ngọt làm ra bộ thân-nhiệt. Nào biết đâu Mai tiêu-thư vốn là con

gái thấy Tử-Cán ra ý muốn lần-lữa thêm-thường, không ra bộ gì, sợ có ý lần-khán chẳng. Từ đấy Tiêu-thư bèn lảng ra hình như không trông thấy Tử-Cán, chớ lại gọi Hoàng-Thông theo hầu gần bên mình. Vì thế Tử-Cán dẫu ruột nóng như cào, vẫn không dám nói lộ ra câu chuyện gì cả. Đi được và ngày đã đến Tam-thủy. Tử-Cán nghĩ bụng rằng: «Nay cứ đi theo đường bộ suốt ngày mà đây tớ lại cứ đi theo riết, còn lúc nào nói gạ được chuyện gì, ta nên thuê một chiếc thuyền to có mui có cửa, theo đường thủy mà đi, như thế thời được cùng ngồi trong thuyền gần gần, may ra có thể lần-la gạ gẫm được chẳng». Bụng nghĩ như vậy bèn nói với Mai tiêu-thư rằng:

— Bây giờ đương mùa gió bè mà đây tớ đi đường đã mệt nhọc, gì bằng để tiêu-đệ thuê một chiếc thuyền lớn, thuận gió chạy buồm, một ngày có thể chạy được mấy ngày đường, việc gì lại cứ ngồi trên ngựa để chịu sương sa gió táp.

Mai tiêu-thư nghĩ rằng nếu chỉ ba đầy tớ mình cùng xuống thuyền mà đi thời hay. Nay lại có mấy đầy tớ họ Tiền, sợ xuống thuyền chật chội không thể chứa được nhiều người, gì bằng cứ đi bộ là hơn. Tiêu-thư nghĩ như vậy bèn cười mà trả lời rằng:

— Nếu nhân-huynh không quen sương gió thì xin cứ tự-tiện đi thuyền. Tiêu-đệ vốn đã dạn quen sương nắng.

Tiền Tử-Cán nói :

— Tiêu-đệ với nhân-huynh, tình đồng cốt-nhục, nếu nhân-huynh có cần việc gì sai khiến đến tiêu-đệ thời dẫu chết tiêu-đệ cũng không sợ, chớ sợ gì phong sương. Chỉ nghĩ rằng: nhân-huynh tư-chất yêu-kiều, mà mạo cơ rét mướt, thời tiêu-đệ lấy làm áy náy mà thôi.

Mai tiêu-thư chỉ cười nhạt mà không đáp lại chi cả. Tử-Cán khó

thề nài sao được phải cứ theo tiêu-thư đi bộ. Mai tiêu-thư dần dần mới biết hẳn có ý-từ sáng, nên có lúc đi trước lúc đi sau, chớ suốt ngày không nói với hẳn một câu gì cả. Chính hợp vào câu ông lão hái sen hát rằng: «*Đừng xa thời mặc chàng trông, lại gần ngán nỗi chàng không được gần*». Tiền Tử-Cán thấy Mai tiêu-thư cứ việc quất roi ngựa mà đi lên không thèm đoái-hoài nhìn chi lại, lại càng mê mẩn thần-hồn, không nghĩ chi đến ăn đến uống nữa càng ngày lại càng thậm-tệ, không ngờ đã đi được hai ba ngày đường. Tên đầy tớ Tử-Cán thưa với Tử-Cán rằng:

— Tôi xem thầy ra ý mệt - nhọc, hôm nay đã đến Bắc-la, xin thầy nghỉ ngơi uống một chén thuốc xem thế nào ?

Tử-Cán giạt mình mà rằng:

— Chiều hôm nay đã đến Bắc-la rồi ư !

Tử-Cán giạt mình nói lên như thế xuýt nữa ngã ngựa. Liền nghĩ ngay rằng đêm nay nếu không mặt đầy đánh liều mà gạ gẫm, thời ngày mai đến Huế-châu đã chia tay mỗi người đi một ngã; thói tính-mệnh Tử-Cán cũng liều chết với anh chàng này; hễ đến Bắc-la, thời ta hãy tìm nơi nhà tiệm tỉnh-mịch, cho hai tên đầy tớ anh ta đi uống rượu một nơi, rồi ta gạ gẫm anh ta, nếu không nghe thời ta giở võ ra hiếp lấy cho bằng được, thời mới khỏi uổng mất công. Tử-Cán đã lập tâm như thế, liền gọi tên kiện-bộc lại dặn bảo cứ làm như thế. . . . Tên kiện-bộc lĩnh-mệnh đi lên trước, tìm nơi nhà tiệm, rồi ra đầu phố đứng đón mời Mai tiêu-thư và cả mấy thầy trò vào nhà tiệm nghỉ ngơi, rồi giao tiền cho chủ tiệm dọn một tiệc lớn bày ở trong phòng mời Mai tiêu-thư vào đó, và bày một bàn nữa ở mé ngoài. Mai tiêu-thư nói:

— Nhân - huynh sao lại bày tiệc

thịnh-soạn làm vậy?

Tử-Cán cười mà rằng :

— Tiêu-đệ cùng đi với nhân-huynh đã mấy hôm nay, tinh thần-mặt như keo sơn, ngày mai tiêu-đệ với nhân-huynh đã mỗi người đi một ngã, nên bày chén rượu nhạt này để cùng với nhân-huynh đàm-đạo cho thỏa tình ly-biệt.

Mai tiêu-thư là người con gái hào-hiệp, thấy y ngày mai đã sắp tương-biệt, nên cũng bòa-nhan mà rằng :

— Ngày mai nhân-huynh đã tương-biệt, thời tiệc này để tiêu-đệ bày ra tiễn-hành nhân-huynh mới là phải.

Tử-Cán nói :

— Hai chúng ta hình tuy phân-biệt, mà tình thì không có dây dẩy gì khác nhau, tiệc này có kể chi là của tôi hay của anh làm gì.

Nói rồi hai người đều ngồi uống rượu. Hoàng Thông cứ đứng ở bên cạnh mình Mai tiêu-thư. Tử-Cán gọi người nhà bảo rằng :

— Ở ngoài đã bày một tiệc, mấy mời Hoàng quán-gia ra đó uống rượu với nhau, ngày mai tương-biệt, không biết bao giờ lại được gặp nhau, bước đường ly-biệt, chúng bay lẽ nào lại vô-tình đi được.

Tên đầy tớ nhà họ Tiền bước vào dắt tay Hoàng Thông mời ra uống rượu.

Hoàng Thông nói :

— Hãy cho tôi ở đây để hầu thầy tôi đã.

Mai tiêu-thư nói :

— Tiền-tướng-công đã có bụng cho thời cứ đi ra mà uống rượu.

Hoàng-Thông phải đi ra. Tử-Cán thấy đầy tớ ra cả, bèn cười ngả nghiêng mà rằng :

— Tiêu-đệ không biết làm sao, từ

khi trông thấy nhân-huynh thối như mè như đại, mộng hồn đêm nào cũng mè tưởng đến nhân-huynh.

Mai tiêu-thư thấy Tử-Cán nói câu ấy tưởng rằng hẳn biết mình là con gái, đỏ bừng mặt lên mà rằng :

— Nhân-huynh ra chừng say rồi !
Tử-Cán nói :

— Tôi dẫu chưa uống, nhưng vẫn say về tình !

Nói rồi liền rót một chén rượu nâng đến trước mặt Mai tiêu-thư mà rằng :

— Xin nhân-huynh thương tôi, cứu lấy tính mệnh cho tôi mà uống chén rượu này.

Mai tiêu-thư thấy Tử-Cán có ý bất-nhã, bèn gọi to lên rằng :

— Hoàng-Thông đem nước chè vào đây !

Song khi ấy người nhà họ Tiền đã nói với chủ tiệm mời Thông với Hán hai người vào đảng mè trong uống rượu. Mai tiêu-thư gọi luôn mấy tiếng không thấy Hoàng Thông thưa. Mai tiêu-thư nóng ruột đứng phắt dậy đi ra mà mắng rằng :

— Thằng chết này ở đâu ! gọi mãi không thấy thưa.

Tử-Cán vội vàng đứng dậy ngăn giữ lại mà rằng :

— Nhân-huynh thương lấy Tử-Cán này, chỉ vì nhân-huynh mà theo đến đây. Nay đây tớ đều đi uống rượu ở nhà tiệm khác, xin nhân-huynh cho Tử-Cán này được hoan-hù một chút, thời mới thực là thỏa-kiếp sướng đời !

Mai tiêu-thư cả giận mà rằng :

— Mày làm cái trò gì thế !

Tử-Cán khi bấy giờ si-tình quá, thấy tiêu-thư đã nổi giận, liền nghĩ rằng mặc dầu Mai tiêu-thư chịu hay không chịu, không bắt ép không được, liền sẵn lại ôm lấy tiêu-thư. Mai tiêu-thư cả giận mà rằng :

— Quán súc-sinh này, sao dám vô lễ!

Liên vung cánh tay thích cho một cái, đá hất Tử-Cán ra ngoài cửa buồng. Mai tiều-thư lại chạy sấn ra đập lên ngực Tử-Cán thui luôn cho một hồi chẳng khác gì tám mươi căn sắt giáng xuống, làm cho Tử-Cán học cả máu mồm, kêu rống lên một tiếng không trở dậy được nữa. Chủ tiệm thấy xảy ra có sự thể liền gọi bốn tên đầy tớ lại. Hoàng Thông vội vàng gỡ ngay Mai tiều-thư ra. Tử-Cán đứng trở dậy then quá hóa ra tức giận, xông lại đánh miếng hậu chực luôn qua Mai tiều-thư. Mai tiều-thư mất sáng tay nhanh đỡ ngay được miếng hiểm độc liền đá trái cho một cái hất lên trên mặt, Tử-Cán râu phờ cả ra và sứt ngay một miếng mũi cực lớn. Chủ tiệm thấy tiều-thư đánh miếng độc, sợ hại đến nhân-mạng, liền gọi nhà bếp đem Tử-Cán ra ngoài, khuyên giải mà bảo rằng :

— Ông là người học hành lại là người cùng bạn đi đường với người ta, sao lại sinh sự đánh nhau như vậy? Tử-Cán bẽn lễn không nói ra làm sao được. Hai tên đầy tớ họ Tiền chạy lại lấy khăn đập bụi cho Tử-Cán và lau sạch máu me, rồi thu-thập hành lý, tính trả tiền nhà chủ tiệm, liền đem hôm ấy hai tên đầy tớ đưa Tử-Cán lên ngựa ra đi.

*Thực là đơ dáng dạng hình,
Bẽ bàng còn mãi chữ tình nữa thôi!*

Hoàng Hán hỏi rằng :

— Chẳng hay sao lại đánh Tiền Tử-Cán làm vậy?

Mai tiều-thư cười mà rằng :

— Ghét thay quán súc-sinh! trước mặt ta dám giở trò vô-lễ.

Hoàng Hán không dám hỏi nữa, đi lấy nước chè đem lại cho Mai tiều-thư uống. Ngày hôm sau tính trả tiền cơm,

rồi Mai tiều-thư sắm sửa lên ngựa ra đi. Người chủ nhân ở tiệm đổi cửa chạy sang sẽ hỏi tên hầu-sáng Tiền-nhi ở bên này rằng:

— Tối hôm qua đánh Tiền-quân có phải là cậu bé kia không?

Tiền-nhi gạt đầu bảo là phải. Người chủ tiệm lè lưỡi mà rằng :

— Cậu bé ấy trông người mảnh dẻ yếu ớt như cành hoa, sao mà tài-giỏi làm vậy, đá hất một người lớn lực-lưỡng như là đá con gà con, tung đàng trước hất đàng sau, người kia không thể nào chống cự lại được, thật là một sự kỳ!

Mai tiều-thư thoáng nghe tiếng chỉ là cười thầm. Nào biết đầu thân lừa đầu lớn, vẫn phải sợ sức khỏe cạp con.

Ba đầy tớ Mai tiều-thư từ giã Bác-la ra đi, đi dọc đường chuyện trò cười nói, không ngờ đi được hai ba ngày đến chỗ con đường ngã ba, Hoàng Hán nhận chữa rõ là đi về đàng nào, bèn mời tiều-thư xuống ngựa ngồi tạm ở trên hòn đá để đợi người đi qua lại hỏi thăm đường. Một lát thấy một ông lão-già mặc áo đạo-bào, chống gậy trúc-trượng, đứng-dỉnh tự trong khe núi đi ra, tay cầm một cành mai-hoa, miệng ngâm mấy câu Tô-từ mà rằng:

*Cao tình gửi đám mây bay,
Hoa lê chi mãi giấc say mơ màng.*

Hoàng Hán liền bước ra cúi mình mà hỏi rằng:

— Dám hỏi tiên-ông, đây về thôn Mai-hoa đi đàng nào?

Lão ông trở tay mà rằng :

— Đi về con đường phía tây kia, thời trông thấy hoa mai đó.

Mai tiều-thư nghe nói, đứng dậy bước ra lên ngựa. Lão - ông trông thấy Mai tiều-thư nhìn đi nhìn lại mãi rồi giơ tay lên hỏi rằng :

— Chẳng hay quý-khách đến thôn Mai-hoa có việc gì ?

Hoàng Hán nói :

— Bẩm, muốn đến nhà Trương thái-công để hỏi thăm người thân quyến.

Lão-ông lại hỏi rằng :

— Quý-công-tử cùng với ông Thu-Cốc vốn là tương-thức phải không ?

Hoàng Hán nói :

— Trương thái-công là nhạc-phụ của công-tử tôi.

Lão-ông nghe nói vội vàng bước đến trước mặt Mai tiêu-thư vái một cái mà hỏi rằng :

— Tôi nghe túc-hạ phải quan Đốc-phủ bắt giam cầm ở Nam-hải, sao lại thoát được oan-ngục mà ra tới đây ?

Mai tiêu-thư ngừng đầu ngơ ngẩn mà rằng :

— Thực không có việc ấy.

Lão-ông lắc đầu cười mà rằng :

— Thế mới thực là kỳ tuyệt ! xin hỏi túc-hạ quý-tính đại-danh là gì ?

Hoàng Hán thưa :

— Công-tử tôi họ Hoàng tên là Ngọc-son.

Lão-nhân nói :

— Thế thời linh-nhạc của công-tử không phải là Trương Thu-Cốc tề-hữu tôi đâu ; thôn Mai-hoa lẽ nào lại có hai ông Trương Thu-Cốc, để thường túc-hạ nhớ lầm chăng ?

Hoàng Hán nói :

— Sao lại nhớ sai được, tháng tư năm trước, công-tử tôi đã đến ở chơi nhà ông ấy hơn một tháng mới đi, bà nhạc-mẫu là Long-thị tôi vẫn nhớ rành rành như vậy.

Lão-nhân nghe nói liền nắm tay Mai tiêu-thư mà rằng :

— Thế thời cái người tháng trước quý đây để thường là mạo-xưng, nay túc-hạ lại đây thực là hay lắm, rồi đã

có Chí-Long nó nhận ra. Và lại túc-hạ có biết ông bà linh-nhạc cả nhà phải bị thảm-họa gì không ?

Hoàng Hán thoát nghe lão-ông nói tháng trước Phùng - Ngọc có đến đây đã lấy làm mừng, rồi lại nghe nói cả nhà Trương thái - công bị họa, liền thất-kinh mà rằng :

-- Nhà Trương thái-công bị tai-vạ ra làm sao ?

Lão-ông nói :

— Kể ra không thể hết được, xin túc-hạ hãy ngồi xuống đây, để lão này thuật lại cho mà nghe.

Nói rồi bèn dặt tay Mai tiêu-thư ngồi xuống mà rằng :

— Lão đây chính là tề - hữu với Trương Thu-Cốc, không ngờ tháng tư năm trước cùng với túc-hạ đi đến Phong-hồ khảo-thơ, đảo-áp làm nhục Hà Túc-Tượng, làm cho Hà-Tiểu tức khí mà chết. Túc - Tượng phân uất không thể nhịn được, nghe lời Nhiều-Hữu đi giao-kết với giặc Hoả-đái, chực muốn báo thù lại. Diệp hiếu - liêm nghe biết tin-tức như vậy, đem bạc hối-lộ cho Nhiều-Hữu. Nhiều-Hữu bèn che chở nói với Túc-Tượng tha cho Diệp hiếu-liêm, rồi đi khắp mọi nơi dò xét tung - tích túc-hạ, dò mãi biết Thu-Cốc là linh-nhạc túc-hạ, nhưng chưa rước dấu về. Tháng ba năm nay nó đem quân giặc Hoả-đái đến nhà Trương Thu-Cốc cướp sạch cả cửa cái đàn ông đàn bà đem đi hết, lại phóng hoả đốt cả nhà cửa. Đến tháng sáu, con trưởng Thu-Cốc là Trương Chí-Long mới về, thấy tình-hình như thế bèn đi thưa các toà nha-môn, thời nha-môn nào cũng ăn tiền hối-lộ của quân giặc Hoả-đái, không chịu chấp-đơn-đề tra hỏi cho. Tháng trước thấy có một người thiếu-niên tự xưng là Hoàng Phùng-Ngọc, nhận là rể Trương Thu-Cốc, đem Chí-Long cùng đi dấu trạng ở cửa quan, phải quan Đốc-phủ bảo người

ấy giao-thông với mán mèo mưu làm sự phản-nghịch, tức-thì đánh cho hai mươi côn, rồi phát-văng ra huyện Nam-hải để tra tấn, Chi-Long đứng ngoài chạy thoát được, hôm trước mới đến nhà, thời sớm hôm nay bọn Hà Túc-Tượng, Nhiều-Hữu đem bốn năm mươi đứa lại, tự-xưng là phụng-mệnh quân-môn đến tróc-nã tặc-dã, liền bắt Chi-Long trói lại bảo đả. Lão tướng rằng quan quân đi tróc-nã, không có lẽ lại như quân kẻ cướp tròng trợn như thế, hẳn là chúng nó nhờ gió bẻ măng đến để báo oán đó mà thôi. Lão nghĩ thương tình nghĩa bè bạn, bèn đến nói đề gỡ cho Chi-Long. Không ngờ chúng nó nghiêng răng nghiêng lợi nói rõ tên Túc-hạ là theo về đảng giặc Gia-quế, Thiên-mã, hiện phải bắt giam ở huyện Nam-hải chiêu-xung rõ ràng, chúng nó định trở về quân-môn cáo-giác lão là đản-hộ cho đảng phản-nghịch. Nên lão mới chạy ra đây, nay túc-hạ đến đây, rồi sẽ cùng với chúng nó biện-chất xem ra làm sao.

Ba người nghe thấy lão-ông nói Phùng-Ngọc bị giam ở huyện Nam-hải, đều ngăn người ra. Mai tiều-thư hỏi rằng :

— Chi-Long hiện bây giờ bị trói ở chỗ nào ?

Lão-ông nói :

— Lũ chúng nó còn ở trong thôn ấy làm cơm ăn với nhau, nó chưa giải đi.

Mai tiều-thư đứng phắt dậy trông vào Hoàng Hán mà bảo rằng :

— Ta hãy vào trong thôn này hỏi thăm Chi-Long cho đích-thực đã, rồi sẽ liệu.

Hoàng Hán rỏ nước mắt bảo rằng phải. Ba người liền bái-từ lão-ông rồi vội vàng đi vào trong thôn, đến chỗ trại tàn-phá thấy một lũ đến sáu bảy mươi tên kẻ cướp ngồi quanh cả lại với nhau ăn cơm, ở giữa để một nồi cơm to tướng, Chi-Long thời nó trói vào cái

bạc cửa ở chỗ cửa đồ. Mai tiều-thư trông thấy nổi cơn giận lên mà thét rằng :

— Hoàng Hán, vào cởi trói người kia ra cho tao!

Nhiều-Hữu nghe tiếng, liền thét lên rằng :

— Nào! đưa nào dám động vào đây!

Hoàng Hán khi bấy giờ cây có Mai tiều-thư cũng không sợ gì lũ chúng nó cứ bước vào cởi trói. Sực có tên kẻ cướp nhẩy ra vung tay đánh nhau với Hoàng Hán. Mai tiều-thư nổi giận nhẩy xuống ngựa xông vào, một tay nắm chệt lấy cổ tên giặc, một tay nắm lấy khố đằng sau, ném tung tên giặc rơi ngay vào cái nồi cơm to tướng nóng hôi hôi, kêu đánh toang một cái, nồi cơm đổ bừa cả ra đất. Lũ kẻ cướp đứng cả dậy chạy xông đến Mai tiều-thư. Mai tiều-thư hăng lên tay đấm chân đá đánh tán-loạn lũ ấy như nước chảy hoa trôi. Hà Túc-Tượng thấy thế nùng lên đi cút mất. Lũ kẻ cướp thấy Túc-Tượng trốn đi mất rồi, cũng đều tan trốn đi cả. Mai tiều-thư cùng với lũ Hoàng Hán ba người đuổi theo một hồi, rồi lại quay về trong trại, thấy một người ngã què một cẳng nằm phục ở dưới bờ rào. Hoàng Hán chạy lại xem thời hình như người ấy đã gặp một lần ở chùa Thê-thiên đứng ở dưới đài thi thơ, trông ra hãy còn tướng-tượng, Hoàng Hán bèn thét lên rằng :

— Mày có phải Nhiều-Hữu đấy không ?

Nhiều-Hữu gục đầu mà kêu rằng :

— Xin người tha cho tính-mệnh tôi với. Mai tiều-thư sai đem cái thùng trói Chi-Long hãy tạm trói Nhiều-Hữu lại, rồi sau này sẽ phát-lạc.

Mai tiều-thư đảo vào trong nền nhà cũ. Chi-Long rỏ nước mắt quị xuống mà thưa rằng :

— Nếu Chi-Long này không gặp được tráng-sĩ thời không biết nó giết

chết lúc nào ; dám xin hỏi đại-danh tráng-sĩ là gì vậy ?

Mai tiêu-thư vội vàng đỡ dậy mà rằng :

— Đã là anh của Trương quý-thư, thời tức là anh tôi, xin mời đứng dậy tương-kiến.

Chí-Long đứng dậy trùi nước mắt mà rằng :

— Chẳng hay tráng-sĩ sao lại biết xá-muội tôi vậy.

Hoàng Hán nói :

— Đây là Mai tiêu-thư em ruột chúa Thiên-mã, là vợ thứ ba Hoàng Phùng Ngọc là chủ tôi, hôm nay đến đây cốt là tìm Hoàng chủ-công và Trương liệt-muội để cùng đón về nam.

Hoàng Hán nói xong, Mai tiêu-thư mời Chí Long cùng tương kiến, hai người đều vái chào nhau, rồi gọi nhau bằng anh em, cùng oà lên khóc. Thông, Hán cũng khóc, khóc một hồi lâu, rồi Chí Long thuật chuyện đầu đuôi Phùng Ngọc khi trước trở về.

Mai tiêu thư nói :

— Nay Hoàng-lang đã mắc phải tội vu-phục, tưởng tài nào cũng khó gỡ cho ra được; nếu anh em mình ở đây, chỉ làm đũa Sớ-tù trông nhau mà khóc, cũng chẳng được trò gì.

Nói rồi liền trở cái hòm da mà rằng :

— Trong hòm này tôi có một nghìn lạng bạc, ý tôi định đem về Trình-hương để phụng dưỡng ông bà. Nay anh với Hoàng Thông đem cái hòm bạc này đi ngay lên tỉnh, liệu mà dứt lốt chỗ này chỗ khác, để cho Hoàng-lang khỏi phải kẻ ngục-tốt nó hành hạ khổ sở. Còn tôi thời cùng với Hoàng Hán trở về sơn-trại, khởi đại-binh đem đến

đập phá tinh thành để tiết cái giận cho tôi mới nghe.

Tiêu-thư nói rồi cầm chìa khoá giao cho Chí Long. Chí Long khóc và trở Nhiều Hữu mà rằng :

— Cái thằng cừu - nhân kia, chính là nó đem giặc đến phá hại nhà tôi đó, nay nên phát-lạc ra làm sao ?

Mai tiêu-thư nói :

— Cái việc đó xử cũng dễ.

Liền bảo Hoàng Hán vào trong nhà đồ, nhặt nhanh lấy cả sống áo chăn màn và các thứ đồ dùng đem ra, rồi đem rong phen cỏ rác ở ngoài chắt đầy vào trong nhà, điệu Nhiều-Hữu vào bắt qui phục xuống, rồi Mai tiêu-thư rút thanh gươm sáng quắc ra trở vào Nhiều-Hữu mà bảo rằng :

— Chồng tao có thù hằn gì với mày, và nhà chị tao có oan-trái gì với mày ? mà mày dám làm độc-ác như thế, phá hại cả nhà cả cửa người ta, thời mày đáng tội gì ?

Nhiều-hữu khấn đầu kêu xin mà rằng :

— Đó là tự Hà Túc-Tượng nó làm, chớ tôi không dự gì đến đó.

Mai tiêu-thư nói :

— Đã trời không cho người biết, thời đừng có làm. Nay những sự Túc-Tượng làm can, đều là đồ cầu-trệ ấy xui khiến nó can, nay ta tha cho mày, thời lưới trời cũng không dung tha mày đâu !

Nói rút lời, liền vung thanh gươm ra chém Nhiều-Hữu ra làm hai đoạn. Thực là :

*Ác báo lưới trời khôn tránh thoát,
Núi gươm oan-nghiệt đáng đời chạt*

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHAU dịch

VĂN-UYỂN

(TÂN-VĂN)

Du Tử-trăm-sơn ký

Tân-văn đạo-nhân trong mấy năm nay, cái giặc chiêm-bao nó đã không thường-thường lần quất ở bên mình về cái thú du-sơn nữa ; là bởi vì có hai cơ.

Một là vì cái cơ tân-bằng liêu - lạc bấy lâu nay các bạn cố-tri trong làng Nho ta gặp phải cái cảnh-ngộ tân cựu giao-thời ; có người thì vì một đôi chút lộc-sĩ, ngoi-ngóp trên đường tử-mạch, ra vào trong cửa chu-nôn, ngựa xe lát-tả trong cõi hồng-trần, mà cái thú-vị thanh-sơn một ngày một nhãng ; cũng có người thì quay ra thực-nghiệp cò đến tay phải phất, nước đến chân phải nhảy, dù chẳng thương - công, cũng phải thương-công, dù chẳng kế-lợi, cũng phải kế - lợi, để tính về đường mưu - thực mưu-y ; cũng có người thì phát-sinh ra bệnh cuồng, mà ham về cái chủ-ngĩa yếm - thể, con hảo-diều ở đầu cành, tịch-nhiên không véo-von gì đến sự bằng-hữu, cái lạc-hoa ở mặt nước, cũng tịch-nhiên không ánh-ôi gì đến sự văn-chương ; đạo - nhân trong mấy năm nay, tưởng đến các bạn đồng - du, hình như đã hợp vào đến câu «*thân-bằng vô nhất tự*» rồi đó.

Hai là vì cái cơ thi-tử ngưng-sáp. xưa nay con ma thơ bốc đồng lên ở thế-giới, toàn nhờ về có nết hương u-uất, bát nước thanh - kỳ, dịp sáo tiêu - tao, tiếng đàn hòa-dật ; vậy ông Lý Thái - Bạch có câu rằng :
«*Hưng hàm lạc bút dao Ngũ-nhạc. Thi - thành liễu ngạo lãng Thương châu*». Nghĩa là từ thơ hăng-hái, cầm bút viết ra, hình như có thể lay chuyển được Ngũ-nhạc ; câu thơ xong rồi, nói

cười đắc-ý, hình như có thể lãng-áp được Thương-châu ; nghề thơ tuy cũng là một nghề rung đùi của con nhà văn, nhưng xem ra cũng có cái thú-vị lạ lùng, và có cái cảnh-ngộ đặc-biệt mới được. Đạo-nhân trong mấy năm nay, vì lưu ý cho bọn thanh-niên, phải buộc mình vào nơi danh-giáo ; lại vì nặng tình với xã-hội, phải giao thân với tục-tử mà kết nghĩa tiểu-đam ; cho nên bấy lâu nay khi bất-đắc-đĩ viết ra câu thơ, chẳng qua chấp nối mấy lời mô-phạm, quệch quạc mấy nét phong-lưu đó thôi ; chứ câu lấy những câu chuốt về cao - hà, rung văn minh-nguyệt, dải lời bạch - vân, xếp điệu thanh-tùng như trước, thì ít khi có nữa. Vì hai cơ ấy, vậy nên bấy lâu nay cái thú du-sơn hình như đã quên, cái sự du-sơn hình như đã nản.

Năm Khái-định thứ bảy đầu năm Nhâm-tuất, tháng mộ-xuân, san tiết Thanh-minh, được buổi êm trời, chợt có người thân - hữu lại rủ đi chơi núi Tử - trăm. Chao ôi ! Núi Tử-trăm kia có xa gì đâu, nhà ta ở đối với núi Tử - trăm, chỉ cách một cánh bãi, một con sông, một phía đồng, khi sớm ngày trở dậy mở cửa, trông ra phía tây nam, đã thấy sơn-sắc mông-lung ở đó ; mà hang Tử-trăm kia, cũng vườn là cái hang ta mấy năm về trước ra vào thăm chơi ; song ta cũng nhân vui lòng với thân-hữu, mà miễn-cưỡng sắp cước sắp xe.

Khi sắp sửa bước lên xe, có hỏi người thân-hữu rằng :

— Cuộc đi chơi núi này, có mục đích chung gì không ? có thú-vị riêng gì không ? hay là chỉ làm một cuộc hân-mạn chi-du đó mà thôi ?

Người thân-hữu nói :

— Phởng chúng ta là phởng tân-nhân ở xã-hội, nay có mục-dịch chung gì đâu ; vả lại kiếp người là kiếp tân-khổ, trong một năm được một vài tháng, trong một tháng được một vài ngày, trong một ngày được một vài giờ thanh-nhàn mà thôi, đâu đã hạ-cấp đến những phần hãn-mạt chi-du ; duy, những cái thú-vị riêng của chúng ta, một là văn-tịch, hai là sơn-thủy, ba nữa là kỹ-nữ ; bởi vì trong hoài-bảo những khách văn-nhân, hay có thú-vị buồn cười, mà trần-thế thì lại hãn-phùng khai-khẩu tiếu ; cho nên bất-dắc-dĩ cũng phải mượn lấy cái tài-liệu khúc-khích để mà gượng sâu làm vui ; cô-nhân có câu, « *Thiên kim mĩ tiếu bất hồi đầu.* » nghĩ ra không phải là quá đáng ; nay chúng ta nên tuyển lấy mấy người danh-kỹ, để theo dòi lấy cái văn-sự Đông-sơn một chút, há chẳng đàm-tiểu được một phen ở trong cõi phong-trần này ru.

Đạo-nhân nói :

— Ông Tạ An-Thạch khi xưa đem kỹ-nữ đi chơi Đông-sơn, là cầm cái chủ-nghĩa dữ-nhân đồng-lạc, lại bao-hàm có cái ý-tử dữ-nhân đồng-uru ; vậy nên có kỹ-nữ ở trên gác Bạch-vân, tức là kẻ xương-sinh ở trong đình Minh-nguyệt ; chúng ta ngày nay tân-bằng đã liêu-lạc, thì-tử lại ngật-ngồi, cùng với ai đồng-lạc, mà cùng với ai đồng-uru ; ti-trúc làm chi cho thêm buồn với cỏ hoa, kỹ-nữ làm chi cho thêm thẹn với non nước.

Chao ôi ! Cái thú đi du-lãm, cũng là cái thú chung của nhân-loại, không phải là cái thú riêng của một mình ai ; duy những người có tâm-tĩnh với non nước, có ý-vị với thế-đạo với nhân-tâm, trong khi du-lãm, sẽ có cái thú - vị riêng vậy.

Phàm đã gọi là con người du-tử, cốt

nhất là nêu có tư-tưởng, nêu có lịch-sử, nên có bút-pháp có văn-tâm ; trong khi du-lãm những nơi đình-dài tự-viện, thành-ấp sơn-xuyên, không cứ nơi gần nơi xa, nơi lớn nơi nhỏ, nơi nào cũng có thể đem cái hoài-bảo thừa bình-sinh của mình, mà phát-siêu ra nghị-luận, kết-cấu lại văn-chương, may ra cũng có phần cảm-nhân được cả, phúng-thế được cả.

Nếu không như vậy, chỉ cậy có thi-giờ rộng rãi, tấp-lễnh đi du-quan, thấy đẹp hay đẹp, thấy lạ hay lạ, vịnh những cảnh ba-hoa, ký những sự tũn-mủn, không cồ - kim lịch - sử gì cả, không văn-chương thế - tài gì cả, không cảm-phát gì cả, không thú-vị gì cả ; tưng nhiên có du-lịch được khắp cả danh-sơn đại-xuyên ở ngũ-đại-châu chẳng nữa, cũng chẳng qua xem lăm thì mỗi mắt, đi lăm thì mỗi chân, ngám-nga lăm thì mỗi miệng, ký-sự lăm thì tổn giấy mà thôi ; ừ thì sự đi chơi núi Tử-trần này, tuy không phải là sự tráng-du, nhưng cũng không nên coi là một sự phiếm-du.

Mới cùng người thân-lữ lên xe, xe tự La-đình tiến-phát, qua đò Mai-lĩnh, vào dốc Chúc-sơn, vừa mới trong mấy giây phút đồng-hồ, đã trông thấy đợt cỏ xanh-xanh, làn dâu biêng-biểu, đầu non nhấp-nhố, sườn núi quanh-co, chớ cần ở trong mây ; gà kêu ở bên đồng, cái-quan ngay ra cái khí-sắc thái-cổ ; mà cái tung-tích hồng-trần, nghe ra hình như đã li-cách xa-xa.

Lần theo trái núi Ninh - sơn đi vòng, xe vào thẳng đến cửa hang ; hang rộng ước vừa bốn năm người đi, cao khỏi đầu người, trong hang ngoài cửa thẳng - bằng vừa làn người đi ; mới vào còn thâm-thấp hèm-hẹp, đi độ mười bước, thì thấy cao rộng lạ lùng, nghiêm-nhiên là một tòa nhà đá của trời vậy ; ở trong lại góc-ngoách

có bốn năm cái hang ; một cái hang trông lên hơi sang-sáng, người ở đó bảo cái hang này là cái hang lên trời ; một cái hang trông xuống tối om-om, người ở đó bảo cái hang này là cái hang xuống âm - phủ ; lại có đôi ba hòn đá hình như con qui con tượng, nằm chắn ngay trước cửa hang, như bức bình-phong vậy ; đứng dưới trông lên, chính giữa cái hang lại có một cái cửa-sổ hình tròn như miệng cát giếng thoi ; tự dưới đáy hang lên đến cửa-sổ, ước cao hơn lắm ngọn tre ; khiến cho trong hang thường thường có ánh mặt trời sáng-sủa như ở ngoài vậy ; tuy không-khí gặp lạnh, thường có rỏ xuống thạch-nhũ ít nhiều ; nhưng trong hang vườn thấy ráo-rẻ ôn hòa, mà khói-hương và hơi người ở trong hang lại có sẵn đường mà phát-tiết ; nếu không có cái cửa-sổ ấy, thì chắc là trong hang này đời đời kiếp kiếp, chỉ có đêm mà không có ngày, u-u minh-minh như thể đường âm vậy ; ý giả ông thợ-tạo muốn hiển cái kỳ cái xảo cho người ta xem. Chao ôi ! Kỳ đâu kỳ bằng đây, xảo đâu xảo bằng đây ; chỉ vì cái hang này gần-gũi ở chốn trung-đô, lắm kẻ đã từng xem, lắm người đã từng biết, cho nên lấy làm thường vậy. Xét ra hang Tử-trăm này thực là một nơi thắng-tích ở thượng-đô, cùng với hang Sài-sơn hang Hương-tích cùng làm cái phong-cảnh hay-hóm lạ-lùng cho dải con sông Hát vậy.

Trước kia núi Tử-trăm thuộc về phủ Quốc-uy, chẳng qua vườn cho là một nơi sơn-cùng thủy-tận của tỉnh Sơn-tây ; tuy rằng có chùa, nhưng chùa cũng vắng tanh ; tuy rằng có bụi, nhưng bụi cũng mốc thối ; tuy rằng có đường vào, nhưng đường vào cũng cỏ rậm mà mây phong ; nhân-sĩ xứ Đông-đô ta, hình như chỉ biết có hang Sài-sơn hang Hương-tích mà thôi, không biết có hang Tử-trăm là chi cả. Chao ôi ! Cái hang thiên - nhiên kỳ-tuyệt ấy, và

lại gần-gũi thượng - đô đây ; thế mà quanh năm sớm tối, chỉ phó mặc cho mấy đũa tiều-phu ra vào, mấy chú hàn-tăng cư-trụ ; chẳng oan lắm ru ? chẳng thiệt lắm ru !

Năm Duy-tân thứ bảy, quan Hà-dông tổng-đốc Hoàng-đại-nhân mới thương đồng với qui-quan Bắc-hộ, đem núi Tử-trăm thuộc về bản-hộ, lại xẻ mấy xã ở Quốc-uy xuống, đặt làm một tổng, gọi là tổng Tiên-lữ, để làm dân phụ-cận cho bản-đồng, tên đồng thời nhân chùa cũ nguyên gọi là *Long-tiên-tự*, mới khắc vào cửa hang gọi là *Long-tiên-đồng* ; ngẫm ra hai chữ long-tiên cũng có một vài ý nghĩa thú-vị : một là lấy nghĩa Long-châu Tiên-lữ hai xã phụ-cận sẵn-sàng có chữ hay mà đặt tên ; hai là lấy ý « sơn cứ gì cao, có tiên thì danh ; thủy cứ gì thâm, có long thì linh ; » mà đặt tên.

Từ đây hang Tử-trăm mới thật là xuất-hiện ra ở xứ Đông-đô, mà nhân-sĩ ở xứ Đông-đô mới thật là biết rõ ràng có hang Tử-trăm ; cho mới hay có thợ trời kia phải có thợ người ; bảo rằng đồng này là đồng cũ từ thừa Hồng-bàng đã trải qua Trần, Lê, Đinh, Lý, mấy cuộc tang-thương rồi cũng phải, mà bảo rằng đồng này là đồng mới của quan Tổng-đốc Hoàng mới tìm được ra đây cũng phải.

Phật-tượng ở trong hang, thuần là tượng đá ; pho cỡ pho kim, pho lớn pho nhỏ, ước có hai ba mươi pho ; những pho tượng cỡ, xem ra thì nét chạm đơn-sơ mà có ý sinh - hoạt ; những pho tượng kim, xem ra thì nét chạm văn-vẻ, mà có ý trang-nghiêm ; pho thì ngồi trên chót-vót, hình như ngồi trên từng mây ; pho thì đứng dưới nhấp-nhô, hình như tựa bên làn sóng.

Còn nếp chùa ở ngoài cửa hang, thì nguyên là nếp cũ, cư-dân đây nói : « Xưa kia nguyên là của người Tàu làm ra, lâu ngày đã có cơ đồ nát. » Ý-giả người

Tàu khi xưa mê-tín về sự phong-thủy, cứ theo cửa hang mà lập hướng ; cho nên nếp chùa cũ lù-lù ngay ở trước cửa hang, cách-thức thật là vụng-về, vị-chỉ thật là xốc-xếch ; cho mới biết một sự phong - thủy nó làm trở-lực cho mọi sự tiến-hóa biết là đường nào.

Quan Tổng - đốc Hoàng mới dời chùa sang bên hữu cửa hang, hủy hẳn nếp cũ làm ra nếp mới, tăng - quang cho chế cò, trang-diềm lấy màu kim ; còn nền chùa cũ thì lưu lại làm một vùng khoáng-địa, mở ra làm một cái tỉnh-viên, để cho du - khách ở thập-phương có nơi mà du-thưởng ; trông ra mới hiển-nhiên là có cái phong-quang sáng-lãng, có cái thể-thế trang-nghiêm.

Đạo-nhân vào chơi núi này, thích-đương về cảnh mộ-xuân ; thấy hoa nở tung bưng, biết rằng có ý nài khách ; nghe chim kêu réo-rắt, biết rằng có ý tiếc xuân ; biết rằng cái thế-giới viêm-nhiệt sắp-sửa đến nơi, cho nên trông lên sườn núi, thấy cây lá xanh um, mà lại thêm lòng yêu-mến ; biết rằng cái cảnh-trọng dương-xuân hãy còn minh-mị, cho nên ngánh lại đầu non, thấy yên-quang ẩn-hiện, mà càng đợm về tổng-nghênh.

Lần theo dải núi Tử-trăm đi về phía tây, lại có một ngọn cô-phong đột lên, trên ngọn cô-phong có một cái chùa nho-nhỏ, gọi là chùa Vô-vi ; bên chùa lại có một cái tiêu-đình, khả dung được năm ba người ngồi chơi ; ngọn núi này tuy nhỏ, nhưng thực cũng là một nơi giúp cho kẻ hiền-nhân quân-tử lấy cái hứng-thú dâng-lâm, ông tạo-vật há vô-tình đâu.

Những thơ đề - vịnh khắc vào đá ở trong đồng cũng nhiều, nhưng tiếc thay cái thì giờ đi chơi núi hãy còn ngắn ngủi, chưa có thể thuộc hết mà tự vào trong văn cả được.

Mấy năm trước có nghe người ta nói rằng : « Khi quan Hoàng đại-nhân

mới sửa sang cái đồng này, vườn sẵn lòng vui với các bạn văn-sĩ, tha-hồ được đề khắc tự-do ; gian hoặc có người không biết tự-lượng cái học-vấn mình, thơ đã chẳng bằng ai, lại pha có màu khinh-bạc ; từ đó đề khắc mới có giới-hạn, ít được tự-do. » Sự ấy không biết có không.

Song người quân-tử cứ lấy cái lẽ thiết đáng ra mà bàn, thì đã gọi là kẻ hữu-tình trong vũ-trụ, trong khi dù-lâm, có yêu mến đến giang-sơn, thì mới có cảm-tình, có cảm-tình thì mới có đề - vịnh ; vậy những câu thơ đề-vịnh những nơi danh-sơn đại-xuyên, là câu thơ trả nợ cho non sông, không phải là câu thơ mua cười với chén rượu ; vạch một nét bút, trông xuống nghìn năm ; cốt sao cho có cái vẻ bút cao - thâm, cái tinh-tinh trung - hậu ; hoài-cổ cho ra hoài-cổ, luận-kim cho ra luận - kim ; khiến cho câu thơ xem ra có ý - vị với non nước, có bề - lịch với đời ; chứ khả - ố nhất là câu thơ khinh-bạc, bởi vì câu thơ khinh-bạc, dễ tổn - hoại cho đạo-đức, dễ điên-đảo cho thị-phi ; xem như một việc đề khắc ở nơi danh-sơn, mà cũng không có thể đề cho tự-do được ; thời cái trình-độ thi-nhân ở nước ta ngày nay, còn phải hỏi mới biết nữa hay sao.

Nhân lại nói về Phật-lý, nước ta những nơi danh - lam thắng - địa, nơi nào là không có Phật-tự, nơi nào là không có tiếng nam-vô ; song, người nước ta cái phần tin-ngưỡng Phật-giáo, còn thuộc về phần bạc-nhược về phần thô-sơ, kẻ thượng-lưu chẳng qua chỉ biết cái lý-thuyết thanh-tĩnh, kẻ hạ-lưu chẳng qua chỉ biết cái lý-thuyết họa-phúc mà thôi ; còn về nghĩa tối-thượng-thừa như « vô-ngã, vô - nhân, bất - tồn, bất-diệt » mọi nghĩa cao-siêu quảng - đại ấy đã có mấy người lĩnh-hội được đâu.

Phàm tin-ngưỡng Phật-giáo, nếu nhận-chân được cái tôn-chỉ « nhất thiết duy-tâm », thì tự-nhiên không cho

những cái vinb, cái nhục, cái khổ, cái lạc, cái phú, cái bần, cái quý, cái tiện, cái tồn, cái vong, cái sinh, cái tử, mọi cái ảo-cảnh ở trên đời là cái chi chi cả; cho nên những kẻ vĩ-nhân quân-tử, hào-kiệt anh-hùng thường nhờ cái lý-thuyết ấy, mà phát-sinh ra nghị-lực.

Còn kém nữa thì như những người tâm-thường đặc-chí, hoặc túng-dục mà thành-tai, hoặc lạc-cực mà sinh - ai, thường nhờ cái lý-thuyết thanh-tĩnh mà giảm đi được đôi ba phần thị-dục; lại kém nữa thì như những người tham - ô tàn - nhẫn, nhân có cơ gì mà biết hối, lại thường nhờ cơ cái lý-thuyết họa-phúc, mà sinh ra được một và chút từ-tâm.

Vậy mới biết ông Phật thực là có âm-công với nhân-loại, hằng-hà sa-số, không biết đâu mà linh, không biết đâu mà đong.

Nếu mền Phật mà chỉ biết tin cái chủ-ngĩa xuất-thế của Phật, rồi luru-tế hoá ra con người yếm-thế, cùng với nhân-loạn một ngày là một cách xa, thì thật là ngu lắm.

Đạo-nhân nhất-sinh cầm cái chủ-nghĩa chính-tín, không theo cái chủ-nghĩa mê-tín, thấy lẽ trái thì ngờ, thấy lẽ phải thì theo, không phải là người chỉ biết tin ông Phật mà thôi; duy đạo-nhân bình-sinh là kẻ đa-bệnh, thường phân vân về hai chữ nhân-quả ở trong lòng, nhờ có triết-lý ông Phật mới giải-quyết được xong; vậy bình-sinh không yêu ai bằng yêu ông Phật, không nhớ ai bằng nhớ ông Phật; cho nên trong khi du-lãm, ngoạn-cảnh danh-lam, cái thú-vị có phần đậm hơn người khác.

Lại xét về cồ-tích; núi Tử-trầm này có hai cái di-tích thực cũng nên ghi nên xét mà cũng nên bàn; một là di-tích ông Trịnh-chúa; hai là di-tích ông Châu-tiên.

Cách cửa hang chéch về phía tây, đi ra ước độ năm sáu mươi bước, có

một cái trái núi hình-thể nghiêm-nhiên rõ-ràng li núi Tử-trầm ra mà độc-lập, dân ở đó gọi núi ấy là núi Cung, nghĩa là khi xưa Trịnh - chúa có kiến-lập hành-cung ở đây; đến ngày nay nơi hành-cung ở chân núi, đã mai-một cả rồi, thổ-dân đã làm ra một tòa miếu thành-hoàng, di-tích không còn gì nữa; chỉ con sông Đào quanh có ở rìa núi, và cái thổ-dài chon-vo ở đỉnh núi, là còn phẳng-phất có di-tích mà thôi.

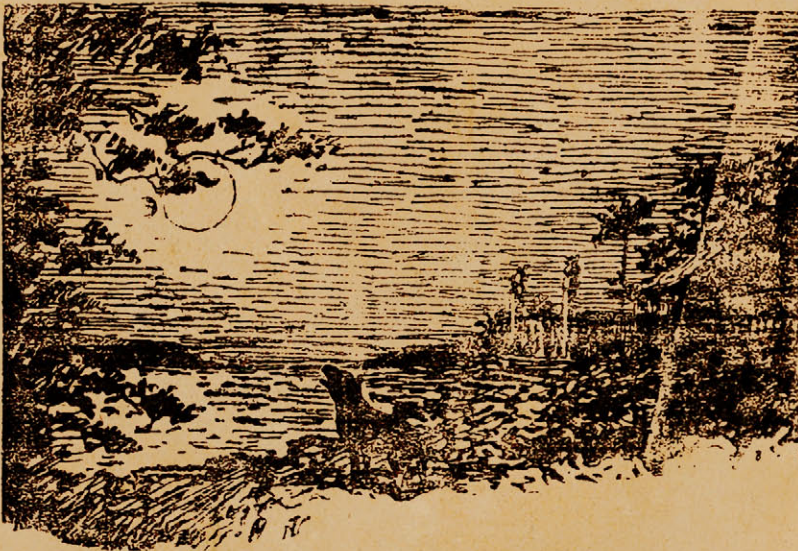
Cái thổ-dài ở trên đỉnh núi, ngày nay cũng không có đường sẵn mà lên; đạo-nhân mới vạch cây vin đá, qua cái hang gọi là hang Thầy-thiếp, rồi lên đến chốn bình-dài; xem ra thì trên đỉnh núi đá, lại có một khoảng đất phẳng-phiu, chu-vi độ năm bảy bước chân; ý giả người xưa lấy nhân-công chúc-tạo ra đây; khen thay mấy sọt đất ở trên tuyết-đỉnh ngọn cô-phong, trái bao thổ lạc ác tà, mà vườn trơ trơ như vậy. Chao ôi! Cái công ông Trịnh Kiểm phù Lê, ông Trịnh Tùng thảo Mạc, ông Trịnh Doanh dẹp thẳng Nguyễn Phương, Nguyễn Cầu hai thẳng-giết-tặc, nghìn năm ai nữ đã quên.

Đạo nhân đứng trên thổ-dài ít lâu, ngắm đi ngắm lại mà nhận ra, thì cái thổ-dài này chiếm được cái vị-trí trung-trương, núi Ninh-son ở đằng trước, núi Đồng-lư ở đằng sau, núi Tiên-lữ ở bên hữu, núi Tử-trầm ở bên tả, con sông Hát phân-minh là một dòng khâm-dải, phía rưng Ngang ẩn-hiện là một dải phiến-bình; bao-la được khắp một vùng phong-cảnh, mà thu-thập lại vào một bức họa-dồ; con mắt ông Trịnh-chúa cũng sáng-sủa lắm thay! nghề chơi ông Trịnh-chúa cũng hào-hùng lắm thay!

Đạo-nhân lưu-liên ở trên chốn hoàng-dài chút lâu, bóng tịch-dương vừa xế, trông ra thế-giới rõ ràng là một cái thế - giới hoàng-kim; cho hay lẽ thói hữu-tình, ngắm hết cảnh gần, lại ngắm đến cảnh xa; trông thấy chổ thông xanh tốt ở bên chùa Tiên-lữ, mà

kính đến vị cao-tăng hiền-thánh khi xưa ; trông thấy ngọn trúc phát-phơ ở bên làng Chúc-sơn, mà cảm đến cụ khai-quốc công-thần thừa trước; lại phía bắc trông về Sài-sơn, thì đức thánh Từ thừa nọ hóa-thân ở đó; phía nam trông về Tốt-động thì vua Lê-lỗ ngày nào diệt-khẩu ở kia ; phía tây trông về Đà-giang, thì nhớ đến thanh-thế họ Trần, mà kính-sợ thay cho cái tài-đức ông Chiêu-văn-vương ; phía đông trông về La-kê, thì tưởng đến cơ mầu họ Mạc, mà ngậm ngùi thay cho cái cảnh-ngộ ông Thiết-sơn-bá.

Bóng chiều đã nhạt nhạt, khói chiều vừa bốc lên; đạo-nhân mới quay guốc xuống núi, đi tìm tung-tích ông Châu-tiên ; lần theo núi Từ-trăm đi rẽ xuống phía nam một chút, có một cái thồ-sơn thâm thấp, dấp ở đó gọi là núi Châu - Canh, lăng ông Châu-tiên ở đó; xem ra thì là một nơi hoang-địa, buồn rầu vắng-vẽ, cỏ rậm bìm leo, vạch mãi mới thấy một hòn đá trơ-trơ, đứng một mình ở trong bụi rậm, di-tích ông Châu - tiên, chỉ còn có thế mà thôi; hòn đá xem ra cũng cổ quái nực cười hình vuông như cái



Đầu ghềnh mấy tiếng chim gào tuyết,
Trước điểm năm canh chó sủa trăng.

cột xây bằng cạnh bốn bên lại có ý gọt ra cạnh bát-giác cao độ hơn mười gang tay mà nhẵn trơ mồi thếch, chữ nghĩa không còn gì nữa, phân-minh là một cái cổ-thạch-tinh ngoại bảy trăm năm.

Cư-dân đây nói : « Khi xưa đã từng bị những kẻ vô-lại ngờ rằng ở đây có cửa, đào hòn đá ấy lên, đào mãi không thấy hòn đá ấy hết, đem búa sắt bõ mãi hòn đá ấy ra, hòn đá ấy cũng không vỡ, mới thôi.» Cứ như thế thì cũng la

thật ! nhưng chuyện ấy không chắc có không.

Xét ông Châu Canh thừa xưa đã từng mài-vui cây cỏ nước non này, đến đây làm nhà ở đây, chuyên-tinh về nghề thuốc, tu-luyện được thuốc tiên, mới hiền-danh là tay quốc-thủ. Cư-dân đây nói : Hiện nay cái nền nhà cũ của ông Châu-tiên hãy còn. (tục truyền những sự nhảm-nhi, và không bằng-cứ nào, nay bất-lục.)

Xem ra thì núi Từ-trăm này, rõ

ràng có vương-tích và có tiên-tích hẳn-hoi; cứ lấy cái lệ chung chơi núi mà bàn ra, thì hai cái sự-tích hách rịch và lạ-lùng ấy, thực cũng đáng làm lịch-sử cho núi này, đáng làm danh-dự cho núi này lắm lắm mới là phải; thế mà người nước Nam ta khi đi chơi núi Tử-trầm, chỉ biết có núi Tử-trầm, hình như không biết có sự-tích Trịnh-chúa, sự-tích Châu-tiên là chi cả; mà cái thổ-đài nọ, cái thạch-trụ kia, cũng cùng với bóng tà-dương mà chung phe tịch-mịch, cùng với hồn thu-thảo mà chung xóm thê-lương đó thôi; ô hay! sao thế nhỉ? ô hay! sao thế nhỉ?

Nay xét kỹ ra, cũng không phải là không có cơ.

Nước ta nguyên là một nước lễ-nghĩa ở Á-đông, tinh-thần đã có sẵn; mấy nghìn năm nay, xã-hội thành-lập với nhau, tôn-trọng nhất là nghĩa luân-lý cương-thường; luân-lý cương-thường là những gì? là « phụ-tử thì hữu-thân, quân-thần thì hữu-nghĩa, bǎng-hữu thì hữu-tín, trưởng-ấu thì hữu-tự, nam-nữ thì hữu-biệt » vân vân; xã-hội nước ta sở-dĩ có trật-tự, nhân-dân nước ta sở-dĩ có tinh-tinh; không đến nỗi như loài da xám da đỏ ở Nam-dương Bắc-mĩ, dã-nam ngu-xuẩn, nòi-giống một ngày một tiêu-diệt hết đi; có bởi gì đâu, là bởi quốc-dân ta biết yêu luân-lý, biết trọng cương-thường, biết giữ-gìn lấy tinh-túy đấy thôi.

Cho nên trong xã-hội nước ta xưa nay, vô-luận người phú hay là người bần, người quý hay là người tiện, người nào giữ được hai chữ cương-thường, như hiếu-tử trung-thần, nghĩa-phu tiết-phụ, tức là người có công với xã-hội, quốc-dân thường quý những người ấy như trời vậy; những người phá-hoại mất trật-lự, mất luân-lý, như những kẻ bất-trung, bất-hiếu, vô-nghĩa, vô-xĩ, cũng vô-luận người phú hay là người bần, người quý hay là người tiện, người nào dã như vậy, tức là

người có tội với xã-hội, quốc-dân ta thường cho những người ấy là đem thân áo mũ mà theo thói chim muông, đem thân ngọc ngà mà đội cửa đờ bần vậy.

Nay xét những sự hành-vi ở trong lịch-sử chúa Trịnh, đối với vua Lê thì có ý lấn láp, đối với Bản-triều thì có ý ghét ghen, đối với quốc-dân thì có ý giả-dối, trong mấy trăm năm, thường sây ra có những sự mắt không nỡ trông, tai không nỡ nghe, nước ta cái hồi chúa Trịnh cầm quyền, thực là cái hồi tam-cương quét sạch; cho nên cái phú qui của họ Trịnh, quốc-dân ta thường cho là cái phú-quí phù-vân; mà cái lịch-sử của họ Trịnh, quốc-dân ta thường cho là cái lịch-sử tội-quá.

Đến như lịch-sử ông Châu Canh thì lại càng khả-tích lắm; xét ra ông Châu Canh hiền-danh về đời vua Dụ-tôn nhà Trần, khi vua Dụ-tôn mới lên bốn tuổi, tết trung-thu, đem đi chơi thuyền ở Tây-hồ, ngã xuống nước, khi mò thấy vớt lên, thì chỉ còn hơi hơi thoi-thóp; vua Trần Hiến-tôn đón ông Châu đến chữa thuốc; ông nói: « Phải lấy kim mà châm lấy nước ra, thì mới có thể sống được, nhưng ngày sau chắc là phải bệnh dương-nuy. » Vua Hiến-tôn cho y phép thực nghiệm, rồi về sau quả-nhiên như vậy; vua Dụ-tôn tuy rằng có sống lại làm người, nhưng mà mặc người mưa Sở gió Tần, những mình nào biết có xuân là gì; song, cái phép chữa bệnh và cái lời đoán bệnh của ông Châu Canh, thực cũng ít có thay! ông vì thế mới nổi tiếng là quốc-thủ, được lĩnh chức Thái-y-sứ, phong tước là Quan-phục-hầu; sau vua Dụ-tôn lớn lên, ông lại hết sức tìm được phương thuốc hay đem dâng vua, vua cái bệnh dương-nuy lại khỏi, rõ thật bệnh quý lại có thuốc tiên, từ đó ông Châu Canh được vua yêu lắm, ngày ngày đêm đêm vườn thường coi sóc về việc thuốc thang ở trong cung, cho

phép xuất nhập được tự do.

Thương ôi ! có tài mà cậy chi tài, chử tài liền với chử tai một vần ; có tài mà không có hạnh thì cái tai-hại nó tức khắc đến ngay ; sau ông bị phải cái tội gian-dâm với cung-nữ ; vua Trần Hiến-Tôn bấy giờ làm thái-thượng-hoàng, giậu quá, muốn đem quốc-pháp luận vào tử-tội, để trừng-giốt cho những kẻ dâm-ô ; may sao vua Trần Dụ-Tôn nghĩ lại cho là kẻ có công với mình khi xưa, hết lòng che chở cho Châu-tiên ; Châu-tiên mới được sống sót.

Ông Châu-tiên ơi ! ông Châu-tiên ơi ! khi ông ở Trầm-sơn, ông ăn chơi đã chán những mầu dã-hoa đề-diêu ; khi ông vào Ngụy-khuyết, ông lại ham mê lấy được những vẻ cấm-thụ cung-oanh ; cười cho ông lắm ! tiếc cho ông lắm !

Xét ra, ông Trịnh - vương, vương đầy thật, nhưng mà có khuyết-diểm về nghĩa huynh - đệ quân thần ; ông Châu-tiên, tiên đầy thật, nhưng mà có ô-diểm về sự nam nữ ; cái công danh không đủ che được cái tội quá, cái tốt đẹp không đủ chuộc được cái xấu xa.

Vi có thể, cho nên quốc - dân ta nghìn năm về sau, đối với Trịnh-chúa đối với Châu-tiên, thường có ý hững-hờ có ý nhạt nhẽo, có ý xem thường xem khinh, ai cảm - tình đến, ai ca vịnh đến.

Cho mới hay nòi giống nước ta lương-tâm chửa mất, non sông nước ta chính-khi vườn còn ; cái phú quý ông Trịnh chúa là cái phú quý đảo điên, xiêu thể nào được nền hà-nhạc ; cái tài danh ông Châu - tiên là cái tài-danh phù-bạc, át thể nào được vẻ nhật-tinh ; thể thời cái đời kia ngày ngày chỉ có mấy con hàn-nha-xao-xác, cái lạng nọ đêm đêm chỉ có mấy con buynh-hoả lập-lòe ; mới xem thì cũng

lấy làm quái-lạ, nhưng mà xem lâu thì lại không lấy gì làm quái-lạ ; mới nghĩ thì cũng có ý phàn nàn, nhưng mà nghĩ lâu thì lại không có lẽ gì mà phàn nàn.

Chao ôi ! ông Châu ông Trịnh đã xong rồi ; quốc-dân ta từ giờ về sau, hoặc phái công-hầu, hoặc phái văn-sĩ, hoặc phái thực - nghiệp, hoặc phái thanh-tu, vô-luận là người phái nào, người nào đã biết yêu núi đi chơi núi, cũng nên nghĩ sao làm được vẻ-vang cho núi, làm được danh-dự cho núi, giá-trị cho núi.

Ký-giả lại nhân cái văn-từ-hầy còn u-uất, cái bút-y hầy còn chiền-miền, lại xin giải ra một nghĩa danh-sơn nữa.

Gẫm trong thế-giới xưa nay, phạm núi nào mà đã gọi là cái núi có trứ-danh ở vũ-trụ, không phải là vì núi ấy cao, núi ấy lạ, núi ấy lắm đá lắm cây lắm chùa lắm tháp, núi ấy lắm áo quần xe ngựa, lắm sĩ-nữ du quan mà trứ-danh đầu, chắc là vì kinh-qua có một hồi danh-nhân du-thrởng mà trứ-danh vậy.

Kia xem như núi Nghiễn-sơn, chẳng qua là một cái núi bé-nhỏ ở đất Trương - dương, chỉ vì có ông Dương Thúc-Tử lên đó bày cuộc đặng-lâm, mà núi Nghiễn-sơn trứ-danh với thiên-hạ ; lại xem như núi Kê-sơn, chẳng qua là một cái núi tầm-thường ở nơi Giang-tả, chỉ vì có ông Vương Hi-Chi lên đó làm hội tu-khế, mà núi Kê-sơn cũng trứ-danh với nhân-gian.

Xét ông Dương Thúc - Tử là kẻ danh-thần, cuối đời Tam - quốc đốc-quân ở Trương-dương ; đối với thời-thế, tuy rằng ra sức kinh - luân ; đối với quốc-dân, thì vườn tổ lòng thân ái ; trong mấy năm trời, phạm thi-vi chính-trị, chuyên về một sự làm ơn cho dân ; chẳng những làm ơn cho dân, lại làm ơn cho kẻ thù nữa ; khiến

cho quân Ngô cũng có cảm-tình, mà bảo nhau chớ nên xâm-phạm vào cõi Tấn ; khi việc quân thông - thả ông thường lên chơi núi Nghiễn - sơn ; ông lại khắc một cái bia, dựng ở trên núi, đề ông ký lấy chính-tích của ông làm ra bấy lâu ; sau ông mất, sĩ dân ở Tương-dương lên núi Nghiễn-sơn, xem đến chữ ở trong bia, ai ai cũng phải rỏ nước mắt, nhân mới gọi tên cái bia ấy là *Truy-lệ-bi*; người đời sau vào đến cõi Tương-dương, ai là chẳng hỏi núi Nghiễn-sơn mà thăm bia Truy-lệ.

Ông Vương Hi-Chi là người danh-sĩ đời Đông-Tấn, đã là người phong-lưu, hiền danh về nghề chữ ; lại là người tiết-hạnh, không là lướt với đời ; sĩ-phu đời bấy giờ, chỉ đua nhau tập về đường phóng-đạt, xô về thói Lão Trang, rồi lưu - tậ hoá ra con người chỉ nói hão bần huyền, mà chán đời nản việc ; ông thường lấy làm ghét và lấy làm thương ; ông nhân khi lên chơi núi Kê - sơn, cùng với quần-hiền, bày một cuộc nhả-hí, vịnh thơ trên non cao, thả chén xuống dòng biếc ở chốn Lan-dinh ; ông mới thảo ra một bài tự, gọi là *Lan-dinh-tự*, trong

văn chuyên giải về nghĩa tử-sinh, về cơ tu-đoãn, khúc-chiết kỹ-càng ; là ý bảo cho con người ta ở đời, nên cảm-tình với nước non, nên lưu ý cho thân-thể, chớ không nên bắt chước như ai những cái thói « Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, cảnh phù-du trông thấy cũng nực cười ; thói công đầu chuốc lấy sự đời, tiên khiên một vài ông lều lảo ; » bài văn ấy ở đời Đông-Tấn, thực là đặc-điểm, thực là một bài thuốc hay ; cho nên người đời sau chơi đến miền Giang-tả, ai là chẳng tìm núi Kê-sơn, mà khảo sự Lan-dinh.

Chao ôi ! thiên-hạ nhớ núi Nghiễn-sơn không phải là nhớ núi Nghiễn-sơn, là nhớ kẻ danh - thần ; thiên-hạ yêu núi Kê - sơn, không phải là yêu núi Kê - sơn, là yêu người danh-sĩ ; thế thời cái dấu vết kinh-cửu hoãn-đái kia, chẳng tỏ điểm cho giá trị Nghiễn-sơn lắm ru ! cái văn chương mậu-lâm tu-trúc nọ, chẳng lưu truyền cho vận sự Kê-sơn lắm ru !

Khải-định, nhâm-tuất, mộ-xuân,

Tùng-vân trai đạo-nhân

NGUYỄN ĐƠN-PHỤC ký

có ba bài thơ nghĩ-đề, phụ-lục như sau.

THƠ THẮT-NGÔN

Nghĩ-đề Tử-trầm-sơn Long-tiên-đông

1

Cảnh mới Hà-dông xem đồng này,
Yên-sơn hang cũ đây là đây.
Sao miền đề Chúc miền non Sở.
Mà cảnh chùa Hương cảnh chợ Thày?
Mấy gát rừng Tây phương Phật tí.
Thò êm sóng Hát nước Hằng đầy.
Chơi đây nơi giống rồng tiên cả.
Người hề hay thời núi cũng hay.

2

Có thợ trời kia có thợ người,
Có non có nước có người chơi.

Tôi om vào mãi bao cùng đất.
Sáng quốc trông lên chợt thấy trời.
Hỏi cuộc tang-thương đá không nói.
Xếp kho phong nguyệt túi còn voi.
Non xanh nước biếc ai tô-điểm?
Ai khéo đa-tình đề vị ai?

3

Vạch đá đề thơ nghĩ lại càng,
Nghìn năm trông xuống cũng nên
[dường.
Ghi rấm ba nét cùng sơn thủy.
Giải ngân dài tình với tuyết sương.

Hòn đá mặc dầu tay thợ ngọc,
 Tuổi thơ khôn bắc quả cân vàng.
 Đè rồi lên ngọn Vô-vi đứng,
 Ngảnh lại non Bồng quanh tấc gang.

Tùng-vân

Thơ lai cáo

Tri-dương ngâm-dàn dễ-từ
 Phâm lạ cứ gì bé cón con,
 Cảnh dương lại nầy mấy chồi non.
 Cửa huỳnh tranh sáng mười phân vẹn,
 Thêm quẻ đua tươi mọi vẻ tròn.
 Trân-trọng thứ đem so giá ngọc,
 Phâm đồ chi phải mượn mẫu son.

Vườn xuân xuân tới dầm mưa móc,
 Cây tốt như xưa đất vườn còn.

ĐẶNG THUẬN-KHANG

Họa lại

Hồ tiếng nhà to phận bé con,
 Tài thường trí non sức còn non.
 Cửa huỳnh gọi có đua phần sáng,
 Thêm quẻ xin theo học vẻ tròn.
 Tri-khi chút bầy giảm nét mực,
 Phâm-đề muôn đội một ngôi son.
 Ngọc vàng vàng linh lời khuyên dạy,
 Họa có người thấm hương hây còn.

LĂNG-VÂN DUONG TẮT-ĐẠT



Trời mưa sấm ồng cao quần,
 Hỏi cô bán thuốc nhà gần hay xa ?
 Thân anh đã xác như vờ,
 Đồng cân xin chị cho già chớ non.

HÀ I - V Ậ N

SỰ LẠ

Anh Vương, anh Lý cùng ngồi rồi, cùng nói chuyện cổ kim, nói hết sự thường, rồi lại nói đến sự lạ.

Hai anh mới tỉ-mỉ vẫn đáp với nhau rằng :

— Quả cam ngọt trái mùa lạ không ?

Món thịt đông mùa nực lạ không ?

— Không.

— Chú bồ-hồng kia, có tiền thì mua tiền cũng được ; á má hồng nọ, lắm mối mà tối vẫn nằm không ; cũng lạ đấy nhỉ ?

— Lạ gì những sự đó.

— Ông cừu ông cừu, ba mươi tết vợ còn đi chạy gạo, vớa rung dùi ngâm thơ ; ông tần ông tần, sức một tháng mấy chục bạc lương, vườn nợ như châu chồm ; lạ thật đấy nhỉ ?

— Lạ gì những ông ấy

— Đức thánh Quan-Lo-láo ra hàng giặc ; chú tiêu Kính rử rĩ ngồi ru con ; tiếng ti-bà bên thuyền Tư-Mã ; tên thực - nữ ở trên bảng tú-tài ; dễ cũng lạ đấy ?

— Xin cứ xét ra cho kỹ, chẳng lạ chút nào cả.

— Thế thì tàu bay lạ không ? vô tuyến điện lạ không ?

— Cũng không, thế-giới ngày nay, khoa-học tiến-bộ. đó là sự thường ; phạm sự trong thế-giới, cái gì cũng vậy, chỉ lạ từ khi mới phát-minh mới xuất-hiện ra mà thôi, còn về sau là sự thường cả, lạ gì mà lạ.

— Vậy thì Âu-châu chinh - chiến bốn năm trời lạ không ?

— Á-châu về hồi Chiến-quốc hồi Tam-quốc, chinh-chiến kể có mấy trăm năm ; Âu-châu về hồi vua Nã-phá-luân, chinh-

chiến cũng kể có hai mươi năm ; cuộc chinh-chiến ở Âu-châu mới đời có bốn năm, thiết-tướng cũng không lấy gì làm lạ.

— Ừ thì bà Triệu-Âu vú dài ba thước ; ông Lý Ông-Trọng thân dài hai trượng ; hẳn thật là lạ, thật là lạ !

— Lạ gì mà lạ ; đức Phật-bà cũng nghìn mắt nghìn tay, nữa là bà Triệu ; ông Bành-tô cũng nhân-trung dài tám tấc, nữa là ông Lý ; lạ gì mà lạ.

— Ô hay ! không có sự gì lạ nữa à ?

— Cổ kim còn khối sự lạ, chúng ta cứ vấn-đáp mãi cho đến kỳ cùng, rồi cũng đến sự lạ.

— Đời nhà Lý nước Nam ta khi xưa, bấy giờ có một cụ lớn, gọi là cụ lớn Thái-phó ; nửa đêm có một người bụng một mâm vàng, rõ thật đồ ỏi, cậy bà lớn nói với cụ lớn, để nhờ uy phước cụ lớn làm ơn cho một việc ; mà việc ấy lại là việc ở trong tay cụ lớn, nếu cụ lớn làm ơn cho, thì thật là dễ dàng quá, chẳng khó chút nào ; vả lại đêm-hôm ai biết đây là đâu ; thế mà cụ lớn tức khắc đuôi ngay cái đĩa bụng mâm vàng ấy ra, vàng đồ ỏi cũng mặc bà lớn, bà lớn nắn nít mãi cũng mặc bà lớn ; sự đó lạ không ?

— Chao ôi ! lạ lắm ! Xưa kia còn có người đi ăn cắp vàng giữa buổi chợ đông mà con mắt không trông thấy một người nào cả ; bởi vì ai trông thấy vàng mà chả híp mắt lại ; thế mà hoàng - kim không làm hắc được xích-tâm, cổ kim chưa thấy ai như cụ lớn Thái-phó triều Lý nước Nam ta bao giờ, lạ đó mới thật là lạ !

Người Nam ta mặc
tây-phục



Người Nam ta mặc
quốc-phục



DU' - LUẬN

Bản-chi tiếp được bài lai-cáo sau này, cứ y-nguyên-văn lục đăng cho rộng đường du-luận, và ước ao rằng người đã phát ra ngôn-luận thời phải nên thực-hành trước.

Một cái gương sáng nên soi

Xem báo Nam-phong thấy in trong đức Đông-cung hoàng-thái-tử nước mình mặc Âu-phục (áo quần tây) mà bỉ-nhân nhớ lại cái vấn-đề dịch-phục của người nước mình.

Vấn-đề này thật khó giải, nhưng càng khó thì lại càng nên lo nghĩ mà giải-quyết cho xong, vả lại việc gì lúc đầu cũng chẳng dễ.

Nhiều người chấp-nệ quá, cứ viện lấy chữ « bảo-tồn quốc-túy » mà bất cứ việc gì bàn đến cũng gạt phắt đi, nghĩ cũng nực cười ! cái búi tóc cu-cu, cái áo dài lụng-thụng nào khác gì đàn bà, cũng cho là quốc-túy, đánh tồ-tôm, hát ả đào cũng cho là quốc túy; thậm chí đem thân nô-lệ mà lạy ngược lạy xuôi, quì lên quì xuống, chiếc chiếu cạp dõ, cái áo thụng xanh, nào quì nào lạy, trên năng dưới bần, người ngoài cho là nhục cho nhân-cách, nào khác gì giống vật, vậy mà mình cũng cho là quốc-túy, cái roi đánh đầu, cái tát vào mặt, cũng cho là quốc-túy Than ôi ! nước mình quốc-túy nhiều thế há chẳng vẫn mình phú cường lắm ru !

Có người lại viện cớ nội-hoá, mà không bàn đến việc dịch phục -- Nhưng ta thử xét những y-phục của mình dùng bây giờ, phần nhiều là đồ ngoại-hoá cả; cái áo sa tây, cái quần vải trắng, ấy là của ai làm ra ? mà có lẽ các thứ hàng ấy, lại đắt hơn đồ Âu-phục nhiều.

Nhưng mà nói cho cùng lẽ, thì người Nhật người Tàu cũng dùng Âu phục cả, mà nội-hoá vẫn phát-đạt hơn mình.

Vả lại đến lúc người mình dùng tây-

phục nhi u, thì mình sẽ liệu lấy mà chớ ra vải dạ đề dùng, thì lại thêm ra được một nghề mới nữa cho nước mình, thì chẳng là có ích lắm ru. Có người nói rằng: Người mình mặc tây-phục xa hoa quá, khi đội mũ lệch, lúc đeo kính vàng, làm cho nhiều người phải chỉ-nghị đến, nhưng đó là số ít, vài ba người rởm đời, để làm trò cười, chừ nếu mình mặc tây-phục cho đứng đắn thì nghiêm chỉnh biết bao, xem như người Nhật, nào thấy ai cười.

Nói rằng toàn-quốc dịch-phục, thì thật không nên; nhưng những bậc thượng-lưu, trung-lưu nên dịch-phục trước để làm gương cho người dưới, nhất là các quan viên làm việc các toà các sở, các nhà thương-mãi, công nghệ, thầu khoán, các ông giáo-sư, các ông làm việc xe hoả, các cậu học trò, thường ngày giao-thiệp cùng các quý-quan lớn, thì mặc tây-phục tiện biết chừng nào không những là gọn, mà lại khỏi chướng mắt người ngoài, cái nhân-cách cũng có lẽ vì đó mà tăng lên đôi chút chẳng ? Câu này chắc có người nói rằng không vì cái áo mà tăng giá người, phải nhờ ở đường đạo-đức luân-lý mới phải, nhưng mà xin nghĩ kỹ lại cái vật chất văn minh vẫn để tô-điêm cho cái tinh-thần văn-minh, là lẽ cô-ngi-hiền, nước nào cũng vậy.

Búi tóc cu-cu, áo dài đến gót, mà ngồi nói chuyện cùng các quý-quan, thì cũng hơi lạ mắt thật !

Tôi có nhớ một hôm có một quý-quan ở Pháp mới sang, thấy người mình, nam

nữ ăn mặc giống nhau, thì bởi tôi rằng:
« Nước Nam sao nhiều đàn bà thế? »

Nói rằng bảo-tồn quốc-túy, thì cũng không khó gì, ngày thường ta mặc tây phục, nhưng đến lúc ngày tết ngày hội, ta lại mặc áo quần mình, cũng được, người Nhật cũng làm như thế.

Một lẽ nữa đáng dùng tây-phục, là xưa nay người mình bắt cứ việc gì, phong-tục gì cũng bắt chước người Tàu, ngày nay người Tàu dịch-phục đã lâu rồi, sao ta không bắt chước.

Vả từ Âu đến Mi, từ Nam chí Bắc ta thử nhìn kỹ mà xem, người các nước còn ai áo dài hai thước, quần rộng 50 phân, yếu-diệu như cô Kiều, dịu dàng như á Chức, ngắm cho kỹ cũng thái bình thật! Nếu đến lúc có việc nguy-cấp, lung thụng như thế, thì tính làm sao? và ta lấy một lý-tưởng cao xa mà xét thì cũng đáng buồn thay! Ôi! một dân-tộc hèn yếu, cho đến cách ăn mặc cũng nhu nhược!

Ta thử xem người Cao-miên, người Lào, nam nữ ăn mặc còn phân biệt, hưởng chi mình tự xưng là văn-hiến, mà lẽ nào cứ khư-khư thủ-cự, không biết theo nghĩa tùy-thời mà cải-cách hay sao?

Trong khắp toàn-cầu, có lẽ nào chỉ trừ nước ta là ăn mặc riêng một lối, để làm

cho lạ mắt người vạn-quốc. Hay là ta đợi một ngày kia có đấu-xảo người, để ta đem cái cách y-phục yếu-diệu dịu dàng như á Chức chị Hằng, mà hòng chiếm giải nhất chăng? Nếu đợi cho đến ngày ấy, thì tưởng cũng còn lâu vậy!

Bỉ-nhân bàn đến vấn-đề này, là vì lòng công-nghĩa, chớ không dám công-kích gì đến quốc-phục nước mình, vẫn là quý, là đẹp, là yếu-diệu, là thanh-tao, nhưng hơi không được hợp thời lắm thôi.

Cái vấn-đề dịch-phục nước Nhật đã giải quyết xong từ 50 năm nay rồi, tiếp đến nước Tàu cũng đã hơn 15 năm rồi, chỉ còn nước mình đợi đến ngày nào mới giải-quyết xong? Xin các bậc thượng-lưu trung-lưu quyết-định mà cải cách trước đi, cho người dưới theo sau.

Cái gương dịch-phục của Đông-cung Hoàng thái-tử nước mình, tưởng cũng đủ sán-lạn như mặt trời chiếu khắp trong nước, cho thần dân soi chung. Nước ta là một nước quân-chủ, theo gương người trên, há chẳng phải là tỏ lòng trung-ái đó ư?

Tiện đây xin in hai cái hình sau này, để ta dễ so sánh, cách y-phục nào hùng dũng hợp thời hơn thì ta theo.

Hoàng ái-Hương

THỜI-ĐẰM

Lễ khánh - thành cuộc đấu - xảo Marseille. — Cuộc đấu - xảo Marseille đã do quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư Albert Sarraut và quan Thương-mại-bộ Thượng - thư Dior khánh - thành vào giữa ngày lễ Pâques 16 tháng tư vừa rồi, rất là long - trọng, và đáng kỷ-niệm trong lịch-sử kinh - tế. Kể từ khi xong cuộc chiến-tranh đến giờ, lần này mới có một cuộc thịnh - điển to nhất ở bên Phò-răng-xô. — Kỳ-thủy vào hồi 11 giờ sáng các quan đại-hiến qui-quốc cùng với những bậc thân-hào ở các thuộc-địa và những đại-

biên trong báo-giới đến xem các phòng mĩ-nghệ, các rầy phố trong trường đấu-xảo. Các phòng mĩ - nghệ ấy đặc - sắc nhất là phòng mĩ-nghệ Provence có đủ các thứ châu-báu, trân-kỳ, các đồ công-xảo. Mỗi rầy phố là một nơi đại-biểu của một thuộc - địa nước Phò-răng-xô, đủ cả kỹ-nghệ, thổ-sản, cầm-tú, trân-kỳ, các chỗ kỳ - quan thắng - cảnh, các điển-tích về lịch-sử bang - giao, y như vẽ ra một bức tranh truyền-thần và một bức giáy chớp ảnh, những rầy phố thuộc - địa đặc-biệt nhất là rầy phố Levant, Madagascar

Afrique Occidentale, Cameroun, Afrique Equatoriale; nhưng mà to lớn nhất tinh-thần nhất là rẫy phố Đông-Pháp ta. Trong rẫy ấy có một cái phòng trưng-trong rộng 70 thước tây và 5 cái nhà phụ. Chung quanh lại bày ra mấy chỗ làng phố: nào làng Cao-miên, Ai-lao coi rõ ra cảnh nhà quê bên ta; nào phố An-nam đủ cả xướng thợ mộc, thợ đúc, thợ dệt, thợ khảm vân vân; nào vườn bách-thú đủ cả súc-vật tốt-đẹp và thảo-mộc kỳ-khôi bên ta. Ngoài các nơi ấy lại có nhiều rẫy hành-lang bày các cảnh đẹp bên ta như cảnh Đê-thiên Đê-thích, các đò cầm-tú châu-báu xứ ta, lại có những phòng bày ảnh các quan Toàn-quyền, đức cha Bá-đã-lộc (Eveque d'Adran), trường Bác-cổ, có đủ cả văn-thư điển-tích, vân vân. Các quan thân đại-biêu xem đến rẫy phố Đông-Pháp rất ngợi khen Đông-Pháp thực là một nơi thiên-phủ có đủ vật-hoa thiên-bảo, kỳ-xảo nhân-công, thực là một xứ vật thịnh của nhiều rất có hi-vọng về tương-lai. Nhất là quan Sarraut đối với rẫy phố Đông-Pháp ta lại mực-kích thấy những quang-cảnh tốt đẹp thì ngài lại nhớ đến khi đương trọng-nhiệm ở cõi Đông-Pháp. Lúc mấy ông đại-biêu về các đoàn - thể bên ta ra chúc mừng nhắc đến công - đức ngài khai - hóa bên ta và cái lòng nhớ ơn của quốc-dân ta, thì quan Thượng - thư Sarraut rất động lòng mà lại thêm sinh cảm-tình đối với Đông-Pháp ta.

Các quan-thân lần lượt xem đoàn, đến 5 giờ chiều là giờ làm lễ khánh-thành có đủ cả các quan-thân cùng các đại-biêu các nơi, các nghị-viên, các quan sở - tại và các ủy - viên cuộc Đấu-xảo đều thứ-tự đến dự cuộc, quan Thượng-thư Sarraut chủ-tọa làm lễ khánh-thành, rồi từ đấy cuộc đấu-xảo mở cửa cho thiên-hạ vào xem, thế là kỳ đấu-xảo này cách xa kỳ đấu-xảo lần trước là 16 năm (kỳ trước từ năm 1906), trước sau cũng là một cuộc đấu-xảo thuộc-địa, mà mục-dịch cốt đem phô-bày cái thế-lực của các thuộc-địa, cái kết-quả về công khai-hóa của mẫu - quốc mà cũng làm cho rộng đường giao-lễ thêm tinh-liên - lạc của Đại-Pháp đối với các thuộc-bang vậy.

(Lược dịch các báo bên France)

Hội chợ Hanoi năm nay. — Ngày 15 tháng năm tây năm 1922, hồi 10 giờ sáng hội-đồng tổ-chức cuộc Hội-chợ Hanoi (Comité d'organisation de la foire de Hanoi) đã họp tại phòng Thương - mại. M. Sauvage chánh phòng thương-mại làm chủ-tọa.

Hội viên qui-quốc thì có :

M. M. Aviat, Bazin, Bleton, Chenn, Du-claux, Emery, Hommel, Larrivé. Le Roy des Barres.

Hội-viên ta thì có :

M. M. Trần Văn-Thông, Bạch Thái-Bưởi, Lê Thuận-Khoát, Nguyễn Đình-Phúc, Sơn Xuân-Hoan,

Mấy ông hội-viên sau này có giấy cáo :

M. M. Daurelle, Robert, Hoàng Quang-Hương.

Các đại-biêu báo ta cùng các đại-biêu báo tây đến dự Hội-đồng gần đủ mặt.

Trước khi khai-nghị, M. Sauvage đọc một bài diễn-văn đại ý nói cái lịch-sử Hội - chợ Hanoi, cái duyên-cớ làm sao Chánh - phủ lại giao cho phòng thương-mại tổ-chức Hội-chợ và cách-thức Hội-đồng phải làm thế nào cho Hội-chợ chóng được phát-đạt.

M. Sauvage đọc xong bài diễn-văn thì Hội-đồng bầu tòa trị-sự và ba ban tiêu - hội-đồng là :

a) Hội-đồng coi về việc tổ-chức (Commission de la réglementation), Hội-đồng coi về việc quảng-cáo (Commission de la publicité), Hội - đồng coi về việc nhà cửa (Commission des voies et bâtiments).

Bầu cử xong thì Hội-đồng quyết-định :

a) Cứ mỗi năm Hội-chợ sẽ mở tại Hanoi từ ngày 1er cho đến ngày rằm tháng chạp tây.

b) Các nhà công thương không ở Hanoi mà đến dự cuộc Hội - chợ thì tiền lộ - phí nhà nước chịu cho và mỗi ngày lại được 10 \$ để chi phí.

M. Sauvage lại định sẽ thương-lượng với các phòng Thương - mại Trung - kỳ, Nam-kỳ Cao - mên đề lập mỗi xứ một ban tiêu-hội-đồng tùy thuộc về hội chánh ở Hanoi. Hội

chánh cũng sẽ nhờ cả quan Khâm-sứ Ai-lao giúp việc cố-động cho Hội-chợ nữa.

Hội-đồng bàn định đến hơn 11 giờ mới giải-tán.

Thế là năm nay nhờ phòng Thương-mại, Hà-thành ta lại có Hội-chợ, vì năm ngoái Chính-phủ đã định bãi hẳn.

Sự bãi đi đó cũng là tại người mình không hiểu sự lợi ích của Hội-chợ. Xem như năm đầu thì vui vẻ thế nào mà mấy năm về sau thì kém sút đi như thế nào thì đủ rõ. Chánh-phủ mở ra Hội-chợ không quản tốn phí, cốt để mưu sự công - ích cho ta mà ta lại coi thường, nên năm ngoái Chính-phủ định bãi đi. Nay phòng Thương - mại Hanoi lại xin Chánh-phủ cho phòng ấy đứng chủ-trương lấy cuộc Hội-chợ. Mong rằng quốc-dân ta nên đề tâm vào việc ấy chứ đừng hững hờ như trước nữa thì công thương nước nhà may lắm đấy; Hội-đồng tổ-chức Hội-chợ nên trù tính thế nào cho giá những gian nhà chứa hàng-hóa giảm đi được thì lo gì Hội - chợ chẳng được vĩnh-viễn và chẳng được chóng phát-đạt hơn xưa.

Ngự giá Âu du. Trong số Nam-Phong 57 bản-chí đã kính - lục bài châu-dụ về việc ngự-du sang Pháp; nay Hoàng-thượng ta đã cùng với Đông - cung Hoàng-Thái-tử và quan Khâm-sứ Pasquier ngự-giá xuống tàu Porthos ở Tourane vào ngày 20 Mai 1922 tức là 24 tháng tư ta. Các quan hộ-giá thì có quan Đông-các Nguyễn Hữu-Bái, quan Tả-tôn-khanh Bửu-Phong, hai quan Ngự-tiền-hộ-giá Bửu-Trác và Nguyễn Hữu-Tiến, quan Ngự-tiền-thông-sự Thái Văn-Toản và quan Hồ Đắc-Ung, quan Đông-cung-phụ-đạo Lê Nhữ-Lâm, quan Nội-các Phan Xuân - Hiên và Cao Xuân-Tiểu, quan Cận-tín-lang-trung Lê Minh-Điền, quan Thuộc - viên Nguyễn - Phiền. Trong số các quan ấy chỉ có 5 quan : 1. quan Nguyễn-hữu-Bái, 2. quan Nguyễn-hữu-Tiến, 3. quan Bửu-Phong, 4. quan Thái văn - Toản, 5. quan Bửu - Trác, là chính vào chầu hộ-giá, được theo Hoàng-thượng dự các khánh-tịch; còn các quan viên khác là đi trông nom hộ-vệ ngự-giá

và đi phò Hoàng-Thái-Tử. Khi Ngự-loan xuống tàu, các quan văn võ trong Triều, các hoàng-thần tôn-thất, các thân-hào ra tiễn ngự-giá rất đông; dọc đường quan dân lũ lượt ra bái-yết rất long - trọng vui vẻ. Lại có nhiều quan đại-thần hoặc đi đường thủy hoặc đi đường bộ tiễn ngự-giá đến Sài-gòn, mới trở về. — Đến 22 Mai thì tàu Porthos tới Sài-gòn quan Thủ-hiến Nam-kỳ Cognacq cùng các hàng quan thân bản-xứ ra nghênh-tiếp chập cả bến tàu. rất là trọng-thề. Nhân tàu Porthos đỗ lại Sài - gòn mấy hôm, Hoàng-thượng tạm đình - loan tại phủ Toàn - quyền. Quan Thống-dốc Cognacq thiết đại - yến hoan-nghênh Hoàng-thượng có hơn 50 quan thân đến dự tiệc. — Đến 25 Mai Ngự-giá lại xuống tàu từ Sài-gòn sang France. Thế là Ngự-giá đã dòi đất Việt Nam ta mà xuất-duyng, tức là một cuộc du-dự từ xưa các đời vua chưa từng có bao giờ. Bản-chí xin cùng quốc-dân kính chúc thánh-thề vạn-an.

Trường Thê-dục Nguyễn Quý-Toản. — Trong số báo tháng trước, bản-chí đã nói về lịch-sử trường Thê-dục của ông Nguyễn Quý-Toản lập ra tại Hà-thành. Nay nhân ngày thứ năm 18 tháng năm tây vừa rồi ông Toản có mời quan Thống-sứ Bắc kỳ và các Đại-biêu trong báo giới đến xem trường, nhân dịp ấy được mục-kích thấy trường Thê-dục thực là một nơi thành-thang mát mẻ, có cái địa-thế trở nên một trường thao-luyện lớn-lao. Lại thấy học-trò cùng nhau thao-luyện đua sức khoe tài, nhiều người am - hiểu cả lối quyền tây và lối quyền tàu, trông ra có vẻ lanh-lợi; cũng có nhiều người cần-cốt cứng-cáp, thân-thể vạm-vỡ, trông ra có bộ mạnh-mẽ. Nguyên trong chương-trình ông Toản lựa theo cả lối thê-thao Á-Đông và lối thê-thao Thái-Tây, nên giáo-sư vừa có thầy tây vừa có thầy ta. Thầy tây thì toàn là các ông cai đội nhà binh, phần nhiều đã thạo nghề thê-dục; thầy ta thì đặc-sắc nhất là ông Trịnh Văn-Hội, sức vóc mạnh-mẽ, quả sắt nặng 80 ki-lô,

nhắc lên như bốn, đứng ra hiệu giờ tay dạy một lũ học trò thanh-niên coi như một viên kiện-tướng chỉ-huy một đoàn đồng-lốt; bởi ông Hoi có cái tài thể-thao ấy, nên đã được quan Thống-sứ ngợi khen; quan Thống-sứ lại khích-khuyến ông Toàn nên vững lòng mở mang cho trường Thể-dục mỗi ngày một thêm phát-đạt. Các bậc thanh-niên trong Hà-thành ta chắc ai cũng tai nghe thấy nói có trường Thể dục, nhưng nhiều người mắt chưa ngó thấy trường Thể-dục bao giờ. Nếu có thì giờ ai cũng nên đến đó mà thao-luyện mỗi ngày được độ vài khắc đồng hồ, cũng đủ làm cho giải-tĩnh cái sự uất-ức vì những khi làm việc nhiều về trí khôn. Nước ta từ trước chỉ thiên về nghề văn-nhược, bây giờ vì sự theo đòi tân-học phải kịp niên-hạn, vì đường kinh-doanh sự-nghiệp, phải cực-lực cạnh-tranh, bởi thế người đi học thì chỉ suốt năm dùi-mài cho chóng thi đỗ, người kinh-tế thì chăm việc đến nổi bất-phân mộ dạ. Nhưng không biết rằng nhà đi học phải có sức mạnh mới đảm-dang được sự-nghiệp lớn, nhà kinh-tế phải giữ người khỏe mới gánh vác được công cuộc to. Kia như các nước văn-minh có lẽ « lặn - quốc - giải - binh » nên quốc-dân ai cũng biết võ-ngệ. Lại như người Thái-tây dù già dù trẻ, dù giàu dù nghèo thường ngày cũng có đánh bóng, đá quần dè vận-dộng cho khỏe người, tiêu - khiển cho giải-trí. Nói đến nước ta, lâu nay từ khi Triều-đình thời việc thi võ, bao nhiêu những bậc thiếu-niên anh-tuấn chỉ nung nấu trong trường văn-học, thành ra người chất yếu thì bị bệnh đau tức ho lao, người chất khỏe tuy vô bệnh, song chân tay cũng yếu ớt, trông người chỉ thấy xương không thấy thịt, chỉ có trí sáng mà không có sức mạnh. Ôi ! ai chả biết bây giờ đương buổi thay cũ đổi mới, ta phải cố công củng sức mới chiếm được một địa-vị trong xã-hội, nhưng lại phải có sức mạnh-mẽ, thì trước là mới thi-thố được cái sức học của ta ra với đời, sau là mới bảo-toàn cho nội-giống được tráng - kiên. — Nói tóm là người nước ta từ xưa chỉ thiên-trọng

về đường trí-dục đức-dục, mà bỏ hẳn đường thể-dục. Bây giờ ta nên tỉnh-ngộ, đời ta đã trót thì nên khuyên bảo cho con em ta, thế nào phải đủ trí-dục, đức-dục, thể-dục mới là hoàn-toàn. Vì lẽ ấy tưởng các bậc thanh-niên nên chú ý về sự thể-dục, các nơi đều nên xin phép quan trên mở ra một trường thể-dục như trường ông Toàn. Phạm người ta khởi-phát ra làm việc gì nếu chỉ vì đường tư-lợi mà làm, thì không ai khen; thế mà khuyến-hướng vào cái mục-đích công-ích, thì ai cũng mến. Ấy chú ý ông Toàn vì muốn đem chút công-tâm giúp một phần công-ích cho xã-hội. Bởi thế trường Thể-dục của ông mới mở có 4 năm nay mà đã được nhiều quý-quan gia tâm khuyến-trởng, mà đồng-bào ta cũng nhiều người hoan-nghênh vậy.

Việt-Nam-thanh-niên hội (Foger des Etudiants Annamites). — Chủ - nhật 21 tháng năm tây vừa rồi hồi 8 giờ tối quan Monet là nhà sáng-lập ra hội Việt-Nam thanh-niên có diễn-thuyết tại hội-quán hội Khai-trí tiến-đức; người đến nghe diễn rất đông; qui-quan thì có quan cai - trị Marry phủ Toàn-quyền, quan giám-đốc học-vụ Mus và qui phu-nhân, quan đốc-học trường Sư - phạm Pajarniscle và qui phu-nhân..... Các học-sinh thì có học-siuh các trường Cao - đẳng Trung-đẳng Trước hết quan Monet cảm ơn các nhà đến thính-giảng, rồi liền giảng diễn nói công cuộc của quan Toàn-quyền Sarraut khai-hóa xứ này rộng mở ra nhiều trường học là sở-dĩ muốn dẫn cho người An - Nam dần bước vào con đường văn-minh học-thức Thái tây mà tiêm-nhiễm lấy, thực-hành lấy những điều hay, để bồi-ích ngay cho người Việt - Nam; song trong các học-trường không thể dạy hết được cả mọi điều, bởi thế hội Việt-nam-thanh-niên mở ra là cũng noi ý tốt của quan Sarraut mục-đích muốn giúp các học - trường, bổ - cứu những điều khuyết-điểm, không có can-thiệp gì đến việc chính-trị và tôn-giáo..... Đoạn rồi quan Monet nói về chương - trình định làm và tỏ bày về những công việc đã làm từ khi mới bắt-đầu sáng-lập. Quan Monet lại nói

hội Việt-Nam-thanh-niên đương buổi ban đầu này nhất là được mong-ora quan cai-trị Marty có lòng ân - cần đến Hội và cũng nhờ có sự tận-tâm của M. Tài là hội-trưởng. Nhưng mà Hội chưa được phát-đạt lắm có lẽ là vì nhiều người nghi - hoặc về cái mục-dịch của Hội; quan Monet nói ý người nào yên trí như thế là chỉ tự mình tưởng-tượng ra, chớ kỳ - thực thì mục - đích của Hội rất cao-thượng, trước sau chỉ cốt lấy đạo-lý làm căn-bản. Quan Monet khi nói rất có khi-phách hùng-biên, bởi vậy nói xong cử-tọa vô tay hồi lâu. Rồi ai nấy ra về đều lấy làm như thể thì sau này thanh-niên Việt-Nam sẽ được nhờ về cái tư - tưởng cao - thượng, cái độ-lượng rộng rãi của người Français (Phò-răng-xe) vậy.

Lễ Hưng - quốc khánh - niệm. — Lễ Hưng-quốc-khánh-niệm, là lễ kỷ - niệm đức Cao-hoàng ta đại-dịnh nhất-thống Nam Bắc năm nhâm - tuất (1802), kể từ nhâm - tuất ấy đến nhâm-tuất này vừa đúng trăm hai mươi chu-niên; năm nay đức Hoàng-thượng ta có giáng dụ trích khoản tiền để làm lễ truy-niệm cả đức cha Bi-nhu quận-công Bá-đa-sơ (Evêque d'Adran) và các Pháp - tướng sang giúp đức Cao - hoàng ta khi trước tại nhà thờ phủ Cam trong Huế. Thực là một lễ thịnh-diễn, nên các tỉnh nhiều nơi làm trọng-thể lắm. Hà-nội thì nhất là ở nhà hội - quán Khai-trị Tiểu-đức, chung quanh nhà cờ vàng cờ tam-tài treo lên xau xát, trên mái thì đèn điện thấp sáng trưng như sao sa, rõ tỏ ra cái vẻ một ngày kỷ-niệm chung của quốc - dân ta vậy.

Cuộc công-thải Đông-Pháp. — Kỳ rút số lần thứ nhất 1er Juin 1922. — Ngày 1er Juin đúng 8 giờ sáng, Hội-đồng coi về việc rút số trong cuộc công - thải Đông - Pháp 6 triệu đồng đã bắt đầu họp tại phòng hội-đồng tòa Đốc-ly Hà-nội, có quan chánh sở Tài-chính Dètioux làm chủ-tọa và quan Tổng - đốc Lê-Trung-Ngọc, quan chủ-sự sở Ngân-kho Géhin làm hội - viên, M. Beau ở sở Tài - chính làm thư-ký. Công - chúng đến xem rất đông, khi các quan hội-đồng đến đủ mặt thì bắt đầu rút số (1).

Người được số 10.000 \$. — Cái số nhất một vạn đồng về kỳ rút số lần thứ nhất ngày 1er tháng sáu tây vừa rồi về tay ông Lê Văn-Thoan được trúng; ông Thoan là giáo-học ở Hà-Giành (Trung-kỳ); khi ông mua trái-phiếu số 49.042 là lấy ở tiền lương đã được lĩnh trước mà mua.

Bản-chí lấy làm vui lòng mà chúc-mừng ông Thoan đã được dịp may-mắn là thường trúng số nhất ấy; mong rằng cái diễm-phúc tự-nhiên của Hoàng - thiên đưa lại cho ông Thoan như thế sẽ làm cho ông và hạp-quyển được vinh hưởng lâu dài. Ngay lúc mới được tin trúng số, ông Thoan đã tổ-tầm hăng-tâm sẽ đem một phần về cái số của ông mà quyên-trợ vào các hội từ-thiện. Đó thực là một nhà học-thức trong đồng-bào ta biết đem cái tiền về sự hạnh-phúc riêng của mình mà làm phúc chung cho cả sự công-ích trong xã-hội. Thế mới biết người được hưởng hạnh-phúc phần nhiều là người có hăng-tâm!

Thảm - trạng phía Nam nước Tàu. — Trong số báo tháng trước bản - chí đã đăng bức thư lai-cáo nói về thảm-trạng phía Nam nước Tàu. Nay lại thấy báo France - Indochine số ngày 2 Juin 1922 cũng đăng một tin tương-tự như thế, vậy thời cái tin của bản-chí đăng trước chắc là tin đích - thực. Báo France - Indochine nói có một người phóng-sự của các báo Hương - cảng, có viết thư về cho các báo ấy kể cái cảnh-trạng thê - thảm hiện người ấy mục - kích thấy ở chỗ Tôn-Dật-Tiên đương đóng đại - quân sắp sửa đi đánh phía Bắc. Trong thư viên phóng-sự ấy nói đại-ý như sau này: «Tôi đến Thiệu-châu từ hai hôm nay, nhân thế tôi được mục-kích cả mọi sự. Về đường kinh-lý làm ăn thì trong thành phố không thấy hoạt - động hình như chỉ chĩa ngồi đóng cửa bó tay, các nhà tư và các cửa hàng thì bị binh lính đóng hết cả Mà lính thì coi như hình cu-li, phần nhiều chả có binh-khi binh-phục gì cả. Trong quân tuyệt-vô - kỷ - luật, chỗ nào cũng công-nhiên mở sòng cờ-hạc, bày bàn thuốc phiện. Quân đi đến đâu cũng chỉ những - nhiều, bắt dân làm cu-li vận - tải, chẳng khác gì quân ăn cướp. Trông thấy lương-dân bị những quân - lính tàn bạo nó hành-hạ thực là đau lòng. Ấy đương lúc mới xuất-quân, mà quân lính đã hoành-hành vô-đạo như thế, sao các tướng-hiệu chỉ cứ nhắm mắt làm thính, thế mà bề ngoài vẫn công-nhiên xưng với thiên - hạ rằng: dấy binh để đi cứu nước Tàu. Lại thật! »

(1) Các số được trúng về kỳ này có in ra hai trang đính theo sau trang này.

TẬP KỸ-YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Kỳ Đại-hội-đồng hội Khai-trí Tiến-đức.
— Ngày 18 tháng tư năm Khải-Định thứ sáu tức là ngày 14 tháng năm tây năm 1922, các hội-viên hội Khai-trí Tiến-đức họp Đại-hội-đồng tại nhà hội-quán ở phố Hàng-trống, Hà-nội.

Những ông hội-viên kê tên sau này đến dự hội đồng : M. M. L. Marty, Hoàng-Trọng-Phu, Trần-Văn-Thông, Nguyễn-Hữu-Thu, Từ Đạm, Lê-Trung-Ngọc, Mai-Trung-Cát, Bạch-Thái - Bưởi, Lê Văn - Phúc, Nguyễn-Tất-Tế, Nguyễn-Quy-Toản, Đỗ - Thân, Nguyễn-Hữu-Hàm, Trần Văn-Có, Ngô Văn-Hóa, Trần Văn-Thư, Vũ Công-Nghi, Trần Đình-Thám, Nguyễn Văn-Kính, Nguyễn Văn-Nho, Nguyễn Hữu-Phái, Bạch-Thái-Sơ, Nguyễn Văn-Tâm, Trương Minh-Sách, Phan Văn-Đại, Nguyễn Văn-Luận, Lê Nguyễn-Úc, Nguyễn Đỗ-Mục, Lại Đức-Vị, Phạm Huy-Lục, Lê Văn-Hiền, Phạm Văn-Thư, Ngô Tiến-Cảnh, Mai Du-Lân, Mai Thạc, Hoàng Quang-Hương, Lê Văn-Thư, Dương Tự-Nhu, Bùi Đình-Tả, Nghiêm Xuân-Quảng, Đặng Đức-Cường, Nguyễn Thừa-Viễn, Nguyễn Tiến, Hoàng Hữu-Đôn, Hoàng Tam-Đa, Trần Trọng-Kim, Nguyễn Hữu-Tiến, Trần Văn-Điền, Lê Thành-Ý, Lê Văn-Tại, Vy Văn-Lam, Nguyễn Quang-Hoặc, Vũ Đình-Chung, Nguyễn Hữu-Quy, Lương Hữu-Nhân, Nguyễn Văn-Kỳ, Năm Sinh, Nguyễn Hữu-Ngôi, Nguyễn Văn-Thị, Đỗ-Thận, Nguyễn Xuân-Hà, Phùng Huy-Bích, Lê Văn-Chạo, Bùi Mạnh-Hợp, Nguyễn Ý-Cử, Nguyễn Hữu - Kiến, Trần Duy - Cát, Nguyễn Hữu-Lộc, Từ Bộ-Thực, Nguyễn Văn-Ất (Sư ông), Nguyễn Đức-Thăng, Hoàng An Trần Văn - Nghiêu, Vũ Đức-Dôn, Trần Văn-Phùng, Hoàng Ngọc-Chi, Nguyễn Đức-Đôn, Phạm Quan-Điện, Nguyễn Khắc-Cần, Dương Bá-Trạc, Nguyễn Bá-Chính, Lê Hiền, Nguyễn Thành, Hà Duy-Thăng, Nguyễn Diệp-Quảng, Nguyễn Chuẩn, Nguyễn Năng - Quốc, Trần Thọ - Huy, Nguyễn Gia - Huy, Nguyễn Văn-Quyển, Nguyễn Lan - Hương, Phạm Văn-Duyệt, v. v. .

Những qui-quan có chân hội-viên đến dự hội-đồng là những ông này : M. M. Morché, Dr. Coppin, Mue Ball-leuf, Saboya, monet.

Những ông có tên sau này có gửi giấy cáo : M. M. Trần Trinh-Trạch, Vũ Ngọc-Hoành, Lương Văn-Mai, Sa Văn-Minh, Nguyễn Trọng-Tước.

Ông Nguyễn Quy-Toản là quyền Tổng-thư ký giữ việc giấy-má trong kỳ Đại-hội-đồng.

Đúng 8 giờ rưỡi, quan Hoàng Trọng-Phu là Hội-trưởng lên diễn-đàn đọc bài diễn-văn sau này :

Thưa các ngài,

Lần này hội Khai-trí-tiến-đức ta mới là lần thứ nhất họp đại-hội-đồng tại nhà Hội-quán này, là hội-quán của ta. Trước hết tôi xin tỏ lòng hoan-ngiênh các ngài và thấy các ngài đến dự-hội ở đây được đông đủ, tôi lấy làm cảm-khích vô-cùng.

Tôi không phải nói các ngài cũng đã biết rằng trải bao nhiêu nỗi khó - khăn mới lập nên được nhà Hội-quán này ; nào là tìm sao cho được một khu đất phong-quang trung-độ ; nào là trừ - khoản sao cho được nhiều tiền , nào là khởi việc kiến - trúc cho thành-công ; nào là sắm sửa trang-hoàng cho lịch-sự..... ; bởi thế nay chúng ta trông thấy nhà Hội-quán này nở cửa ra, thì chúng ta lấy làm vẻ - vang cho Hội ta lắm. Tôi xin thay mặt Hội-đồng-quản-trị tỏ cùng các ngài mấy lời sau này :

« Thưa các ngài, Hội ta bấy lâu đã làm được những công việc gì, tưởng các ngài đã rõ ; các công việc buổi ban đầu đã trông thấy thành - hiệu thì chúng ta cũng có thể quyết được rằng cái mục-dịch đã nói trong điều-lệ, rồi ta cũng cứ lấy một lòng kiên-nhẫn theo một phạm-vi quảng-đại mà kế-tiếp làm cho khuếch-trương mãi ra.

Các nhà sáng - lập ra hội Khai-trí-tiến-đức này ai cũng bảo rằng cái công-cuộc của Hội ta là một công-cuộc phải tính lâu năm, không phải tính tháng tính ngày mà vội-vàng nóng-nảy làm ngay được. Bởi thế từ bấy đến nay Hội-đồng quản-trị chúng tôi vẫn nói với các ngài rằng hãy tin-cậy chúng tôi ít lâu rồi mới trông thấy công-hiệu. Bây giờ cái công-hiệu ấy đã hiển-nhiên trông thấy trước mắt, vậy Hội-đồng quản-trị mới được bày ra đây lại xin các ngài cứ vững lòng tin-cậy để cho chúng tôi làm cho trọn cái công - hiệu buổi ban đầu này. Trước khi chúng tôi trình các ngài về những công việc Hội sẽ làm sau này, tôi xin theo ý phần nhiều các ông hội - viên xin thuật lại cái lịch-sử và nhắc lại cái mục-dịch Hội ta xem nay đã đạt tới đến đâu.

Các ngài ai cũng nhớ rằng Hội ta xuất-hiệu ra chính vào một thời - kỳ rất nên kỷ-niệm là tháng tư năm 1919.

Hồi ấy quan Toàn-quyền Sarraut đang

trong - nhiệm ở đây. Ngài đã thi - hành cái chính-sách minh-trị. mà tỏ lòng yêu mến dân An-Nam, ai cũng đáng nên ghi công nhớ đức. Ngài đã đề-xướng lên một chủ-nghĩa khoan-nhân từ-huệ, muốn cho nói-giống quốc-dân ta noi theo cái tiền-đồ tri-thức, kinh-tế, mà biết đường tự-trị. Bây giờ đã đến hồi vang chuông cảnh-tỉnh, ai đã là người biết đạo-lý cũng phải khâm - phục cái chính - sách tối-jương của nhà-nước Bảo - hộ, ấy ngày nay cũng nhờ qui Bảo - hộ, nước ta mới thoát khỏi cái sự nhiễu-loạn vô-chủ nó đương làm cho lân-bang ta là nước Tàu phải rất nổi làm-tham, chính đương vào một hồi thảm-sử. Không những rằng ta được thoát khỏi cái vòng nhiễu-nhuong ấy, mà thôi đâu, lại còn nhờ qui-Bảo-hộ khai-hóa cho ta: nào là lập trường Cao-đẳng, nào là định lại học-qui theo một cái phạm-vi rộng-rãi; về đường kinh-tế thì từ-phương tài-sản đều thâu-tập vào nước ta; và lại nữa sau khi Đại-Pháp toàn-thắng làm cho mỗi tỉnh Pháp-Việt ngày thêm bền-chặt, khiến cho ta sẽ trông thấy cái thời-kỳ con Hồng cháu Lạc về - vang phát - đạt - về tương-lai này.

Nhất là những người đã được hưởng cái hạnh-phúc về buổi tân-thời-đại này và những người nhân có địa-vị có tư-cơ mà được chiếm cái thế-lực ở trong xã-hội này, ai cũng nghĩ rằng nhà nước đã có công làm cho ta hồi-tỉnh cái giấc mê-mộng ngàn năm, xưa nay mình chỉ biết diêm-nhiên mà hưởng cái địa-vị cái thế-lực của mình; các người ấy đã sẵn có thế-lực có tư-cơ, có thì giờ mà lại gặp được cái thời-kỳ may mắn có thể cùng nhau kể giúp công người giúp của mà lập nên một cái cơ-quan để giúp đỡ Chánh-phủ về đường giáo-dục; để thực-hành câu phương-ngôn : « Tự - trợ thiên-trợ », và để khích - khuyến cho đồng-bào ta, nhất là cho người được hưởng hạnh-phúc biết rằng quốc-dân ta phải có sức mạnh-miễn thì mới có thể giúp đỡ Chánh-phủ ban-bổ giáo-dục khắp chốn dân-gian.

Vì thế mới phát-khởi ra cái chủ-nghĩa rất cao-thượng là phải dựng nên một công-cuộc có quan-hệ cho xã-hội ta, tất cả các bậc thượng-lưu trong nước ai cũng phải gánh lấy cái trách-nhiệm ấy, thượng-lưu nước nào cũng vậy, mà nhất là thượng-lưu nước ta đương vào lúc thời-kỳ đổi cũ thay mới này, lại càng phải cố-gắng hơn.

Cái chủ-nghĩa ấy, lúc mới đem ra đàm-đạo trong chỗ thân-giao thấy nhiều người khoan-nghênh, tưởng có thể thực-hành ngay được. Nhưng thưa các ngài, « *ngôn dị hành nan* ». Nào là trước hết phải có tổ-chức, phải có chương-trình, nào là phải gây nên một cơ-sở vững-vàng. Bấy nhiêu công việc hồ dễ một hai ngày một hai tháng mà làm xong được đâu. Thế tất phải tinh hàng năm, phải có thời-giờ, vì thời-giờ là cái trình-hạn để cho người ta trú-tĩnh được công kia việc nọ. Bởi thế làm việc gì cũng phải có một cái thời-kỳ định-tĩnh để dự-bị rồi sau mới bành-trướng ra được. Cái thời-kỳ ấy như Hội ta đây phải dự-bị đến ba năm, tôi xin nói quyết với các ngài rằng nếu các ngài ai cũng nhiệt-thành, và các bậc anh-niên đồng-đức ở chung quanh đây ai cũng tự-tin rằng Hội ta mà tôi được cái thời-kỳ đại-hoạt-động là tự-tại mình, thì lo gì mà không chóng tới mục-dịch.

Vừa rồi tôi đã nói rằng Hội ta xuất-hiện vừa hồi tháng tư năm 1919 là khi quan Toàn-quyền Sarraut sắp phân-bồi qui-quốc. Khi bấy giờ chúng tôi có đem tỏ bày cái ý dự-định về việc lập Hội, thì quan Toàn-quyền Sarraut lấy làm vui lòng mà chuẩn-hứa. Hội ta mới khởi-xướng ra mà đã được quan Thủ-biến Đông-Pháp sẵn lòng bảo-hộ cho thì còn hân-hạnh gì bằng, vì thế, trước khi thành-lập, các nhà sáng-lập đã công-bổ về sự lập Hội và đem chức danh-dự-hội-trưởng dâng ngay quan Sarraut đại-nhan. Cùng về hồi ấy, ngày 27 tháng tư các nhà sáng-lập lại bày ra một lễ long-trọng tại nhà Văn-miếu, có đủ mặt các đại-biêu quốc-dân An-Nam, để tỏ lòng biết ơn của toàn-thể quốc-dân ta đối với cái chánh-sách nhân-tử của một nhà đại-chánh-trị là quan Sarraut.

Nhân dịp ấy là ngày Hội ta mới phát-sinh, quan Toàn-quyền Sarraut có đọc một bài diễn-văn rất quan-trọng, trong bài ấy ngài đem cái tài đại-ngôn-luận mà tỏ rõ ràng cho ta biết cái chính-sách minh-trị của nhà nước Bảo-hộ. Ta xem lại bài diễn-văn ấy thì biết quan Toàn-quyền Sarraut đã thâm-hiểu rằng muốn cầm vững cái quyền thống-trị trong nước, không những

phải cần có cái sức mạnh về đường vật-chất mà lại phải có cái sức-mạnh về đường tinh-thần. Cái chính-sách ấy thực-hành trong bấy lâu nay, tuy không khởi có người phản-đối, song nay đã thấy kết-quả rõ-ràng, thì ai cũng phục là một cái chính sách hay tuyệt-phẩm, mà chính-sách ấy bây giờ các quan Bảo-hộ ai cũng công-nhận rằng phải nhờ ở cái lòng biết đạo-lý của nòi-giống Việt-Nam ta đã sẵn có từ xưa đến nay, trái biết bao thế-kỷ.

Cái lòng biết đạo-lý ấy, Hội ta há lại không sẵn có hay sao; nếu không, sao lại được Chính-phủ đủ lòng tin-cậy?

Ấy bởi Hội ta có bản-linh như thế, nên sau ngày trọng-lễ 27 tháng tư năm 1919 giờ đi, số người vào Hội mỗi ngày đông một cách lạ-lùng. Bấy giờ chúng tôi có dự-thảo một bản điều-lệ đem trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt-y ngày 16 tháng hai năm 1920; điều-lệ ấy vẫn thi-hành đến giờ. Ấy là tự bấy giờ Hội ta đối với pháp-luật đã bắt đầu xuất thế.

Nhưng mà nào đã xong đâu, khó-khăn nhất là lúc đem thực-hành cái chương-trình của Hội. Chương-trình ấy các ngài cũng đã biết, có phải chỉ hẹp-hòi về một phương-diện nào đâu; phải bao-hàm biết bao công-việc đồng-thời thi-hành, để cho đạt tới cái mục-dịch chung là cái mục-dịch « Khai-tki tiến-đức cho xã-hội Việt-Nam ngày một thêm mới ».

Kỳ-thủy chúng tôi hết sức thực-hành cái điều thứ ba trong chương-trình định rằng phải lập một nhà hội-quán tại hà-nội cho thật tráng-lệ để làm nơi hội-nghị. Kia như trong một nhà cần nhất phải có nơi để hội-họp gia-tộc, huống chi trong một hội lớn lại chẳng cần có một nơi hội-sở xứng-dáng với cái công-cuộc lớn-lao của hội hay sao? Bởi thế, chúng tôi phải lo liệu lập nên một nhà hội-quán để cho hội ta khi hội-đồng có chỗ mà họp, để cho tất cả các hội-viên hằng được gặp nhau, trong một nơi toàn những người thanh-khí, có thể cùng nhau đổi-trao tư-tưởng kiến-thức, buộc chặt mối tình tương-ái tương-thân, mà cùng nhau làm cho thành-đạt cái công-cuộc chung cho tất cả xã-hội. Công

việc Hội ta làm rất may-mắn, khi tìm nơi lập nhà hội-quán, may sao được ngay một chỗ vào bậc thắng-cảnh nhất trong thành-phố Hà-nội này. Các ngài hãy xem các cái đã kiến-trúc đã xếp đặt, thì đủ biết có nhiều cái thanh-thú đặc-biệt: nào là sẵn chỗ để kiến-trúc lâu-dài, nào là sẵn chỗ vườn chơi; để làm nơi tiêu-khiên, làm chỗ chơi âm-nhạc, các cuộc vui ấy rồi sẽ làm dần, ước rằng đến kỳ đại-hội-đồng sang năm sẽ có đủ cuộc vui thưởng-ngọa.

Cái công việc của Hội ta nay mở-mang được thế này, nếu không có các qui quan có thể-lực, các bạn đồng-chí có hăng-tâm thì sao bây giờ đã trông thấy cái quang-cảnh này? nhờ các qui-quan hội ta mới thuê được miếng đất này trong 30 năm, chiếu lệ mỗi năm chỉ phải giả một đồng bạc tiền thuê, không những thế mà thôi, lại được nhiều tiền trợ-cấp; nhờ các ngài có hăng-tâm, Hội ta mới được thêm các món tiền to đẽ mà sáng-tạo lên được cái công cuộc kiến-trúc lớn lao này. Chốc nữa các ngài sẽ nghe tờ trình của ông Tủ-quĩ tỏ bày rõ-ràng về các món tiền thu-nhập và chi-xuất của Hội.

Các ngài nên cùng với chúng tôi biểu đồng-tình mà tỏ lòng cảm ơn quan Toàn-quyền Long và quan Toàn-quyền Sarraut, đã phù-trợ cho Hội được thành-lập và phát-đạt; lại cảm ơn quan Thống-sứ Monguillot và quan Thống-sứ Rivel, đã làm ơn cho Hội ta một cách thực công-hiệu; lại cảm ơn quan Đốc-ly Mourroux đã nhiều phen tỏ lòng giúp đỡ cho Hội ta; sau lại cảm ơn tất cả các nhà có hăng-tâm không cứ là vì cái danh-hiệu gì mà cũng đem tiền bạc quyền-trợ vào Hội để làm nên công-quả. Công-đức của các vị đại-nhân và các nhà hữu-tâm ấy sau này sẽ ghi-tạc vào cái bia kỷ-niệm để lưu-truyền thiên-vạn-niên.

Thưa các ngài, nay chúng ta đã có nơi hội-sở, nơi hội-sở này ví như một nơi trung-tâm-hóa để phát-quang ra khắp mọi nơi, thế thì cái cơ-quan hành-động của

ta cũng phải do ở đây mà phát-khởi ra; hội-đồng trị-sự chúng tôi xin các ngài đem lòng mà cùng giúp đỡ cho công-cuộc hội ta ngày thêm phát-đạt. Cái trường-trình hội ta sẽ dần dần thi-hành sau này, tôi không thể nói hết ra đây được; chương-trình ấy sẽ lần-lược đăng lên Nam-Phong-tạp-chí. Nay tôi chỉ nói đại-lược để các ngài xét xem các điều dự-định của chúng tôi nên chăng thế nào, tùy các ngài bàn định, chớ không phải bắt buộc các ngài phải theo ý chúng tôi. Xin các ngài xem chương-trình rồi cứ tự ý đem kiến-thức của mình mà nghị-luận cho xác đáng. Ngài nào có ý-kiến gì, hay muốn phát-ngộ điều gì, xin cứ công-nhiên mà nói, để đại-hội-đồng quyết-định. phàm các điều gì đã do đại-hội - đồng quyết - định thì hội-đồng quản-trị sẽ tuân theo một mực mà thi-hành.

Vậy các ngài có ý-kiến gì muốn xướng-ngộ, chốc nữa xin cứ tỏ-bày ra đây để ta cùng bàn định.

Nay tôi xin nhắc lại từng câu ở điều thứ 2 trong điều lệ hội ta, để chúng ta cùng nhau xác-định một cái chương-trình để thi-hành cho thỏa-hợp.

Trước hết trong điều ấy có nói rằng: « Mục-dịch hội ta là để mở-mang cho quốc-dân An-Nam biết những tư-tưởng học-thuật của nước Đại-Pháp ».

Đó không phải là chúng ta dám đầu nhận lấy cái trách-nhiệm tổ-chức về sự giáo-dục để truyền-bá học-thuật Thái-tây. Làm như thế, thì quá cái địa-bộ của ta, mà lại ra ngoài cái chức-vụ của ta. Giáo dục là việc của Chính-phủ và là việc chuyên-trách của các học-trường. Nhưng mà học trường là nơi chỉ để cho người thanh-niên học-tập; ngoài ra còn phần nhiều người vẫn quen thói cũ, hề thấy điều gì mới lạ ư ngoài lại, thì hay đem lòng ghen-ghét, nhất là dân bà và những người cô-lậu chỉ hay mê-tin những sự nảm-nhi. Bởi vậy

những bọn thanh-niên khi khỏi nhà trường ra về mà tiếp-súc với những thói hủ-lậu ở quê-hương, thì không có mấy người đã hiểu thấu được sự tân-học là có ích-lợi, phần nhiều là bị cái thói cũ nó che-lấp mất cái học-thức non-nớt của mình đi. Nhất là về sự vệ-sinh, sự giao-tế trong xã-hội, thì người thiếu-niên không đủ tư-cách đối-định lại được cái thói cũ. Thành ra đầu vẫn hoàn đầu, tuy rằng gọi là có công theo-đòi tân-học mấy năm mà rồi cũng không thành ra kết-quả gì. Ta vẫn thường thấy có người thiếu-niên học ở trường tây trở về, đến khi ốm đau lại cứ tin dùng thuốc Tàu; thậm chí như thuốc *quinine* là một thứ thuốc thường dùng mà cũng không tin, thì thật lạ quá!

Bây giờ muốn chấn-chỉnh lại cái đời-phong hủ-tục ấy, thì Hội ta có thể gánh lấy trách-nhiệm để mà bồi-ích cho quốc-dân.

Thường hội ta cũng không cần gì phải lập ra trường học. Ta chỉ cần chỉ-định cái phương-trâm cho chính-đáng, đem cái tân-tư-tưởng mà thực-hành truyền-bá ra để thay vào cái cựu-tục. Muốn đạt mục-dịch ấy hội ta có nhiều cách:

Trước hết là khuyến-tưởng những sách hoặc viết bằng quốc-văn, hoặc viết bằng Pháp-văn, cốt để truyền-bá học-thuật Âu-tây cho đồng-bang ta. Nam-Phong-tạp-chí chính là một thứ sách rất nên khuyến-tưởng, hiện ông Phạm Quỳnh tổng-thư-ký hội ta làm chủ-bút. Tôi không cần phải ca-lụng cái thiên-tài ông Quỳnh, chắc các ngài cũng đã biết rồi. Những bài đại-luận của ông có ảnh-hưởng cho quốc-dân một phần rất to vậy. Ông Quỳnh có nhờ Hội quản-trị cho tạp-chí Nam-Phong thì nay tạp-chí Nam-Phong là một cái cơ-quan cho hội Khai-tri-tiến-đức ta. Không nói chắc các ngài cũng biết tạp-chí Nam-Phong là một cái tạp-chí lớn nhất nước ta, và có thể so-sánh được với những

tạp-chí có giá-trị của các nước. Những người trong tam-kỳ ta đọc tạp-chí Nam-Phong, toàn là những người có học-thức rộng cả. Tạp-chí Nam-Phong là một tạp-chí đáng trọng, vì bốn năm nay không hề thay-đổi mục-dịch cao-xa. Bây giờ chắc ai cũng công-nhận rằng tạp-chí Nam-Phong là một cái cơ-quan truyền-bá văn-minh rất diệu vậy. Thế thì ta phải biết mà lợi-dụng tạp-chí Nam-Phong. Cho được tới mục-dịch ấy, thì chúng ta phải tổ-chức lấy một bọn người gọi là « những người bạn thân tạp-chí Nam-Phong » để giúp ông Phạm Quỳnh trong sự mở-mang tạp-chí. Không những là ta dịch những áng văn kiệt-tác nước ngoài đã tìm-bỏ cho quốc-văn, ta lại phải hết sức gây lấy cái nền quốc-văn của mình cho được phong-phú hơn lên.

Bên Đại-Pháp cùng các nước văn-minh khác nhiều bậc thanh-niên văn-sĩ chỉ vì giúp việc các tạp-chí mà nổi tiếng với đời. Vậy sao ở nước ta lại không như thế? Tôi mong rằng trong các ngài đây, ngài nào có tài văn-chương có ý-kiến gì hay, cứ làm, gửi đến tạp-chí Nam-Phong, chắc tạp-chí sẵn lòng hoan-nghe.

Trong tạp-chí Nam-Phong cũng có đăng tờ trình công-việc của Hội, những việc của hội-đồng-quản-trị trách-kiến ra cùng những biên-bản các kỳ hội-đồng Hội ta. Tạp-chí Nam-Phong trước cũng đã đăng tập kỹ-yếu của Hội, từ bây giờ gỡ đi cũng vẫn đăng như trước. Vậy xin các ngài không những là mua mà lại cô-động cho tạp-chí Nam-Phong được nhiều người đọc. Ông Lê Văn-Phúc là người in tạp-chí Nam-Phong có hứa với chúng tôi sẽ hết sức làm cho những tranh-ảnh trong tạp-chí được đẹp thêm ra và những bài in được diễm-lệ. Và lại đang trú-tính biên-tập thêm một phần Pháp-văn của bạn thanh-niên đồng-

bang ta làm ra. Như thế thì tôi chắc rằng các ngài cũng hết lòng mà làm cho tạp-chí Nam-Phong sẽ được ngang với những tạp-chí lớn của Nhật và của Tàu có tiếng ở Á-Đông này.

Nhưng chúng ta không những chỉ tán-trợ các nhà văn-sĩ có bụng giúp Nam-Phong mà thôi đâu. Chúng ta còn làm nhiều việc khác nữa, trong điều-lệ Hội ta cũng có nói : chúng ta sẽ bảo-trợ hoặc về vật-chất hoặc về tinh-thần cho những nhà văn-sĩ viết được những sách có ích cho sự giáo-dục quốc-dân.

Sự tán-trợ đó có ba cách khác nhau : hoặc cô-động cho những sách ấy trong tập kỹ-yếu của Hội; hoặc thưởng cho tác-giả những giải văn-chương; hoặc quyền sách nào đích-đáng thì in giúp cho rõ nhiều.

Cho được như thế thì Hội định thiết-lập một Hội-đồng là hội-đồng khuyến-khích văn-chương. Khi có quyền sách nào đem lại thì sẽ lập một hội-đồng quản-trị xét xem thế nào.

Muốn cho sự khuyến-khích ấy có công-hiệu thì mỗi năm chúng ta định lệ có những giải thưởng như sau này: giải thưởng cho quyền văn-thơ nào hay; giải thưởng cho quyền nào có ích cho việc học; giải thưởng cho quyền tiêu-thuyết nào hay; giải thưởng cho những bài đoán-thiên-tiêu-thuyết nào hay. Đây là thưởng cho các sách viết bằng quốc-văn hoặc bằng Pháp-văn.

Chúng ta lại định khuyến-khích cho cả mỹ-nghệ nữa, cứ mỗi năm sẽ treo những giải thưởng cho mỹ-nghệ An-Nam.

Thưa các ngài đó là cái chương-trình của Hội ta định thi-hành giúp cho sự khai-tri dân trong nước, theo qui-trình của qui-Bảo-hộ.

Một cái mục-dịch nữa của Hội ta trong điều thứ 2 là « truyền-bá những nghĩa luân lý và khuyến-khích những việc đạo-đức ».

Chúng ta cũng đã sắp đến lúc cải-lương phong-tục. Ta đã khuyến-khích các nhà văn-sĩ soạn những sách có ích theo ý-tưởng Đại-Pháp thì cái mục-đích ấy sẽ có thể đạt tới được.

Thưa các ngài, tiện đây tôi xin đọc cái câu « Bàn-minh » của vua Thang trong sách « Đại - học » rằng : « *Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân* ». Sự thực-hành đạo-đức cốt phải nhất - tâm. Người biết nghĩa-vụ, người thật vắn-minh cần phải suy-xét những lý-tính của tính-hạnh mình ở lương-tâm. Thật vậy, trong một cái xã-hội, đề-phòng nghiêm-nhật, có hình-luật đề-ngặn-ngừa những sự rối-loạn trong dân-gian, nhưng đối với những người lương-thiện thì pháp luật ấy là thừa vậy. Văn-minh cổ của ta cũng nhờ cái luân-lý thực-tiến ấy nó là cái cơ-sở của cái phong - tục hay trong nước, mà nếu người nước ta cứ giữ mãi được cái bản - tính quý-hóa như xưa, thì nó lại làm cho xã - hội được hòa-bình, không cần phải có pháp-luật nghiêm-nhật.

Những câu trăm-ngôn ấy cũng giống như những câu ở trong luân-lý cổ nước ta, và trong luân-lý phương tây mà ta đang học. Cách dạy và cách giảng luân-lý tây-phương khác hẳn của ta, nên đồng-bang ta thường lầm cho là hai đẳng kỷ-luật khác nhau. Có nhiều người đồng-bang ta cho ta bắt chước luân-lý tây-phương thì phong-hóa nước nhà sẽ phải suy-đồi. Vì vậy nên nhiều người không tin.

Có nhiều kẻ bắt chước luân - lý tây-phương không phải đường, nên bị đồng-bang lấy đạo ngũ-luân ra mà khinh-bĩ ; mà những kẻ học dở-dang ấy lại lên mặt là những tay học-thức rộng ; họ làm như vậy là chỉ làm cho xã-hội phải hỗn-tạp đi thôi.

Còn những kẻ khác vì lòng hẹp-hòi

ghen-ghét chỉ biết lấy đạo ngũ-luân và sự thờ-phụng tổ-tiên làm trọng, mà ngoài ra không biết bắt chước lấy những đức-tính hay của phương tây đề hồ-cứu vào những điều khuyết - điểm của văn - minh nước mình ; này xem như cái lòng bác-ái của các giáo-hội Thiên-chúa mà ta từng thấy thực-hành ở xứ ta đề cứu giúp những người cùng khổ, tôi nói thế là tôi mới kể một điều, còn nhiều điều hay nữa không thể kể xiết được.

Nói tóm lại, hai cái luân-lý mà người ta tưởng là khác nhau, mà cũng có một cái cốt-chính như sau vậy. Cái cốt-chính ấy gọi là « sự khôn ngoan của các dân-tộc. » Vậy trước hết ta phải làm cho quốc-dân ta có cái luân-lý thực-tiến đề lương-tâm ta có người hướng-lộ mà theo.

Những người thanh-niên An-Nam có tư-tưởng, sắp được Hội ta khuyến - khích vào con đường luân-lý phồ-thông, đông tây dung-hợp.

Chúng ta cũng lại theo cái ý ấy mà khuyến-thưởng và cổ-động những công-cuộc có mục-đích cao-thượng, ích-quốc lợi-dân, hoặc cho người trong Hội, hoặc cho những người trong các hội khác trong nước như là hội « Thanh-niên Nam-Việt » mà quan năm Monet cũng là chân tán-trợ Hội ta vừa lập ra ở Hà-nội.

Một cách rất diệu thực-hành luân-lý là sự làm việc nghĩa. Hội-đồng quản-trị đã dự-định một việc, nay tôi không muốn nói nhiều, không muốn các ngài phải chú-ý đến lắm, muốn đề các ngài thực - khảo, là một việc vệ-sinh chung cho hải-nhi An-Nam ở nhà quê. Tôi mong rằng nhiều ông hội-viên ta ở các tỉnh giúp chúng tôi làm được việc nghĩa-cử đích-đáng ấy, khiến cho những người muốn cho nòi giống ta được tăng-tiến phải chú-ý lưu-tâm.

Bài diễn-văn này khi dài, tôi xin ngừng lại. Tôi phải phác qua cái chương-trình của Hội chúng ta là thế để các ngài rõ. Tôi xin nhắc lại rằng tập kỹ-yếu Hội ta sẽ nói minh-bạch về những vấn-đề mà tôi mới nói lược qua. Tôi cũng xin các ngài nên đem những ý-kiến riêng mà tán-hành vào những vấn-đề ấy.

Chốc nữa ông Nguyễn Qui-Toản là tổng-thư-ký thay ông Phạm Quỳnh đi vắng sẽ đọc cho các ngài nghe những chỗ Điều lệ chúng tôi muốn sửa đổi lại, ông Toản sẽ nói rõ cho các ngài biết những chỗ định sửa đổi ấy, là vì muốn đề liên-lạc với các ông thân-hào Đại-Pháp hết lòng tán-trợ cho Hội ta.

Bây giờ tôi lại xin cảm ơn tất cả các ngài có mặt ở đây, hoặc vắng mặt ở đây mà đã giúp đỡ cho Hội ta.

Tôi xin đem trình ra đây mấy điều đề đại-hội-dồng bàn định.

Vậy tôi xin khai hội-dồng; ông tổng-thư-ký sẽ đọc các vấn-đề về kỹ đại-hội-dồng này đề các ngài quyết-định.

Khi quan Hội-trưởng đọc xong thời cử-toa đều vỗ tay.

Kế đến ông Tổng-thư-ký đọc những vấn-đề của hội-dồng quản-trị muốn hỏi ý đại-hội-dồng :

Điều thứ 1. — Hội định mỗi năm phát phần thưởng danh-dự cho học-trò giỏi trong ba bậc sau này :

1. Bậc trung-học bản-xứ.
2. Bậc thành-chung-học. (trường Bảo-hộ và trường Nữ-lưu học-sinh.)
3. Bậc sơ-học, học-trò con trai con gái đỗ bằng cơ-thủy.

Đại-hội-dồng đồng-thanh duyệt-định.

Điều thứ 2. — Hội định phát phần

thưởng văn-chương cho những nhà trước-thuật nước ta đã làm những sách hay hoặc bằng chữ Pháp hoặc bằng quốc-ngữ.

Ông Bạch Thái-Bưởi xin cũng phát phần thưởng cho những nhà làm những sách bằng chữ nho.

Quan Nguyễn Năng-Quốc đứng dậy cất tiếng nói : « Chữ nho ở quốc-dân ta ngày nay sắp sửa về hưu. Các trường học một tuần lễ cũng chỉ dạy chữ nho có vài giờ, mà cách dạy lại sơ sài lắm. Vậy đặt phần thưởng chữ nho thì ngày nay quốc-dân ta ai là người có thể làm được sách chữ nho? Mà có làm được nữa thì ai là người có thể chấm được chữ nho? và sách chữ nho rồi để cho ai xem? Như thế thì giải thưởng chữ nho mà ông Bạch Thái-Bưởi xin đặt ấy thì chỉ đề « mốc » đấy thôi. »

Ông Nguyễn Hữu-Thu đứng dậy nói rằng : « Phải, chữ nho nước ta ngày nay đã sắp đến lúc phải về hưu. Vậy cái phần-thưởng chữ nho hãy xin hoãn lại đề sau này sẽ định ».

Quan Nghiêm Xuân-Quảng nói : « Làm sách là cốt đề tả tư-tưởng, dầu làm bằng Pháp-văn hay Hán-văn, cốt tỏ được tư-tưởng có ích là hơn, chữ nho ngày nay tuy đã đến lúc sắp về hưu, nhưng biết đâu lại chả có người làm được sách chữ nho, chả có người chấm được sách chữ nho, chả có người xem được sách chữ nho. Cái tên hội « Khai-tri tiến-dức » của chúng ta đây lại không phải là chữ nho đấy ư? Vậy thì sự đặt phần thưởng cho chữ nho là rất nên vậy. »

Quan Từ Đạm đứng dậy nói rằng : « Chữ nho thời bây giờ đã không cần lắm, những tiếng ta thường dùng bằng chữ nho, ta nên đổi ra làm quốc-âm, như là « văn-minh » nên nói là sáng sửa. v. v. »

Ông Nguyễn Tất-Tế đứng dậy nói: « Ngày nay ta học chữ tây, chứ trước kia ta học chữ gì? Tuy chữ nho ngày nay sắp sửa về nru, nhưng nghĩa-vụ ta là phải bảo-tồn lấy chữ nho. Vậy Hội ta đặt phần-thưởng cho chữ nho cũng rất là nên vậy ».

Ông tổng thư-ký Nguyễn Qui - Toàn nói : « Đặt phần-thưởng cho quốc-văn ấy là đặt phần-thưởng cho hán-văn. Vì sao? vì rằng người nào đã thông chữ nho chắc là làm được quốc-văn. Văn-chương nước mình mà người mình không chịu luyện-tập còn mơ-màng tập viết những văn nước nào, như thế thì thiết-tưởng Hội ta không cần đặt phần-thưởng hữ nho cũng được ».

Ông Trần Trọng-Kim đứng dậy nói rằng: « Phàm những tiếng quốc-văn nước ta đều ở hán-văn ra cả, mà mục đích Hội ta cốt để chấn-hưng học thuật mới, thời cần phải trọng-khuyến quốc-văn đã đành, nhưng cũng cần phải duy-tri đạo-đức cũ, thế thì nên đặt phần-thưởng hán-văn là phải. » Cử-tọa vỗ tay khen.

Sau cũng có nhiều ông hội-viên nói, xem ra công-luận còn phân-vãn, nên quan Hội-rưởng lắc chuông hỏi rằng: Ai thuận đặt phần-thưởng hán-văn thì giơ tay lên. Khi ấy phần nhiều người biểu-đồng-tình đặt phần thưởng hán-văn.

Điều thứ 3. — Hội định mở một phòng để bày những đồ mỹ-nghệ xứ ta và phát phần thưởng cho các nhà xảo-thủ về mỹ-nghệ.

Đại-hội-đồng đồng-thanh duyệt định.

Điều thứ 4. — Hội định đặt ra phần thưởng khuyến-kích về việc luyện-tập thể-thao.

Đại-hội - đồng cũng đồng-thanh duyệt-định.

Điều thứ 5. — Hội định đặt một hội-đồng « thân-hữu giúp việc Nam - Phong tạp-chí ».

Đại Hội-đồngđều ưng thuận và xin giao quyền cho Hội-đồng quản-trị tổ-chức một hội-đồng thân-hữu giúp việc Nam-Phong tạp-chí.

Hội-đồng nghe tờ biên-bản của hội-đồng kiểm-soát sổ kế-toán năm 1921, như sau này :

Tám giờ tối ngày 14 tháng tư tây 1922, hội-đồng kiểm-soát có quan Trần Văn-Thông làm chủ-tọa và ông Phạm Văn-Duyệt họp tại nhà ông chánh-thủ-quĩ Hội là ông Lê Văn-Phúc ở phố hàng Gai số 82.

Hội-đồng xét sổ kế -toán năm 1921 thì thấy giấy-má và tiền bạc đều đúng cả.

Số tiền thu vào là 2 vạn 4 nghìn 6 hào 2 xu, do ở những khoản sau này :

Tiền phụ-cấp của Chính-phủ Đông-Pháp là 10.000 \$ 00

Tiền phụ-cấp của Chính-phủ Bắc-kỳ..... 5.000 , 00

Tiền của 112 hội-viên, mỗi người 20 \$ 00 là 2240 \$ 00
 Tiền của 36 hội-viên, mỗi người 2 \$ 00 là 72 , 00 } 2.356 , 00

Tiền của 22 hội-viên, mỗi người 2 \$ 00 là 44 , 00

Tiền lạc-quyên 1 số 2000 \$ = 2000

»	2	»	1000	=	2000
»	1	»	300		300
»	1	»	250		250
»	2	»	200		400
»	9	»	100		900
»	8	»	50		400
»	4	»	30		120
»	9	»	20		180
»	3	»	15		45
»	9	»	10		90
»	1	»	6		6
»	1	»	5		5

Tiền bán 10 cái dấu hiệu 6.696 . 00
 bằng bạc của hội.....10 . 00

Tổng cộng tiền thu 24.062 \$ 00

Số tiền tiêu cộng là 2 vạn 2 nghìn 4

trăm 69 đồng 6 hào 4 xu, phân ra như sau này :

Giả tiền ông Aviat, thầu trưng nhà hội-quán :

Ngày 7 tháng giêng tây năm 1921	4000 \$ 00
11 » tư » »	6000 , 00
Ngày 15 tháng sáu năm 1921	7000 , 00
Ngày 6 tháng tám năm 1921	1000 , 00
Ngày 29 tháng mười năm 1921	2000 , 00
Tiền sắm đồ đạc	303 , 00
Lương những người làm việc của hội	177 , 00
Tiền mua phần-thưởng cho các trường Pháp - Việt ở Hà-thành	50 , 00
Tiền tiêu vật	56 , 00
Tiền giả lại ông Nguyễn Kim-Lân (đóng hai lần) và ông Lý Thiên-Miêu (không cho vào hội) mỗi người 20. \$	40 . 00
Tiền phí tồn về lễ nghênh-tiếp quan Thống-chế Joffre.	400 \$ 00
Tiền ứng đề tổ-chức cuộc diển-kịch « Trưởng-giả học	

làm sang » ngày tháng giêng tây năm 1922

Tổng cộng tiền tiêu 22.469 \$ 00

Số tiền còn thừa lại : 1.592 . 36

cộng với món tiền ở quỹ

đến 31 tháng chạp tây năm 1920.

33 . 43

thì còn là : 1625 \$ 79

Vậy tiền để quỹ đến

ngày 31 tháng chạp tây năm 1921.

625 . 79

Tiền gửi ở nhà Thực-nghiệp ngân-hàng

1000 . 00

1625 \$ 79

Hội-đồng lại xét những tiền gửi ở nhà

Thực-nghiệp ngân-hàng như sau này :

Tiền gửi đến ngày 31

tháng chạp tây năm 1920 7.721 \$ 80

Tiền gửi đến ngày 31 tháng

chạp tây năm 1921 1000 . 00

Tiền lãi đến ngày 26 tháng

7 tây năm 1921 100 . 85

Cộng là 8,822 \$ 65

Chánh hội-đồng

ký tên : Trần Văn-Thông.

Hội viên Phạm Văn-Duyệt.

Ông Lê Văn-Phúc, Chánh-thủ-quỹ Hội đọc sổ dự-toán năm 1922 :

Những số tiền thu ;

<i>Khoản thứ 1.</i> — Tiền hội-viên đóng	3000 \$ 00	năm 1922 còn 2218 \$ 00
<i>Khoản thứ 2.</i> — Tiền phụ-cấp của Chính-phủ	6000 \$ 00	thì đã thu được 544.
<i>Khoản thứ 3.</i> — Tiền lạc quyền	5000 , 00	tiền vay ngày 8 tháng
<i>Khoản thứ 4.</i> — Tiền thu về ngày hội-lễ và diển-kịch	3000 , 00	tư năm 1922.
<i>Khoản thứ 5.</i> — Tiền còn lại năm 1921 ở quỹ		Tiền quyền là 3910 \$ 10
625 \$ 79 và ở nhà Ngân - hàng		thì đã thu về 3450
8822 \$ 00	9447 , 75	Ngày tháng giêng năm
Tổng cộng	26.647 \$ 79	1922 thu được 1531 \$ 10

Những số tiền tiêu :

Tiền làm nhà cửa :

<i>Khoản thứ 1.</i> — Làm hoàn-thành nhà công-quán.....	6500 \$	} 9 700 \$ 00
Làm một cái vườn và xây		
tường chung quanh.....	700	
Đặt tiêu và máy nước.....	2500	
<i>Khoản thứ 2.</i> — Mua đồ đạc và bát đĩa.....	2000	2.000 , 00
<i>Khoản thứ 3.</i> — 1. Mua sách và nhật-trình... 500		} 2.500 , 00
2. Mua các phần-thưởng....	2000	
<i>Khoản thứ 4.</i> — Hội lễ và diễn-kịch.....	3000	3.000 , 00
<i>Khoản thứ 5.</i> — Người làm công : một		
người đánh máy.....	180,00	} 744 , 00
một người phụ kế toán.....	180,00	
một người chạy giấy.....	180,00	
một đứa bé con.....	60,00	
Hai người làm vườn.....	144,00	
<i>Khoản thứ 6.</i> — Giấy má, tem.....		200 , 00
<i>Khoản thứ 7.</i> — Đèn điện.....		600 , 00
Nước.....		80
Chữa vật.....		100 , 00
<i>Khoản thứ 8.</i> — Thuê đất Engler Công-ti.....		216 , 00
<i>Khoản thứ 9.</i> — Chi phí về việc phái bộ,		
diễn-thuyết v. v.....		1000 , 00
<i>Khoản thứ 10.</i> — Tiêu vật.....		500 , 00
<i>Khoản thứ 11.</i> — Tiền trừ bị.....		6007 , 00
Tổng cộng.....		<u>26.647 \$ 79</u>

Số dự-toán về tiền thu và tiêu cộng là 2 vạn 6 nghìn 6 trăm 47 đồng bạc, 7 hào 9 xu.

Việc cải máy diên ở điều-lệ Hội. Ông Tổng-thư-ký đọc cho đại-hội-đồng nghe những điều thay đổi lại như sau này :

Điều thứ 8. — Những hội-viên hội-đồng bảo-trợ nói ở thiên thứ tư có thể xin làm tán-trợ hội-viên hay là chủ-trì hội-viên được, thì phải đóng tiền theo như điều thứ 7 ở điều-lệ Hội. Những hội-viên ấy được quyền quản-trị trong Hội.

Điều thứ 27. — Việc kinh-phí trong công-quán do các khoản như sau này :

1^o. — Góp về công-quán do hội-

đồng quản-trị định; tiền ấy phải nộp trước.

2^o. — Phạm hội-viên ở Hà-nội hay là ở gần Hà-nội có biên tên vào sổ công-quán là hạng « hội-viên đến thường » thì cả năm tháng nào cũng phải góp.

Còn những hội-viên không ở Hà-nội và có biên tên vào sổ công-quán là hạng « hội-viên qua lại » mà thôi thời khi

nào qua Hà-nội bấy giờ mới phải góp, nhưng góp ít ra cũng là phải trọn một tháng.

Những "hội-viên đến thường" thì có cái phiếu vàng; những "hội-viên qua lại" thì có cái phiếu xanh; còn những học-sinh Cao-đẳng được đặc-cách vào nhà công - quán theo điều thứ 26 thì có một cái phiếu đỏ.

Những phiếu ấy dùng riêng cho từng người, những người có phiếu ấy mới được hưởng những cách tiêu-khiển đã kê trong điều-lệ Hội như là các cuộc chơi, xem nhật-trình, xem sách, đến phòng ăn uống. V. V. . .

Những hội-viên chỉ được quyền-lợi y thời, còn những khi-dụng về các cuộc hơi thường hay là cuộc chơi thể-thao như là cái vợt (raquettes) quả bóng đánh quần (tennis), kiếm, gươm cùng các khi-dụng đánh võ. V. V. . . , thì phải sắm lấy mà dùng cả đến tiền giả các giáo-sư dạy các mĩ-nghệ hay là tập đấu-võ ở tại nhà công-quán cũng phải chịu.

Điều thứ 30. — Thêm một người giữ thư-viện.

THIÊN THỨ IV

Điều thứ 40. — Hội đồng quản-trị hội Khai-trí-tiến-đức lập một hội-đồng bảo-trợ có người Đại-Pháp; hội-đồng ấy cốt để khuyên dẫn cùng giúp đỡ Hội cho đạt tới mục-đích Hội.

Hội-đồng quản-trị nên chọn mấy vị hội-viên để sung chức hội-viên hội-đồng bảo-trợ. Hội-trưởng hội Khai-trí-tiến-đức thay mặt Hội mà tru-liệu tổ-chức việc ấy.

Những hội-viên hội-đồng bảo-trợ và danh-dự hội-viên của Hội; những danh-dự hội-trưởng cũng được quyền dự vào hội-đồng ấy.

Những hội-viên hội-đồng bảo-trợ mà làm giấy xin vào làm tán-trợ hội-viên hoặc chủ-trì hội-viên như đã định

theo điều thứ 8 ở điều-lệ Hội thời được dự-quyền quản-trị Hội.

Những hội-viên đã thuận vào chân hội-đồng bảo-trợ thời phải đoán rằng đem thế-lực giúp hội-đồng quản-trị. Khi hội-đồng quản-trị nhờ giải-quyết những vấn-đề gì thời hội-đồng bảo-trợ phải giúp đỡ.

Chỉ có Hội-trưởng hội khai-trí-tiến-đức mới có quyền thay mặt Hội mà giao-thiệp với các hội-viên hội-đồng bảo-trợ.

Khi nào có mấy viên hội-đồng bảo-trợ họp hội-đồng để bàn một vấn-đề có ích cho Hội thời tòa trị-sự được dự hội-đồng nhất là Chánh-hội - trưởng hay là một Phó-hội-trưởng phải có mặt. Khi có họp hội-đồng thời hội-viên nào nhiều tuổi nhất làm chủ-tọa.

Điều thứ 4 đổi thành ra thứ 41 . . .

Khi ông tổng-thư-ký đọc đến khoản thứ nhất ở điều thứ 27 : « tiền góp về công-quán do hội-đồng quản-trị định; tiền ấy phải nộp trước », thì nhiều ông hội-viên xin bỏ lệ đóng 0 \$ 50, một tháng (vì trước đã định thu những ông hội-viên ở Hà-nội mỗi tháng 0 \$ 50), nhất là ông Đỗ Thận nói rằng : « Nếu thu tiền như thế thì nhiều người không bằng lòng đóng, nếu ông hội-viên nào không đóng 0 \$ 50 một tháng thì dù là hội-viên hội Khai-trí-tiến-đức mà không có quyền dự các cuộc tiêu-khiển ở nhà công-quán, như thế chả hoá ra không công lắm ru ?

Ông nguyên Thành là thủ-quĩ nhà công-quán Hội, đứng lên nói đại-khải như sau này :

Ông xin bỏ lệ thu 0 \$ 50 một tháng và xin Hội nên tru-tính lấy một món tiền gốc : trong Hội có ngót 700 hội-viên, 400 chủ-trì mỗi ông quyên 15 \$ 00 và thường hội-viên mỗi ông quyên 10 \$ 00 thì Hội ta góp ngay thành một món tiền 10.000 \$ 00. Món tiền ấy Hội sẽ giao cho mấy hội-viên có gia-

bản đặt lãi 10% một tháng, thì mỗi năm thu được 1200 \$ thì đủ chi-tiêu việc công-quản.

Ông Nguyễn Thành nói xong, thì quan Hội-trưởng cùng nhiều ông hội-viên khác nói rằng lời ông Nguyễn Thành mưu đó rất là lợi, nhưng Hội ta đối với luật-pháp không có đủ tư-cách cho vay đặt lãi; quan Hội-trưởng nói hội-viên nên đóng mỗi năm một món tiền. Bàn một lúc, rồi đại-hội-đồng định rằng những hội-viên ở Hà-nội mỗi năm đóng 3 \$ 00, còn những hội viên ở các nơi thì mỗi năm đóng 1 \$ 00.

Còn những điều khác thay đổi ở điều-lệ thì đại-hội-đồng ưng-thuận cả.

Việc cử một hay là nhiều viên kiểm-tra sổ-sách thì đại-hội-đồng giao cho hội-đồng quản-trị tùy-tiện cắt cử.

Việc cử một tòa kiểm-trị tạp-chi Nam-Phong thì đại-hội-đồng cũng giao cho hội-đồng quản-trị liệu cử.

Đại-hội-đồng bầu lại một hội-đồng quản-trị theo như điều thứ 11 trong điều-lệ Hội. Những ông có tên sau này có giấy ủy-quyền :

Giấy ủy-quyền cho quan Chánh-hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu :

M. M. Phạm Văn - Thụ — Nguyễn Đức-Ngọc — Đỗ Tiến-Thiệu — Phạm Kiềm-Toàn.

Ủy-quyền cho ông Lê Văn-Phúc :

M. M. Nguyễn Tồn-Khải — Nguyễn Trọng-Thuật — Đỗ Như-Phụ — Nguyễn Hoàng-Thu — Vũ Xuân-Tâm — Nguyễn Thụy-Bành — Nguyễn Văn-Đào — Phạm Bá-Rong.

Ủy-quyền cho ông Bùi Đình-Tà :

M. M. Nguyễn Như-Gi.

Ủy-quyền cho ông Ngô Tiến-Cảnh :

M. M. Hoàng Huy-Giao — Hà Lương Ún — Cầm Ngọc-Phương — Nông Ích-Lương — Bạc Kầm-Yên.

Ty-quyền cho ông Lê Nguyên-Úc :

M. Mai Huy-Hội.

Ủy-quyền cho ông Phạm Mạnh-Xứng:
MM. Nguyễn Văn-Bàn. Phạm Gia-Thụy.

Ủy-quyền cho ông Hà Duy-Thăng :
MM. Trần Như-Chỉnh. Nguyễn-Văn-Ích.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Hữu-Thu.
M. M. Nguyễn Xuân-Đài. Uông Chu-Miền. Nguyễn Sơn - Hà. Phạm Cao-Koungue. Lương. Ngãi. Hinh. Hàm. Điền.

Ủy-quyền cho ông Nguyễn Qui-Toản :
M. Phùng Văn-Kim.

Ủy-quyền cho ông Lân :
M. Khôi.

Ủy-quyền cho ông Bạch Thái-Sơ :
M. Nguyễn Huy-Hội.

Ủy-quyền cho quan Nguyễn Năng-Quốc :

M. M. Nguyễn Huy - Trục, Vũ Đình-Khôi, Nguyễn Văn-Thành, Nguyễn Đăng-Thịnh.

Ủy-quyền cho ông Phạm Huy-Lục :
M. M. Hoàng Bá-Đình, Phạm Duy-Trí, Nguyễn Văn-Nguyễn.

Khi mở phiếu thì những ông có tên sau này được trúng cử :

M. M. Marty,	45 phiếu
Hoàng Trọng-Phu	45 »
Bạch Thái-Bưởi	44 »
Bùi Huy-Tin	43 »
Nguyễn Thành	43 »
Nguyễn Văn-Tám	43 »
Đào Hướng-Mai	42 »
Lê Thành-Ý	40 »
Phạm Huy-Lục	40 »
Nguyễn Kim-Lân	32 »

Vậy kể cả hội-viên mới và cũ thì hội-đồng quản-trị như sau này :

MM. Marty, Hoàng Trọng-Phu, Mai Trung-Cát, Phạm Mạnh-Xứng, Trần Văn-Thông, Lê Trung-Ngọc, Chế Quang-Ân-Từ-Đạm, Nguyễn Năng-Quốc, Đặng Đức,

Cường, Nguyễn Hữu-Thu, Đào Huấn, Mai, Hoàng Quang-Hương, Bạch Thái-Bưởi, Phạm Văn - Khoan, Nguyễn Thành, Nghiêm Xuân-Quảng, Bùi Huy-Tin, Nguyễn Văn-Tâm, Phạm Quỳnh, Đỗ Thận, Lê Thành-Ý, Nguyễn Qui-Toản, Nguyễn Tất-Tế, Nguyễn Kim-Lân, Lê Văn-Phúc, Hoàng Hữu-Đôn, Trần Trọng-Kim, Phạm Văn-Thụ, Trần-Mỹ, Nguyễn Hữu-Ích, Trần Viết-Soạn, Vũ Ngọc-Hoánh, Phạm Huy-Lục.

Hội-đồng quản-trị họp ngay để bỏ mật phiếu bầu một tòa trị-sự như sau này :

(21 phiếu bầu)

M. M. Hoàng Trọng-Phu,	Chánh hội-trưởng	21	phiếu
Trần Văn - Thông,	phó hội-trưởng	19	phiếu
Nguyễn Hữu-Thu	phó hội-trưởng	18	phiếu
Bạch Thái-Bưởi		15	phiếu
Từ Đạm		12	»
Phạm Quỳnh	tổng thư-ký	21	»
Nguyễn Qui-Toản	phó	»	48
Lê Văn-Phúc	tổng thủ-quĩ	20	»
Nguyễn Thành	phó	»	19
Lê Thành-Ý	»	»	15
Marty	trị-sự	16	»
Nguyễn Văn-Tâm	»	16	»
Trần Trọng-Kim	»	16	»
Nguyễn Tất-Tế	»	11	»
Đỗ Thận	»	11	»

Các việc linh-tinh. — Ông Hoàng Hưu-Đôn có viết giấy yêu-cầu với hội những điều sau này :

1^o Cứ mỗi năm đến ngày 2 tháng năm ta, hội sẽ mở đại-tiệc để tất cả hội-viên đến dự tiệc ;

2^o Xin bỏ hẳn sự đánh bạc ở nhà công-quan ;

3^o Xin làm một cái giáp bằng kẽm ở san nhà hội ;

4^o Xin dự-dịnh lập một phường fanfare, và mua ngay một cái piano ;

5^o Xin phái các hội-viên có thể-lực đi các tỉnh cổ-dộng lập chi-hội ;

6^o Xin bày ở nhà Hội một cái tủ để trữ những đồ nội-hóa mới hay cũ.

Những điều quan huyện Đồn xin thi đại-hội-đồng giao cho hội-đồng-quản-trị xét.

Đúng 1 giờ chiều, đại Hội-Đồng giải tán.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Mai có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong 2 tháng các hội-viên ngoài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết :

A. — Xin vào chân chủ-trị.

1. M. — Nguyễn Huy - Cơ, Entrepreneur, 29 Rue du Vieux Marché Hanoi.

2. Đặng Đình - Quang, Entrepreneur, 17 Rue Jules Ferry Hanoi.

(Do ông hội - viên Hoàng Quang Hương giới-thiệu.)

3. — Nguyễn Minh-Tánh, Etudiant en Médecine, Ecole de Médecine Hanoi.

4. — Lê Tấn - Châu. Etudiant en Médecine, Ecole de Médecine Hanoi.

5. — Nguyễn Xuân - Cảnh, Tham-tá sở Địa-chất (agent technique du Cadastre) Hanoi.

6. — Nguyễn Văn - Mão, Négociant 31 Bd Henri d'Orléans Hanoi.

7. — Lê Văn - Ý, Commis indigène des Douanes et Régies, 57 Ruelle Phất-lộc Hanoi.

8. — Alcide Mazières Rédacteur à France Indochine Hai-phong.

9. — Trương Ngọc-Minh, Secrétaire des Travaux Publics, 88 Rue Maréchal Pétain Hanoi.

10. — Đỗ Huy-Cảnh, Commis indigènes des Douanes et Régies, 72 Rue du Riz Hanoi.

11. — Chu Trương-Thọ, sở Lục-lộ Hà-đông.

(Do ông hội-viên Nguyễn Gia-Huy giới thiệu.)

12. — Đinh Văn-Sùng, Lý-trưởng làng Hàn-thượng, tổng Hàn-giang huyện Cẩm-giang tỉnh Hải-dương.

13. — Nghiêm Viết-Bình Chánh hương-hội làng Hàn-thượng, tổng Hàn-giang, huyện Cẩm-giang tỉnh Hải-dương.

14. — Đào Xuân-Quế, làm ruộng, làng Ngọc-cục, phủ Bình-giang tỉnh Hải-dương.

15. — Nguyễn Hữu-Giong, Bắc-ký-tư-vấn nghị-viên, làm ruộng, làng Nhuận lý, tổng Yên-lương, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương.

16. — Trần Văn-Tinh, chánh-tổng, làm ruộng, làng cổ-pháp, tổng Yên-phủ, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương.
(Do quan Thượng Hải-dương giới-thiệu)

17. — Phương Đình-Hiền, chánh-tổng, làm ruộng, làng Yên-giới, tổng Yên-dật, phủ Nam-sách, Hải-dương.

18. — Nguyễn Đình-Lạc, chánh-tổng kiêm hội-viên, làng Bối-thượng, tổng Mao-điền, huyện Cẩm-giang, tỉnh Hải-dương.

19. — Ngô Trọng-Lũ, Tham-tá tòa Địa chính Hà-nội.

20. — Nguyễn Bá-Lưu, Bắc-ký-tư-vấn nghị-viên buôn bán Việt-trì.

21. — Vũ Đức-Hồi, comptable à la Cie de commerce et de Navigation à Hai-phong. (Do ông Nguyễn Hữu-Thu giới-thiệu.)

22. — Dương Quảng-Hàm, Giáo-học trường Bảo-hộ Hà-nội, 92 Route Grand Boudda.

23. — Lưu Thế-Điện, Clere d'avocat, 44 Rue Vieilles de l'asses Hà-nội.

24. — Nguyễn Trọng-Tiến En reprenneur 33 Rue Felloirneau Hà-nội.

25. — Bùi Ngọc-Quỳ, Thừa phái de 2^e Classe Lai-châu.

(2 ông này do ông Trần Thọ-Huy giới-thiệu)

26. — Tiết Văn-Tuyên, Secrétaire des Travaux Publics à Vĩnh-yên.

27. — Hoàng Đình-Phan, Secrétaire des Travaux Publics à Vĩnh-yên.

28. — Trần Hợp-Hoan, Secrétaire interprète des Travaux Publics à Vĩnh-yên. (3 ông này do ông Ngọc-Đông giới-thiệu)

29. — Hà Quang-Bình, interprète à la Cours d'Appel.

30. — Trần Văn-Đình, Secrétaire service fluvial subventionné. (Do M. Bạch Thái-Sơ giới-thiệu.)

31. — Ngô Khắc-Đền, Bắc-ta xã, Bắc-ta tổng, Vĩnh-bảo, Hải-dương.

32. — Nguyễn Hữu-Duy, Buôn bán Hải-dương.

33. — Nguyễn Văn-Khúc, Tri-chánh Hữu-Lũng, Bắc-giang (ba ông này do quan Từ Đạm Tổng-Đốc Hải-dương giới-thiệu.)

34. — Trần Ngọc-Kỷ, làng Quỳ-phất, Đại-An, Nam-định (do ông Nguyễn Văn-Kính, 72 Rue de Paines giới-thiệu.)

Cải-chính

Chữ làm trong số báo 58 trang 303 cột thứ 2 dòng 30 chữ « điển-tích » đòi là « điều-tích ».

Trang 312 cột thứ 1 dòng thứ 3 chữ « đoan-tràng » đòi là « đoan-trang »



Tiểu - tượng cụ Thiều
Đặng-dức-Cường



Tiểu-tượng cụ Thượng Nam
Phạm-văn-Thụ



Tiểu tượng Bản chí chủ bút
Phạm Quỳnh tiên-sinh
ảnh ở Marseille

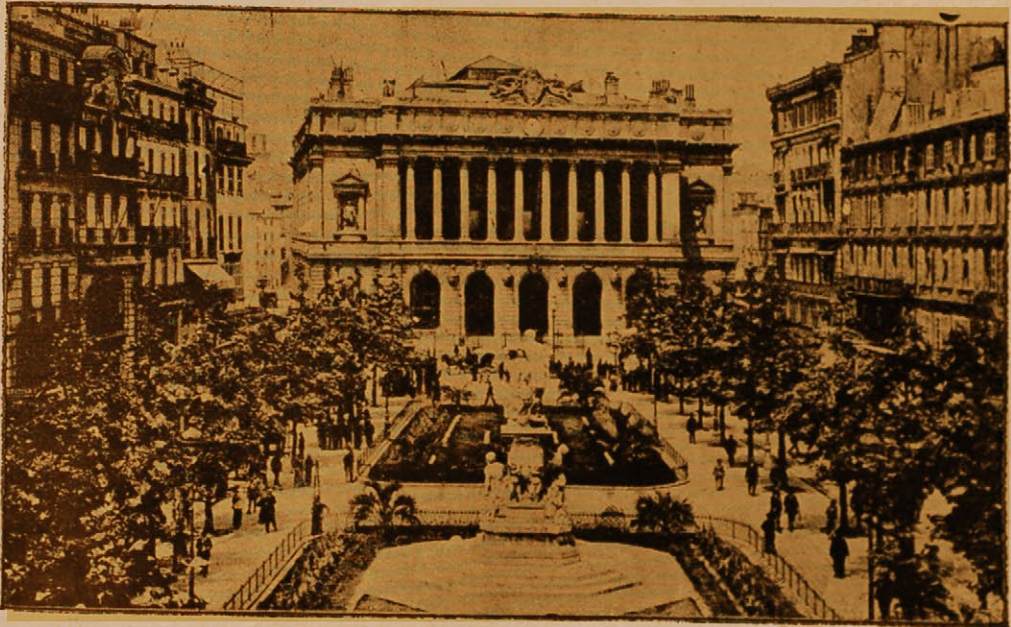
歐行之本誌主筆范瓊先生肖像

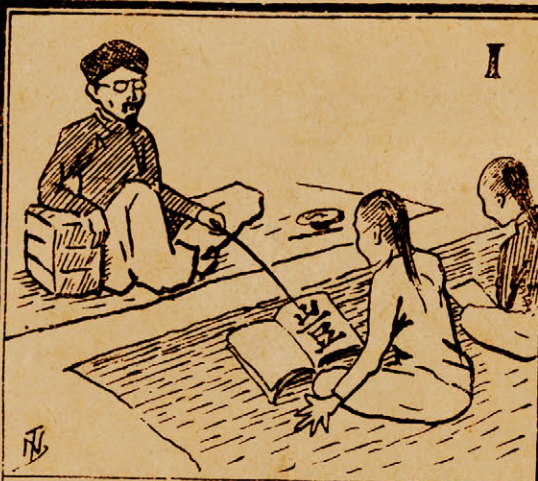
Hai cảnh ở thành phố Marseille

1^o



2^o





Sao mà chóng quên thế ?



Khỉ (1) là há, học đi !



Vẽ ra thế này thì đến chết cũng không quên



Đọc nghe thử nào !



Nhắc tôi với ! mau đi !



Thưa thầy : Chó là ngập ạ !

(1) Chữ này ở Bắc-Kỳ đọc là Khôi ở Trung-Kỳ là Khỉ.